

THĂNG LONG - HÀ NỘI NGÀN NĂM VĂN HIẾN

BÍCH NGỌC (Biên soạn)

36

HOÀNG HẬU
HOÀNG PHÌ
THĂNG LONG
HÀ NỘI



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

phuongnam

36 hoàng hậu, hoàng phi THĂNG LONG - HÀ NỘI

NGUYỄN BÍCH NGỌC (BIÊN SOẠN)

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

LỜI GIỚI THIỆU

Năm 2006, Nhà xuất bản Thanh Niên đã cho xuất bản cuốn *Công chúa Việt Nam* của Nguyễn Bích Ngọc. Nay, tác giả lại cho ra mắt bạn đọc cuốn *36 hoàng hậu, hoàng phi Thăng Long - Hà Nội*, và các bạn ở Nhà xuất bản cũng đề nghị tôi tiếp tục viết lời giới thiệu. Tôi cũng nhận thấy đây là vấn đề hay nên tôi rất hoan nghênh khuynh hướng sưu tầm, nghiên cứu để hi vọng có được một cái nhìn thông suốt về các vấn đề đáng quan tâm trong lịch sử nước nhà. Tôi đã vui vẻ nhận lời, dù biết đây không phải là chuyện dễ dàng, đơn giản.

Nói như vậy là bởi vì hoàn cảnh lịch sử nước ta, có những trường hợp riêng - trường hợp thực tế không theo kịp lý luận. Đã nói là Hoàng hậu, thì nhất định phải là vợ vua, nhưng Việt Nam lại có những bà hoàng cầm đầu đất nước, mà lại không có chồng (như Bà Triệu), hoặc chồng không phải là vua (như Bà Trưng). Song, hai bà đã có vai trò chấp chính đúng như các bà hoàng. Nước ta còn có các ông chúa, cả ở miền Bắc (chúa Trịnh), cả ở miền Nam (chúa Nguyễn) mà các bà vợ đều chỉ được tôn là phi (thái phi, chính phi hoặc quý

phi), song thực sự họ lại có vai trò quan trọng hơn cả các Hoàng hậu nhiều, ông vua chính thức của nước ta còn có những bà vợ không được phong là hoàng hậu, mà chỉ là những phi - tần (gồm nhiều thứ bậc), song họ lại có vai trò điều hành đất nước, hoặc chi phối các cung. Danh không rõ ràng, nhưng thực lại là cụ thể. Trong những trường hợp này, tôi thấy Nguyễn Bích Ngọc đã cố ghi chép đủ; chắc chỉ là điều bất đắc dĩ, nhưng đúng là phải chấp nhận. Cũng theo khuynh hướng này, người soạn đã đưa cả các bà phi, bà tần của các vua, các chúa, chỉ với một lý lẽ đơn giản là vì họ đã là vợ của các ông. Cứ nhắc đến, hơn là gạt đi hoặc bỏ sót, như vậy cũng là điều chấp nhận được.

*

* *

Lịch sử thế giới cho ta thấy, các nước châu Âu, châu Á, có rất nhiều bà hoàng hậu không những có tài năng, mà còn có những thủ đoạn cao cường, một khi các bà được lâm chính. Lúc đó thì các bà không còn giữ tư cách hoàng hậu nữa, mà đã trở thành một vị đại đế đầy quyền lực. Trường hợp bà Ekaterina II (1729 - 1796), từ bỏ vai hoàng hậu, và chính thức trở thành vị đại đế của nước Nga. Bà thành một nhà vua chuyên chế, đàn áp nhiều cuộc khởi nghĩa để bảo vệ chế độ quân chủ. Chính bà cũng tự mặc quân phục nhà binh đi thị sát các trung đoàn, để tuyên cáo chống lại chống

mình, người mà bà cho là phản lại đế chế nước Nga. Đồng thời bà cũng tỏ ra là một con người có tài kinh bang tế thế. Bà đã khẳng định được vị trí cường quốc của Nga ở châu Âu, đã thống nhất được đất nước, chỉ đạo các đoàn thám hiểm thông thương, đã có một số biện pháp để nâng cao dân trí. Người ta bất bình về sự độc tài của bà, nhưng phải khâm phục bà về tài điều hành đất nước.

Ở Trung Quốc, số hoàng hậu trở thành những nữ chúa cầm quyền trị nước có nhiều hơn. Từ thời nhà Chu - lúc chưa có tước hiệu hoàng hậu, đã có các bà vợ vua (thật ra là các vương hầu) ở nước Tần, nước Triệu được ra chấp chính. Nếu nói về tước hiệu hoàng hậu chính thức thì phải kể từ thời Tây Hán trở đi, cho đến tận đời nhà Thanh. Các bà này đa số là thuộc vào loại “Lâm triều xưng chế” (theo thuật ngữ của các sử gia Trung Quốc). Nghĩa là, vì hoàn cảnh các vị hoàng tử còn bé bỏng, các bà mẹ được ra buông rèm nghe quần thần bàn luận, rồi ra quyết định về các chủ trương, chính sách làm nhiệm vụ của một vị hoàng đế, nhưng không xưng đế. Số này khá nhiều: Đời Hán, Tấn, Ngụy, Tống, Thanh đều có cả. Có những người đặc biệt như trường hợp bà Võ Tắc Thiên, đã ngang nhiên gạt phăng mọi trở ngại, nhẩy lên ngôi chí tôn, tuyên bố mình là hoàng đế. Hoặc có người không xưng là hoàng đế, chỉ là Thái hậu mà thôi, nhưng quyền lực còn to hơn hoàng đế. Đó là trường hợp bà Từ Hy Thái hậu nhà Thanh. Bà chấp chính đến hơn 40 năm, sai bảo,

hành hạ và tiêu diệt nhiều ông vua trẻ chính là con cháu của bà. Người ta tính ra, ở Trung Quốc có đến hơn 30 vị hoàng hậu nữ hoàng, đã có những ý chí ngoan cường, có tài xoay đổi cục diện, làm lợi cho đất nước cũng nhiều, vì các bà đã có tài năng thực sự, đã chỉ đạo triều chính một cách tài tình; và cũng có không ít những bà hiểm độc, gây ra tai họa cho triều đình và cho xã hội. Còn đại đa số những bà hoàng hậu khác thì chỉ là những bà mẹ, bà vợ bình thường, cũng cố giữ lấy tư cách là bậc mẫu nghi của thiên hạ. Sử sách Trung Quốc nói không nhiều về các bà này.

So với các bà hoàng hậu, các nữ chúa trên thế giới, lịch sử Việt Nam không có tên tuổi nào thật sự là lỗi lạc. Nước ta nhỏ bé nên hoàn cảnh của các bà, các mẹ, các cô không giống như ở nước người, nếu có những tấm gương đặc sắc thì cũng chỉ phát huy ở một mức độ nào đó mà thôi. Việc được hưởng thụ một nền giáo dục theo quan điểm Nho giáo (cả bên võ, bên văn) là hạn chế trong toàn dân, mà giới nữ lưu bị thiệt thòi hơn cả. Đó là chưa nói đến ảnh hưởng của chế độ bất công đối với phụ nữ càng gây thêm nhiều sự thua kém cho họ. Tuy nhiên, vẫn có thể có một nhận xét lạc quan. Cũng như những nàng công chúa trước đây, các bà hoàng hậu, hoàng phi ở nước ta, đặc biệt là các hoàng hậu, hoàng phi đã ngự ở Thăng Long - Hà Nội vẫn là những khuôn mặt khả ái, đáng được quan tâm khi ta đi sâu vào lịch sử dân tộc.

*

* *

Tập sách này của Nguyễn Bích Ngọc đã ghi chép chuyện các bà hậu, bà phi ở Thăng Long - Hà Nội của các ông vua, ông chúa ở nước ta, không kể tước vị tôn phong sau hay trước, không kể đó là người thuộc Đông cung, Tây cung, được ân sủng nhiều hay ít, miễn đó là người phụ nữ đã được sống với các vua chúa. Tôi chấp nhận sự rộng rãi này, vì phải làm như thế, mới có thể nhìn nhận tổng quát được giá trị của các bà, tùy theo khả năng, hoàn cảnh mà có ảnh hưởng ít nhiều đến tình hình, đến vận mệnh của đất nước. Cách thu thập như vậy giúp cho chúng ta có được cái nhìn tương đối thấu suốt. Tôi tán thành việc làm này nên tạm thời có được vài nhận xét sơ bộ về lớp người trong thế giới hoàng cung ở đất nước ta. Và có thể nói ngay rằng, không nên vì những định kiến mà không nhìn vào sự thực. Sự thực là những con người trong đám phi hậu, cung tần đông đảo kề cận bệ ngọc ngai vàng này, đa số đều là người Việt Nam xứng đáng. Cố nhiên là ta không thể quên nhiều số phận khác - thường là đau khổ, xót xa nên mới thốt ra những lời oán thán. Những *Cung oán ngâm khúc*, *Cung oán thi* đã nói rõ điều này, nhưng đó là ở những lĩnh vực khác. Trong phạm vi đề tài mà chúng ta đang tiếp cận, có thể thấy nổi lên những vấn đề đáng chú ý như sau:

1. Đã có những qui định, những phép tắc để các triều đình, các hoàng gia chọn vợ, chọn phi tần cho các vua chúa. Việc tuyển chọn là rất ngặt nghèo, rồi những việc gia phong cũng chẳng hề dễ dãi. Có những triều như triều Nguyễn, không cho phép đặt các ngôi vị Hoàng hậu, Tể tướng, Trạng nguyên. Tất nhiên là vì nhiều lý do, nhưng có điều rõ là người ta muốn khẳng định rằng ngôi vị như thế là cực kỳ hiếm hoi, tôn quý. Tìm được một người đáng làm hoàng hậu đâu phải dễ dàng. Có phải ai cũng có thể thành hoàng hậu được đâu. Trạng nguyên phải có học, phải có tài, Tể tướng phải đủ cả tài, cả uy, cả đức. Và họ còn phải trải qua nhiều thử thách, phải đấu trí với cả quốc dân; chứ hoàng hậu chỉ được lọc trong một số cung phi, dẫu đến ba ngàn mỹ nữ cung tần, cũng vẫn là con số hẹp.

Ngồi vào cái ngôi hoàng hậu, người phụ nữ đó phải thực sự có tài, có đức ở một tầm cao, có thể nói là tầm siêu hạng. Họ phải được tôn là bậc *mẫu nghi thiên hạ*, nghĩa là: Phải thành bà mẹ, phải có đức độ, khả năng làm mẹ của tất cả mọi người ở dưới gầm trời này. Hoàng hậu phải có tư cách là một người vợ hiền (làm gương cho các bà vợ trong cả nước); phải thực sự là bà mẹ biết nâng niu, chăm sóc, dạy dỗ con (kể cả con làm vua hay con là thần dân). Bà còn phải là người thầy, người nêu gương cho cả các vua quan và dân chúng. Những hoàng hậu như thế thật khó kiếm trong cuộc sống này. May mắn, trong lịch sử nước ta,

cũng có một số bà có được tư cách ấy, ở mức độ cao hay thấp. Có điều, khi theo dõi lịch sử, chúng ta thường có thói quen chú ý đến những người có chiến công oanh liệt, có tài nghệ phi thường, mà quên đi những bản lĩnh, những đức tính cao quý, âm thầm mà vĩ đại. Bà Hiền Từ Tuyên Thánh (mẹ đẻ của Vua Trần Minh Tông là trường hợp như vậy. Người xưa tôn bà là bậc Nghiêu Thuấn trong giới nữ lưu. Ta lại còn có các bà như bà Ngô Thị Ngọc Dao (mẹ của vua Lê Thánh Tông); bà Từ Dũ Phạm Thị Hằng (mẹ của vua Tự Đức). Những bà này quả xứng đáng là các bậc mẫu nghi, tuy không có những biểu hiện sắc cạnh huy hoàng, nhưng thật sự có công lao to lớn. Họ biết dạy con làm vua, và thành vua xứng đáng thì quả thực là siêu phàm. Ở mức độ thấp hơn, con người gần chúng ta hơn là bà Nam Phương hoàng hậu cũng rất đáng được chú ý. Là con người Tây học, lại có tôn giáo khác với phong tục Việt Nam, vậy mà bà đã làm tròn bốn phận người con dâu trong hoàng tộc, theo nề nếp phong kiến lâu đời. Nam Phương không khoe khoang tài sắc, không sống lối kiêu kỳ, vương giả, mà an tâm giữ bốn phận một người vợ, dù gặp ông chồng tha hóa đến mức khó tha thứ. Trước biến cố thay trời đổi đất của quốc gia, Nam Phương cũng gắng làm bốn phận của một công dân, rồi mới lui về ẩn dật, không để rơi vào tay kẻ địch, không oán thán, cũng chẳng vùng vằng. Bà không làm cách mạng được, nhưng không chống đối cách mạng, bà

giữ được tính cách hiền thực của người phụ nữ Việt Nam (mặc dù bà lớn lên ở trời Tây).

2. Có những bà hoàng, hoặc những bà phi có tài chính trị, có chiến công hiển hách, cho thấy so với nam giới, các bà không hề thua kém, mà còn làm cho nam giới phải thấy xấu hổ trước gương sáng của các bà. Câu nói này không phải của tôi, mà là của những sử gia phong kiến (như Lê Văn Hưu) khi viết về những tấm gương anh hùng của các bà Trưng, Bà Triệu. Họ đúng là các vị nữ hoàng, dù có tự gọi là gì đi nữa, thì vẫn là nữ vương, là bà vương. Nối tiếp các bà là những người như Lê Thị Ý Lan, đã ra làm nhiếp chính, giàu lòng nhân ái, giỏi điều hành chính sự. Chồng bà đã phải khâm phục mà cố gắng vươn lên, không dám nửa chừng bỏ rơi trách nhiệm. So với nhiều bà “lâm triều nhiếp chính” bên Trung Quốc, có lẽ Ý Lan cũng không thua kém gì, mà đức độ của bà lại được toàn dân ngưỡng mộ, tôn bà là Phật Quan Âm. Sang thời Lê, khi vua Thái Tông mất, có bà Nguyễn Thị Anh buông rèm nhiếp chính, giúp con là Lý Nhân Tông, cũng đã hoàn thành nhiệm vụ. Có một vài ý kiến đánh giá bà hơi khác, nhưng sự thực, cái tài năng cầm quyền trị nước của bà thì vẫn rõ ràng. Trước đó, cũng vào đời nhà Trần, tôi còn thấy một hiện tượng mà lịch sử chính trị và lịch sử nước ta chưa chú ý lắm. Có một bà cung phi đời Trần Duệ Tông, tên là Nguyễn Thị Bích Châu, chính sử không chép, nhưng có tài liệu cho biết

nàng cung phi này đã theo vua đi đánh Chiêm Thành, rồi hi sinh ở Kỳ Anh, dân chúng đã lập đền thờ, tôn bà là Loan Nương Thánh mẫu, Nguyễn Bích Ngọc đã kể chuyện bà trong cuốn sách này, và còn có riêng một cuốn sách khác viết về bà (cũng đã xuất bản). Tôi xin không phải kể lại mà chỉ lưu ý một điều, Nguyễn Thị Bích Châu đã có một tác phẩm ngắn, lấy tên là *Kê minh thập sách* mười điều là tiếng gà báo sáng), để lưu ý vua Trần phải thay đổi đường lối chính trị, làm sao cho dân giàu, nước mạnh. Những ý kiến của Nguyễn Thị Bích Châu có tầm chiến lược, có giá trị văn hóa rất cao, bà đã có đề xuất rất mới lạ, rất hợp với đòi hỏi dân chủ của chúng ta bây giờ. Bà đã đòi nhà vua phải cho tự do ngôn luận (nguyên văn chữ Hán của bà là *Ngôn lộ tịnh khai*): Thật là điều kỳ diệu so với thời đại vua không biết nghe, mà những người hậu tiến như chúng ta bây giờ cũng còn mơ hồ về câu nói ấy. Tôi đã có lần đề nghị: Lịch sử văn học ta thường nhấn vào bốn tác phẩm lớn là *Hịch*, *Cáo*, *Sớ*, *Thư*⁽¹⁾. Tôi đề nghị đưa thêm cả bản *Sách* này vào, mới thực là xứng đáng. Ở đây, *Kê minh thập sách* đã có giá trị tôn vinh một vị hoàng phi (cung phi) của lịch sử Việt Nam.

Có những bà hoàng xuất sắc về chính trị, về lãnh đạo chiến lược quốc gia như vậy, ta cũng có những bà

⁽¹⁾ *Hịch tướng sĩ văn*, *Bình ngô đại cáo*, *Thất trăm sớ*, *Vạn ngôn thư*.

hoàng là nữ tướng. Trường hợp hai nữ vương như bà Trưng, Bà Triệu thì thành tích đã khá lẫy lừng, nhưng ý nghĩa, tác dụng còn lớn lao hơn nữa. Đánh giá về Bà Triệu, nhắc đến cái hình ảnh hai bầu vú to phải vắt lên vai, nhà thơ Nhữ Bá Sĩ (thế kỷ 19) đã hạ một câu sắc sảo: *“Con đở muôn nhà đều ngậm vú! Vây là Bà Triệu không chỉ là một chiến tướng, mà thật sự là một bà mẹ Lớn, một bậc mẫu nghi. Chúng ta - các thế hệ về sau có được tinh thần bất khuất, sức mạnh diệt thù là vì được uống dòng sữa quật cường từ đôi vú của Bà Triệu. Một sự tôn vinh nữ hoàng thật sắc sảo mà đúng đắn vô vùng.*

3. Ta còn thấy, trong số các bà hoàng hậu, hoàng phi Thăng Long - Hà Nội, cũng có những tài năng nghiên cứu và sáng tác. Người được văn học Việt Nam biết đến và dành cho bà một vị trí trân trọng trong văn học sử, là bà Lê Ngọc Hân với những bài viết để khóc chồng. Có lẽ đến bây giờ ta cũng không có được những câu thơ nào bằng lời của Ngọc Hân đã nhận xét Quang Trung là con người *“áo vải cờ đào, giúp dân dựng nước biết bao công trình”*. Câu thơ tiếp theo của Ngọc Hân cũng là tuyệt diệu: *Chữ tình nghĩa trời cao đất rộng, nỗi đoạn trường càng sống càng đau*. Trước hoàng hậu Ngọc Hân, có hoàng hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc, vợ của Lê Thần Tông, là người soạn được cuốn *Từ điển chữ Nôm* đầu tiên trong cả nước...

4. Nhưng có lẽ cái đức tính cao quý nhất của các bà hoàng, bà phi Việt Nam nói chung và các bà hoàng, bà phi Thăng Long - Hà Nội nói riêng là sự trung thành tuyệt đối với chồng. Rất nhiều bà hoặc được nhà vua sủng ái, hoặc chỉ được gần gũi với chồng trong thời gian ít ỏi, thậm chí dù là phi hậu, cung tần gì gì thì cũng thuộc số phận bèo bọt, có thể có người chỉ biết niềm ân hận. Nhưng hầu như họ đều biết giữ gìn bốn phận tuyệt đối trung thành với chồng là nhà vua. Có thể họ đã chịu sự giáo dục này từ lâu, cũng có thể họ bị ràng buộc bởi một bốn phận đã được an bài, nhưng kết quả thì thực là bất ngờ mà cảm động. Có những ông vua là con người không đáng trọng thị lắm, nhưng lại có những bà hoàng, bà phi rất tôn trọng đạo nghĩa và tình nghĩa với ông ta. Vua Lê Tương Dực là con người bê tha, không còn tư cách là một ông vua, bị giết ngay giữa đám loạn ly, mà cái chết của ông không có lý do gì để thương tiếc, nhưng bà phi của ông lại sẵn sàng nhảy ngay vào lửa để chết theo ông; Lê Chiêu Thống là một ông vua bù nhìn, chỉ biết cúi đầu, khoanh tay, khúm lúm trước viên tướng Tàu xâm lược, rồi sau đó lại chịu nhục nhã, bị triều đình nhà Thanh lương gạt, bị cả bọn quan lính Mãn Thanh khinh bỉ, đến nỗi phải lìa đời. Ông được chôn xuống đất, thịt xương nát cả mà vẫn còn một cục hận không tan. Vậy mà bà vợ của ông là Nguyễn Thị Kim, không theo ông sang Tàu được, hàng chục năm ngậm ngùi cay đắng

với nỗi cô đơn. Cho đến khi quan tài ông được đưa về nước, thì bà lên tận biên giới, khóc lóc để tang, rồi quay về quỳn sinh để giữ cho vẹn tròn ân nghĩa. Phải thừa nhận rằng đây là một tình cảm đẹp của người vợ, người phụ nữ Việt Nam⁽¹⁾. Họ là những bà hoàng rất biết cái bốn phận “*Cương thường gánh nặng cả hai vai*”. Họ chịu héo hắt trong cuộc đời mà giữ lấy cái tình, cái đức: “*Khô héo lá gan cây đĩnh Ngự, đầy vơi giọt lệ nước sông Hương*” chính là như thế.

5. Tất nhiên là trong số các bà hoàng, bà phi, còn nhiều người có những lối ứng xử khác nữa. Có những người tinh anh khôn khéo, cơ mưu, quỳn biến, có thể thành những thủ đoạn nhất định, song chưa hẳn đã đáng xếp vào loại nhân vật phản diện. Một người như Tuyên phi Đặng Thị Huệ, từ chốn dân dã mà lên, nhưng gây nên sóng gió cho cả một vương triều. Nguyễn Triệu Luật đã dùng một hình ảnh để kết luận về bà, xem bà như một người đào hố để chôn cái sự nghiệp của họ Trịnh. Nhưng thật ra thì Đặng Thị Huệ là một người có tài, biết khai thác cơ hội để củng cố địa vị. Một người con gái bình dân mà có những bài bản thông minh như bà Huệ thực là hiếm. Không thể xem bà Huệ như những bà hoàng khác - những người thực sự là tội nhân của đất nước. Ta cũng

⁽¹⁾ Dương Bá Trạc đã có bài thơ hay về Nguyễn Thị Kim. Nguyễn Bích Ngọc có chép lại bài thơ này.

không quên những giai nhân vốn chỉ là những nàng công chúa, hoặc quận chúa ngây thơ, ngoan ngoãn của các vương triều, nhưng hoàn cảnh đã khiến cho họ được trở thành những bà hoàng hậu, những Bà hoàng hậu của các nước lân bang. Có một điều thống nhất là các bà hoàng ấy vẫn không bao giờ quên Tổ quốc Việt Nam. Huyền Trân sang Chiêm Quốc để có địa vị mẫu nghi, rồi cũng tìm cách trở về với môi tình đầu ở quê hương xứ sở. Quận chúa Ngọc Vạn yên phận với cách sắp đặt của cha, giữ gìn mối giao hảo giữa hai nước, mà thu muôn dặm đất, mở rộng biên cương nước nhà. Điều này, ở nhiều bà hoàng đã không thấy có.

*

* *

Có lẽ nhìn nhận cho công bằng, so với các loại nhân vật trong lịch sử Việt Nam, những bà hoàng, bà phi của Thăng Long - Hà Nội, cũng là các bà hoàng, bà phi Việt Nam, đại đa số đều có vị trí và vai trò đáng trân trọng. Không gây nên những sự kiện bất ngờ, không biểu lộ những tài năng kiệt xuất, nhưng đa số họ đều là những khuôn mặt đẹp, và ít nhiều có đóng góp cho bước tiến của Thăng Long - Hà Nội, của xã hội Việt Nam. Nhất là qua các bà, bản sắc (và cả bản lĩnh) Thăng Long - Hà Nội, bản sắc (và cả bản lĩnh) Việt Nam đã được nhiều lần bộc lộ. Một lần nữa, tôi thấy sự nghiên cứu về các bà là cần thiết, tôi hoan nghênh

và giới thiệu cuốn sách của Nguyễn Bích Ngọc. Và tôi cũng xin được nói thêm một điều đang chờ đợi: Mỗi một bà hoàng, bà phi trong lịch sử nước ta có thể là đề tài cho một cuốn lịch sử ký sự, hay một cuốn tiểu thuyết diễm tình. Hi vọng sự chờ đợi này của tôi không đến nỗi là điều vô vọng.

G.S Vũ Ngọc Khánh

TRUNG NỮ VƯƠNG

(Quý Mão - 43)

Sau Thục An Dương Vương, Việt Nam cổ đại đang trên đà phát triển thì vì những sai lầm của Triệu Dương Vương trong hôn nhân đã dẫn đến việc Cù Thi cùng Triệu Ai Vương định dâng nước Nam ta cho nhà Hán, khiến nhà Triệu bị tiêu diệt, nước ta rơi vào tay nhà Hán từ đó.

Từ năm Tân Hợi (110 trước CN), một thời gian dài bên Tàu nổi loạn, năm Giáp Ngọ (34 trước CN) nhà Hán khôi phục được Trung Quốc. Vua Vũ Đế nhà Hán tiếp tục đô hộ nước ta, sai Tô Định sang làm Thái Thú quận Giao Chỉ; Tô Định là một tên vô cùng tàn bạo, dùng pháp luật để trói buộc nhân dân, còn chính sách bóc lột thì thật hà khắc, nên lòng dân Giao Chỉ vô cùng căm giận.

Vào đầu Công nguyên, hai thế kỷ sau thời kỳ Thục An Dương Vương, ở Mê Linh (nay thuộc Hà Nội) có hai người con gái tên là Trưng Trắc và Trưng Nhị là hai chị em sinh đôi, cha là Lạc Tướng Mê Linh - Hùng Định, thuộc dòng dõi Hùng Vương và mẹ là bà Man

Thiện Trần Thị Doan, cháu ngoại của Hùng Vương. Bà Man Thiện góa chồng sớm, đảm đang nuôi dạy hai con theo tinh thần yêu nước và thượng dân là truyền thống của cha ông. Ba mẹ con bà Doan sinh sống tại quê nội là Mê Linh, Hà Nội.

Theo truyền thuyết vùng Mê Linh, hai bà Trưng sinh vào năm 14, đầu Công nguyên, được cha mẹ đặt tên cho là nàng Trắc, nàng Nhị. Bởi vùng Mê Linh vốn là vùng có truyền thống tầm - tơ (kén Trắc, kén Nhị theo tên gọi của 2 lúa kén, tầm).

Năm 31 đầu Công nguyên, nàng Trắc, nàng Nhị mới độ 17 - 18 tuổi, thấy cảnh Tô Định cùng tên thuộc hạ Ngụy Húc bắt dân ta cống nạp thuế khóa, ngà voi, sừng tê giác và lông chim Chả, ai không nộp đủ, chúng đánh đập dã man đến chết.

Thấy cảnh vô cùng đau xót ấy, Trưng Trắc thường nói với em: "... Giặc Hán đang gieo rắc bao đau thương tang tóc cho dân ta, chị chỉ muốn đập tan mọi bất bình, giết hết giặc Hán, cứu lấy muôn dân ra khỏi cảnh lầm than, chứ không thể ngồi yên trong chốn phòng the được...". Trưng Nhị cũng bày tỏ ý mình: "... Thấy non sông nghiêng ngả, giống nòi đang chịu bao nỗi lầm than, em cũng vô cùng căm giận, cũng muốn đập tan tành những bất công tàn bạo đó...".

Từ đó, hai chị em Trưng Trắc và Trưng Nhị ra công luyện tập võ nghệ. Bà Man Thiện cũng giúp đỡ

hai con rất nhiều trong việc ngấm tổ chức lực lượng để khởi nghĩa, chống giặc. Tiếng tăm hai chị em bà vang xa đến tận Chu Diên.

Lúc này, ở Chu Diên (Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội) có Thi Sách là con trai một vị Lạc tướng, là người có tài, yêu nước và có chí quật cường, căm thù giặc Hán. Nghe kể về hai người con gái Lạc tướng Mê Linh, Thi Sách rất khâm phục, tìm về tham kiến và chàng được đón tiếp niềm nở, long trọng vì hai chị em Trưng Trắc cũng đã được biết ít nhiều về tài đức của Thi Sách.

Năm mười chín tuổi Trưng Trắc kết duyên cùng Thi Sách, trai tài gái sắc, lại có truyền thống yêu nước quật cường, con của hai nhà Lạc tướng sánh duyên nên rất là tương đắc. Hôn lễ vẫn theo tục lệ cũ của người Việt, tuy đã thành thân, nhưng người nào vẫn ở và cai quản đất của người ấy, làm chủ một phương để liên kết thêm sức mạnh.

Giữa lúc hai gia đình Lạc tướng với sự ủng hộ của nhân dân, mưu toan sự nghiệp lớn thì Tô Định cũng biết Thi Sách là người có tài, trí, lại rất có uy tín với nhân dân, Định bèn tìm cách dụ Thi Sách ra làm việc cho chúng, nhưng không được. Để trừ hậu họa, Tô Định vờ mời Thi Sách tới hội kiến rồi lừa lúc Thi Sách sơ ý, chúng bèn ám sát ông.

Hành vi bạo ngược, hèn nhát của Tô Định không làm Trưng Trắc sờn lòng, trái lại, với sự đau đớn và

chí căm thù chứa chất từ lâu, ngọn lửa căm hờn, quyết tâm đền nợ nước, trả thù nhà, cả hai chị em bà càng thêm sắt đá.

Bà Trưng Trắc đã đứng lên phát cờ khởi nghĩa, Trưng Nhị cũng quyết tham gia. Hai bà vận động các tù trưởng, thổ hào, kêu gọi nhân dân các quận Nam Hải, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp phước... cùng góp sức vào cuộc khởi nghĩa này. Hưởng ứng lời kêu gọi của Hai Bà, khắp nơi nhân dân rầm rập kéo tới Hát Môn tụ nghĩa.

Ngày mồng 6 tháng Giêng năm Canh Tý (40), một ngày đẹp trời, Hai Bà cùng nghĩa quân hội tụ ở Trường Sa, cửa sông Hát, hạ lệnh khởi nghĩa, kể tội giặc Hán, nêu nỗi thống khổ của dân, hô hào nhân dân, nghĩa sĩ các nơi mau cùng Hai Bà đuổi giặc, cứu nước, dựng lại nghiệp xưa:

*Một xin rửa rạch nước thù
Hai xin nối lại nghiệp xưa họ Hùng
Ba khởi oan ức lòng chồng
Bốn xin vền vẹn sở công lệnh này.*

Rồi Hai Bà giáp phục uy nghi, lộng lẫy, đầy khí thế hùng dũng bước lên mình voi chiến, cử tướng Nguyễn Tam Trinh giữ chức Đô úy, cùng Hai Bà dẫn đầu mũi chủ công, tiến đánh thủ phủ của chính quyền Đông Hán ở Giao Chỉ là thành Luy Lâu. Bị đánh bất ngờ, Tô Định bỏ cả ấn tín, mũ áo, trà trộn

vào bọn tàn binh, lén lút chạy trốn về nước một cách nhục nhĩ.

Mùa hè năm ấy (40), trống đồng báo tiếp vang rộn khắp nơi. Bà Trưng Trắc được nhân dân và quân sĩ suy tôn làm vua - tức Trưng nữ Vương đóng đô ở Mê Linh. Bà Trưng Nhị được phong là Bình Khôi công chúa, phó quốc Vương nội chính. Sau khi lên ngôi, Trưng Vương miễn thuế cho dân hai năm và chia các tướng đi giữ các vùng hiểm yếu.

Tháng Giêng năm 42, Trưng Vương lên ngôi chưa đầy 2 năm thì Hán Vũ Đế sai Phục Ba tướng quân Mã Viện, một lão tướng già dặn dày kinh nghiệm làm Tổng chỉ huy, cùng với Phù Lạc Hầu là Lưu Long đem hai vạn quân và nhiều thuyền xe, vũ khí sang xâm lược nước ta.

Mùa xuân Quý Mão (43), Hán Vũ Đế gửi thêm cho Mã Viện hai vạn quân nữa. Sau nhiều trận đánh lớn ở vùng Tiên Sơn (Hà Bắc), Tầm Khê (Ba Vì), Hà Nội và Hồ Lãng Bạc... trở thành chiến trường lớn. Trưng Vương bị tử thương, còn Trưng Nhị gieo mình xuống ngòi Tầm Khê tử tận.

Có thuyết lại nói Hai Bà không tử tận, cũng không quyên sinh, mà chạy đến núi Hy Sơn thì hóa. Cũng có thuyết nói Hai Bà thua, chạy tới hồ Lãng Bạc thì tử tận. Đó là mùa xuân năm Quý Mão (6.2 Âm lịch). Hai Bà mới 29 tuổi xuân.

Đời sau, Hoàng Thúc Hội đã vịnh:

*Ngựa Gióng đã lên không
Rừng Thanh voi chữa lông
Trăng tỏ gương Hồ Bạc
Mây tan dấu cột đồng
Nén hương lòng cố quốc
Xin thấu tấm lòng trung.*

Ngày nay, đền thờ Hai Bà ở Mê Linh, Hà Nội vẫn ngày ngày nghi ngút khói hương. Nhân dân khâm phục, tưởng nhớ, biết ơn và tự hào về Hai Bà: Trưng Trắc - Trưng nữ vương và Trưng Nhị - Bình khôi công chúa!

Ỗ LAN NGUYÊN PHI

Bà Ỗ Lan là vợ vua Lý Thánh Tông, mẹ Lý Nhân Tông, quê ở Siêu Loại, nay thuộc Gia Lâm. Bà là con ông Lê Thiết và bà Vũ Thị Tĩnh. Gia đình theo nghiệp nông tang.

Tương truyền: Một hôm bà Tĩnh nằm mơ thấy điềm lạ: Bà nuốt khí Thái âm (mặt trăng). Sau đó bà thụ thai, sinh được một bé gái rất xinh đẹp, đặt tên là Lê Thị Yến Loan, hiệu là Khiết Nương (nàng Khiết), lại co tên nôm là Cám. Lớn lên, bà có dung mạo đoan chính, gồm đủ tứ đức. Năm 12 tuổi, bà mẹ họ Vũ của bà mắc bệnh qua đời. Cha có vợ kế, nên khi sắp qua đời, bà mẹ đã dặn nàng Khiết: Sau này phải biết giữ tròn đạo hiếu, lo làm vui lòng dì cho gia đình êm ấm. Sau khi mãn tang, cha nàng đón bà dì về lo nội trợ. Bà mẹ kế họ Chát, tên là Gia, sau sinh thêm một cô gái nữa, đặt tên là Cám.

Ngày đó là thời nhà Lý, Hoàng đế thứ ba nhà Lý là Lý Thánh Tông. Nhà vua thường đi chơi xa vào dịp Xuân, Thu, vua thích đi thăm thú những nơi danh

lam, thắng cảnh. Nghe hương Thổ Lỗi có ngôi chùa Linh Ứng, nhà vua vì muốn có hoàng tử, bèn hạ lệnh cho 3 ty thừa hiến sửa soạn lễ vật để vua đến chùa lễ phật cùng với các quan.

Nhà chùa cho lập đàn tràng, tăng ni đạo sĩ đến tụng niệm 5 ngày đêm.

Khi vua trên đường ngự tới chùa, già, trẻ, gái trai, cả làng ăn mặc tề chỉnh, nô nức kéo nhau đi xem đám rước vua. Riêng nàng Khiết lúc đó vẫn thản nhiên hái dâu trong ruộng. Một ông lão bán dầu đi qua, thấy đám mây lành trên không lơ lửng như che nắng cho nàng bèn bảo: “Sao cháu không đi xem vua?”. Nàng đáp: “Thân phận con gái nhà nghèo, sao xứng mà đi xem vua!”.

Lý Thánh Tông bấy giờ ngồi trên kiệu, trông thấy một thôn nữ đang hái dâu, bèn sai lính triệu đến gặp vua. Nhà vua hỏi: “Sao thiên hạ đều nô nức đi xem hội, xem vua, mà nàng vẫn cứ hái dâu ở đó?”. Nàng lay vua và tâu: “Dì tôi sai tôi đi hái dâu, chứ có sai tôi đi xem vua đâu, vì thế tôi phải làm theo lời dì dặn”.

Nhà vua nghe đáp, lấy làm lạ, bảo với các quan rằng: “Đây quả là người có đức, có lẽ là người có một không hai trong thiên hạ”. Thế rồi vua cho đưa nàng về kinh đô, cho ở vào cung Ý Lan để dạy bảo. Sau đó, cho chọn ngày lành tháng tốt đưa nàng vào nội điện. Từ đó, nàng được phong là Ý Lan phu nhân. Sau lại phong tặng nàng là Thần phi, rồi Hoàng Thái phi.

Nhà vua chậm có hoàng tử, nên hàng tháng, cứ đến ngày mồng một, ngày rằm lại sai viên quan nội điện tên là Nguyễn Bông sắm sửa lễ vật đến cầu cúng ở chùa Linh thần, cầu nguyện cho vua trị vì lâu dài, chóng sinh thái tử.

Vị sư già là Thái Diên thấy Nguyễn Bông thành tâm lễ phật, chuyển động cả đạo trời, nhìn Nguyễn Bông lại có tướng lạ. Sư Thái Diên liền gọi Nguyễn Bông vào tăng phòng mà nói rằng: “Người có muốn làm chàng hoàng tử giàu sang không?” - Nguyễn Bông đáp: “Người đời ai chẳng muốn làm hoàng đế”. Sư Thái Diên lại nói: “Kiếp trước bố thí, kiếp sau giàu sang”. Nguyễn Bông hỏi nhà sư: “Làm thế nào mà được như vậy?”. Nhà sư bảo Bông rằng: “Hãy ẩn trong buồng tắm mà dòm trộm thân thể hoàng hậu, thì sẽ được như vậy.” Nguyễn Bông về liền làm theo lời sư Thái Diên. Thần phi đang tắm, chợt thấy Nguyễn Bông, phi tức khắc tâu với vua rằng Nguyễn Bông làm bậy tội mà không trung thành, dám dòm trộm thân thể lúc phi đang tắm. Vua cả giận, truyền đem chém. Nguyễn Bông liền tâu rằng đó là do Thái Diên xúi giục. Xin cho được gặp Thái Diên để nói một lời rồi sẽ xin chết. Lúc gặp Thái Diên ở chùa, kêu to lên rằng: “Tôi nghe lời pháp sư nên mắc tội đây này.” Thái Diên nói rằng: “Cái thân phạm tục có hóa đi thì cái thân thần thánh mới thành”. Rồi vua sai chém Nguyễn Bông ngay ở bên cạnh tăng phòng.

Đêm đó, Hoàng đế Thánh Tông mộng thấy tiên ông bế một đứa con trai trao cho mình. Khi thức dậy nhà vua bảo rằng: “Hẳn có điều tốt lành, ta sẽ có hoàng tử nối ngôi”. Nhà vua cũng thầm hiểu đó chính là hậu thân của Nguyễn Bông, cũng hôm ấy, Thần phi thấy trong lòng xốn xang, rồi thụ thai. Đúng 14 tháng thì sinh ra hoàng tử.

Bấy giờ, hoàng hậu họ Dương không có con, bèn ngầm bàn với cung tần trong nội điện bắt trộm Thái tử về làm con mình, vu cho Thần phi sinh ra cầm thú. Chuyện đó, trong ngoài đều biết nhưng không ai dám nói. Đến khi Thái tử khôn lớn chỉ biết hoàng hậu họ Dương là mẹ mình, chẳng hề biết mình do mẹ họ Lê sinh ra. Mãi sau này, khi Thái tử lên ngôi, vua cha đã mất, nhà vua mới biết bà họ Lê mới chính là mẹ mình. Vua bấy giờ ôm mẹ mà khóc, rồi phong cho mẹ là Á quốc phu nhân, một lòng tôn kính mẹ.

Thế rồi vua cùng mẹ, vì oán giận hoàng hậu họ Dương đã lập mưu gian, bèn hạ lệnh giết 72 cung nữ đã can dự vào việc này, rồi đem chôn họ ở lăng vua Thánh Tông, còn Dương hoàng hậu do biết trước nên đã trốn mất. Sử gọi vụ án này là “Án Thượng Dương cung”.

Ỗ Lan nguyên phi lúc này được phong là Hoàng Thái hậu.

Thái hậu là người tài trí, đã từng thay vua Lý Thánh Tông giám quốc, khi ngài thân chinh cầm quân

đánh Chiêm Thành. Bà trị nước yên dân, phát triển sản xuất, đất nước yên ổn, dân lành biết ơn vì bà đã cho phát chẩn cứu đói, hạ lệnh cấm giết trâu bò bảo vệ sản xuất, giúp tiền cho chuộc người nghèo phải bán mình làm nô tỳ... Nhân dân đã xưng tụng bà là “Phật quan âm”.

Sau này, hối hận về vụ án “Thượng Dương cung” bà đã cho xây 72 ngôi chùa và tháp Báo Thiên cao 180 trượng, hàng năm cứ đến ngày 25 tháng 7 thì làm lễ giải oan cho họ.

LÊ HOÀNG HẬU

Vua Lý Thần Tông đang trong giờ phút lâm chung, quan Tham tri chính sự Từ Văn Thông được cho mời vào cung, bên giường bệnh, chuẩn bị thảo di chiếu. Ở giây phút gần đất xa trời, nhà vua cảm thấy thương xót người thiếp yêu, có ý định thảo di chiếu cho Thiên Lộc, con của nàng lên làm Hoàng thái tử.

Quan Tham tri cầm bút, mà chân chừ mãi, không viết. Bởi ông đã trót nhận lời Lê hoàng hậu và hai phu nhân Nhật Phụng, Nhật Thánh nên cố kéo dài thời gian. Một lát sau, cả ba phu nhân đến, khóc lóc, quỳ dưới Long sàng, Lê hoàng hậu nghen ngào:

“Muôn tâu bệ hạ, bọn thiếp nghe rằng đời xưa lập con nối ngôi thì lập con đích, chứ không lập con thứ. Thiên Lộc là con của người thiếp, được vua yêu. Nếu cho nối ngôi thì người mẹ tất sẽ tiếm lấn, sinh lòng ghen ghét, làm hại. Như thế thì mẹ con bọn thiếp tránh sao khỏi nạn!”.

Nhà vua mỗi một, giờ tay làm hiệu cho họ lui ra, rồi hạ lệnh thảo di chiếu:

“Hoàng tử Thiên Tộ tuy tuổi nhỏ, còn ấu thơ, nhưng là con đích, thiên hạ đều biết, nên cho nối nghiệp của trẫm, còn thái tử Thiên Lộc thì phong làm Minh Đạo Vương”.

Sau đó, vua băng hà ở điện Vinh Quang. Đó là ngày 26.9.1138. Tôn hiệu là Quảng Nhân Sùng hiếu văn Vũ Hoàng đế. Miếu hiệu Thần Tông.

Vì Thiên Tộ còn nhỏ, Hoàng Thái hậu họ Lê lấy Đỗ Anh Vũ làm cung điện lệnh chi nội ngoại sự, mọi việc lớn nhỏ đều ủy thác cho Đỗ Anh Vũ cả. Anh Vũ sai vợ là Tô Thị ra vào cung cấm hầu hạ Đỗ Thái hậu. Ông lại là em vợ vua Thần Tông, có tài ăn nói, đẹp trai và cũng có tài chỉ huy các chiến dịch, đã dẹp được nhiều cuộc nổi loạn. Vì thế có công lao, thăng lên chức Thái úy, nắm quyền lớn, tự do ra vào cung cấm. Dần dần Lê Thái hậu cảm thấy không thể thiếu được con người này. Anh Vũ đã trở thành người tình của Lê Thái hậu, nhân thế lại càng kiêu rông. Ở triều đình thì khoát tay lớn tiếng, sai bảo quan lại thì hất hàm ra hiệu. Các quan trong triều bực lắm, nhưng chẳng ai dám nói gì.

Bấy giờ, Điện tiền Đô chỉ huy sứ Vũ Đái, Hỏa đầu đô Lương Thượng Cả, Hỏa đầu đô Ngọc Giai và Đồng Lợi, Nội thị Đỗ Ất, cùng với Trí Minh Vương Bảo Ninh hầu, phò mã Dương Tự Minh bàn kín với nhau. Vũ Đái nói: “Ta nghe các thị nữ trong cung kháo nhau: Anh Vũ thường đêm đêm vào phòng Thái hậu. Hắn

cậy thế làm nhiều điều cần rõ ô uế. Ta hãy cùng sớm trừ đi, đem quân đến nội thị bắt Anh Vũ. Khỏi để mỗi lo về sau.”

Hôm sau, cả bọn Vũ Đái đem quân đến cửa Việt Thành, hô to rằng: “Anh Vũ ra vào cấm đình, làm nhiều điều ô uế, tiếng xấu đồn ra ngoài không tội gì to bằng. Bọn thần xin sớm trừ đi, khỏi để mỗi lo về sau”. Rồi sai cấm quân bắt Anh Vũ, trói giam ở hành lang Tả Hưng Thánh, giao cho Đình Ủy tra xét.

Một thị nữ thân tín vội mật tâu tình hình của Anh Vũ cho Thái hậu biết. Lê Thái hậu vội sai người mang cơm rượu cho Anh Vũ, ngấm để vàng vào trong để Anh Vũ dứt lốt cho Vũ Đái và các người canh giữ.

Hỏa đầu đô Tả Hưng Thánh là Nguyễn Dương nói: “Các ông tham của dứt, tôi với các ông tất không thoát khỏi tay Anh Vũ đâu. Chi bằng cứ giết đi cho khỏi tai họa về sau”. Bèn cầm giáo định đâm. Đàm Dĩ Mông ôm Dương, cướp giáo lại, ngăn rằng: “Điện tiền bảo Anh Vũ tội đáng chết nhưng còn đợi lệnh vua, không nên tự tiện”.

Nguyễn Dương giận dữ nói: “... Sao tham của dứt mà không tiếc đến mạng mình?”. Nói xong, tự biết không khỏi chết, bèn nhảy xuống giếng tự tử.

Bấy giờ Vũ được đưa lên nhà vua tra xét, nhà vua trẻ con đang lưỡng lự thì Lê Thái hậu bước vào. Cực chẳng đã, nhà vua phải kể hết cho Thái hậu nghe: Các

quan hạch Anh Vũ làm chuyện bậy bạ, đề nghị nhà vua phán xét. Vua lúng túng mãi mới lựa lời nói thêm những tin đồn về quan hệ giữa Lê Thái hậu với Đỗ Anh Vũ.

Thái hậu đỏ mặt, tức giận:

- Lẽ nào con ta lại nghe những lời tố cáo xằng bậy như vậy. Con quên giây phút lâm chung của Hoàng đế, Anh Vũ đã làm gì để giúp mẹ con ta ngồi trên ngai vị như ngày hôm nay ư? Không lẽ ông ấy làm điều tốt cho nhà vua mà ta lại không quý trọng? Vì ta quý trọng ông ấy, giao cho nhiều chức trách quan trọng, nên không thiếu kẻ ghen ghét, dèm pha. Tuy nhiên cũng phải thừa nhận đôi lúc vì quá sốt sắng việc triều đình mà lễ nghi có phần xem nhẹ. Nhưng xét công trạng của ông bấy lâu nay, xin nhà vua hãy nể mặt ta mà lượng thứ, gia ân cho ông ấy.

Thế là nhà vua xét án: Anh Vũ không bị chém mà chỉ đày đi làm Cảo điền nhi (làm ruộng cho nhà vua ở xã Nhật Tảo, huyện Từ Liêm ngày nay).

Vắng Anh Vũ trong cung, Lê Thái hậu cảm thấy trong lòng trống rỗng, cô đơn, Anh Vũ là người đặc lực giúp bà, trong cung cấm đầy những lễ nghi phiền toái, ông là người bạn tâm tình của bà. Bà an lòng sao được. Thái hậu lo buồn, ngày đêm suy nghĩ, tính cách cứu Anh Vũ, phải phục hồi chức cho ông.

Nghe tin Thái hậu mệt nặng, vua đến vấn an. Lê Thái hậu cầm tay con nói: “Có lẽ ta làm nhiều điều

không phải nên trời phạt. Ta muốn đổi họa thành phúc, nhà vua hãy ban lệnh xá tội cho các tội nhân, giảm lao dịch cho họ. Chỉ có làm thế, lòng ta mới có thể thanh thản. Coi như đây là một sự chuộc lỗi cho những việc làm không tốt của ta. Con hãy vì mẹ làm điều phúc thiện ấy”.

Nhà vua vâng mệnh, đi ra. Hôm sau ngài xuống chiếu ân xá cho các tội nhân. Nhờ sự vận động liên tục xá tội của bà với các tội nhân nên Anh Vũ lại được phục hồi, lại làm Thái úy phụ chính như cũ, lại được tin dùng, có quyền hành. Ông quay lại trừng trị các quan trong triều. Các quan Vũ Đái, Lương Thượng Cầm, Đỗ Ất, và cả phò mã Dương Tự Minh đều bị giết hại, đúng như lời Nguyễn Dương tiên đoán.

HOÀNG HẬU ĐÀM THỊ

Tháng mười năm Trị Bình Long Ứng thứ sáu, vua Lý Cao Tông trong giây phút lâm chung, hoàng hậu Đàm Thị và quan đầu triều Vũ Kính Tu đang quỳ bên Long sàng, nét mặt đầy đau đớn, nghe lời ký thác của nhà vua: “Hiền khanh đừng buồn, hãy chăm sóc con ta. Đỗ Kính Tu, trăm tin tưởng vào người. Hãy hứa với trăm sẽ phò tá hoàng hậu và thái tử Sảm...”.

Nhà vua cố mỉm cười rồi lịm dần. Ngày 28 tháng 10 năm Nhâm Ngọ (1210), vua băng hà ở Cung Thánh Thọ. Hoàng thái tử Sảm lên ngôi ngay trước linh cữu, bấy giờ mới 16 tuổi, lấy hiệu là Huệ Tông hoàng đế. Vua đăng quang xong, liền phong cho mẹ là hoàng hậu Đàm Thị làm Hoàng Thái hậu.

Lý Huệ Tông lên ngôi lúc này, đất nước đang ở tình trạng suy đồi, vì sinh thời vua cha đã rất bê tha, lại vừa xảy ra loạn do bọn Bình Di, Quách Bốc gây nên. Huệ Tông lên ngôi, việc đầu tiên ông lo lắng là lo cho mối tình đầu của ông, chứ không chú ý

gì tới quốc gia đại sự. Mọi việc ông giao cả cho Đàm Dĩ Mông, nhưng vị quan này theo sử chép lại là “người không có học thức, không có mưu thuật không quyết đoán và rất nhu nhược. Chính sự ngày một đổ nát”.

Sau khi lên ngôi, Lý Huệ Tông sai quan quân đi đón Trần Thị Dung về phong làm Nguyên phi, còn Thái hậu Đàm Thị thì muốn tìm trong hàng tôn thất ở cung đình cho vua trẻ một người vợ xứng đáng. Trong thâm tâm, bà muốn nhà vua quên cô gái vua yêu ở thôn Lưu Gia thuộc Hải Ấp ấy.

Biết ý định của mẹ, Huệ Tông cố tìm mọi cơ thoái thác. Nhà vua luôn nhớ tới người con gái họ Trần yêu kiều, duyên dáng, vóc người thanh mảnh, miệng cười tươi như hoa nở, đôi mắt tình tứ, quyến rũ của nàng, khiến nhà vua không sao quên được.

Quá nhớ mong, nhà vua đem thuyền rồng đi đón nàng, nhưng Trần Tự Khánh, anh ruột nàng lại cho rằng lúc này đang loạn lạc, chưa thể đưa Trần Thị đi được. Huệ Tông buồn rầu chia tay Trần Thị rồi trở về triều.

Trước khi vua về triều, đã có tin mật báo với Thái hậu. Tuy nhiên, Đàm Thái hậu tỏ ra như chẳng biết gì, người ân cần hỏi: “Thế người con gái nhà vua đưa về cung đâu?”. Huệ Tông lúng túng giây lát rồi đành nói thực với mẹ:

- Thừa mẫu hậu, con không đón được nàng, vì anh trai nàng e đang loạn lạc, lúc này đưa nàng đi... Thái hậu ngắt lời:

- Con nghĩ chưa hết rồi, từ xưa tới nay, cô gái nào được lọt vào mắt xanh thiên tử, phải thấy đó là đại phúc, đâu có chuyện viện cố này, cố khác kia chứ. Thôi được, ta sẽ kiếm cho con một cô gái trong hàng tôn thất cho thật xứng đáng, con sẽ hài lòng.

Sau đó, vua lại sai Phụng ngự Phạm Bố đi đón nàng, người mà ngài luôn ngày đêm mong nhớ. Khi Trần Thị được đón về triều, nàng được lệnh phải vào chầu Thái hậu ngay.

Thái hậu ngồi uy nghiêm trên sập, các thị nữ xúm xít xung quanh. Trần Thị bước vào, sụp lạy Thái hậu: “Thần thiếp là Trần Thị, xin kính chúc Thái hậu muôn tuổi”. Thái hậu khoát tay cho các thị nữ lui ra hết, khi chỉ còn lại hai người, Thái hậu không nói gì, một bầu không khí nặng trĩu. Người chăm chú ngắm cô gái. Phải, cô ta đẹp thật. Người thanh mảnh, dáng yêu kiều, mặt tươi như hoa, đôi mắt thật là tình tứ, đen láy, long lanh đầy sức quyến rũ. Thảo nào con ta say mê nó, Hoàng Thái hậu nghĩ vẻ đẹp của cô gái này thật nguy hiểm. Nó không chỉ rực rỡ mà còn đậm thắm, đậm đà. Thái hậu thầm điểm qua khuôn mặt các cô gái trong dòng tôn thất mà bà định chọn, quả là chẳng có ai bằng cô gái này. Nghĩ vậy, bà thấy càng ghét cái con

người đang quì trước mặt mình, nên nghiêm giọng hạ lệnh:

- Hãy ngẩng đầu lên, để ta ngắm kỹ khuôn mặt của người.

Cô gái e sợ ngẩng đầu, vẻ rụt rè, lo ngại khiến nàng càng thêm quyến rũ. Thái hậu chợt cảm nhận khó ngăn cản mối tình này của Huệ Tông, bèn lạnh lùng hạ lệnh:

- Người phải biết phép tắc trong cung, phải tuân thủ. Quan thái giám sẽ chỉ bảo cho người. Nhà vua còn trẻ, mới lên ngôi, việc triều chính còn rất bận rộn. Người không được để nhà vua bận lòng về mình, các việc nội thị trong cung, ta đều để mắt tới. Nhất cử nhất động của nhà người đều phải trình lên cho ta rõ. Thôi, cho lui!

Trần Thị nem nép cúi đầu, hôn gấu áo Thái hậu rồi lui ra.

Trần Thị đi rồi, Thái hậu lo lắng không yên, bà cho gọi thái giám vào bảo: “Cần chọn thêm một số mỹ nhân nữa tiến cung, càng nhanh càng tốt, người thấy rồi đấy!”.

Đàm Dĩ Mông trầm ngâm, lo lắng, tin tức dồn dập đưa về thật đáng ngại. Chương thành hầu Trần Tự Khánh, anh ruột Nguyên Phi Trần Thị, đem quân xâm phạm cửa Khuyết, xin đón xa giá. Chính sự trong triều ngày càng đổ nát, ông cần phải tâu lên vua. Biết chuyện

anh Trần Thị xâm phạm cửa Khuyết, Huệ Tông giận lắm, có ý ngờ Trần Tự Khánh âm mưu phản loạn. Một mặt xuống chiếu cho các đạo quân đi bắt Tự Khánh, mặt khác giáng Nguyên phi Trần Thị làm Ngự nữ.

Nghe tin Trần Thị bị giáng xuống làm Ngự nữ, Thái hậu không vì thế mà lấy làm vui, cho gọi Trần Thị vào cung mắng nhiếc:

- Nhà ngươi là con yêu nữ, từ khi ngươi bước chân về triều đã gây nên bao nỗi long đong. Ta tưởng ngươi được Thiên tử vời đến, gia tộc ngươi được hưởng ơn nước, thì phải trung thành với triều đình chứ. Rồi Thái hậu hạ lệnh: “Thị nữ đâu, đem nó nhốt vào buồng cấm cho ta”.

Nghe tin Ngự nữ bị hành hạ khổ sở, Chương thành hầu Trần Tự Khánh càng quyết tâm đón xa giá bằng được.

Huệ Tông càng ngờ Trần Tự Khánh có bụng khác nên cùng Thái hậu và Ngự nữ chạy về huyện Bình Hợp. Tuy vậy, khi thấy Trần Thị đau đớn, mệt mỏi, lại luôn bị Thái hậu dày vò, mắng nhiếc, Huệ Tông lại cảm thấy xót xa, vua vẫn rất yêu nàng, bất chấp mọi lời thị phi. Mùa xuân năm 1216, ngài lại sắc phong Ngự nữ làm Thuận Trinh phu nhân.

Thấy nhà vua vẫn say mê Trần Thị, Thái hậu giận lắm, thường chỉ mặt nàng là đồ phản trắc, làm tay trong, là bè đảng của giặc. Thái hậu nằng nặc đòi

Huệ Tông phải đuổi Thuận Trinh đi. Nhà vua thường lặng thinh mỗi khi mẹ cháu giận. Đàm Thái hậu nghĩ vua đã ăn phải bùa bả của con yêu nữ ấy, có ngày cơ nghiệp của tiên đế sẽ đổ vỡ thôi. Ta phải ra tay hành động vậy. Nửa đêm, bà lệnh cho Thuận Trinh phải vào châu, mặt Thái hậu đánh lại, đưa cho nàng chén thuốc độc, bắt phải uống ngay trước mặt mình. Trần Thị rũ rượi, nức nở: “Xin Thái hậu mở lượng khoan dung cho con được sống”. Thái hậu rít lên: “Con rắn độc kia, người gây bao tai hại như vậy mà còn nỏ mồm ư?”. Nàng lại nức nở: “Con đâu dám trái lệnh, bướng bỉnh bà, xin hãy thư thư cho con chút thời gian nữa. Con xin nguyện chết trước mặt lệnh bà, nhưng hiện nay, con... đang mang trong mình giọt máu của bệ hạ”.

Thái hậu càng căm tức: “Ai cần gì cái dòng bội phản ấy. Bay đâu, đổ bát thuốc vào mồm con yêu nữ này cho ta!”.

Chợt Thái hậu nghe thấy: “Xin Thái hậu bớt giận. Con xin được bảo lãnh cho nàng. Nàng hoàn toàn vô tội, hơn nữa, nàng đang...”

- Thôi, lui hết ra! Đủ rồi! Thái hậu dùng dùng bỏ đi.

Từ đó, Thái hậu càng bức bội thêm, bà mật sai người hầu trộn thuốc độc vào thức ăn cho Trần Thị. Bọn người hầu hoảng sợ, khi thấy Huệ Tông giăng lấy đĩa thức ăn sẻ đôi cho mỗi người một nửa. Chúng vội vàng giật lấy đĩa, bát, chạy biến đi. Từ đó Huệ Tông

luôn ở bên cạnh nàng, mọi âm mưu hãm hại đều không thực hiện được.

Thế rồi, Huệ Tông cùng Thuận Trinh bí mật bỏ trốn. Vua tới chỗ đóng quân của Trần Tự Khánh ở bãi Cửu Liêu, gọi Tự Khánh vào chầu.

Năm đó, Trần Thị sinh Hoàng trưởng nữ, đó là công chúa Thuận Thiên. Vua càng thêm yêu quý nàng rồi sắc phong cho nàng làm hoàng hậu.

HUỆ TÔNG HOÀNG HẬU

- *B*ây giờ con đã ngần này tuổi, mẹ còn nói đến chuyện ấy làm gì? Mẹ cứ nghe theo lời quan gia, mà không nhớ quan gia đối với con, có còn nghĩa tình chi nữa đâu!

- Con không nên nặng lời thế, con không hiểu nỗi niềm của quan gia, mà con cũng chưa thấu rõ nỗi lòng mẹ. Con ạ, mẹ con ta đều vì nghĩa lớn cả thôi.

Câu chuyện tâm sự trên diễn ra trong nội cung nhà Trần, giữa hai mẹ con là Trần Thị Dung và Lý Chiêu Thánh. Cô gái ngậm ngùi, trách móc. Bà mẹ xót xa thương cảm, song cố thuyết phục. Cả một chuỗi quá khứ đang sống lại trong tâm trí hai người, những nỗi niềm oan trái, uất ức giấu kín từ lâu, chỉ thuộc về trang bí sử trong chốn thâm cung mà người ngoài không ai được biết, người trong cuộc không có dịp phân trần, nhưng nó không thể nào dễ dàng trôi vào quên lãng.

Trần Thị Dung và con gái bà, cả hai vốn đã là những vị hoàng hậu. Chuyện riêng tư trong cung cấm

của họ vô cùng phức tạp, lẫn lộn bi hài, nhưng lại liên quan đến đại sự quốc gia.

Hồi đó, ở vùng đất ngày nay thuộc huyện Hưng Hà, Thái Bình có một gia đình chuyên nghề chài lưới, rất giàu và nhiều thế lực. Quen với nghề nghiệp, họ lấy tên các thứ cá đặt tên cho người trong nhà. Sau này, sử sách chép thành chữ nghĩa cho trang trọng, nên ít người biết ông Trần Lý tên thực là Chép (Lý là cá Chép). Con trai ông là Dưa (cá Dưa) được phiên là Trần Thừa. Con Trần Thừa là Liễu, chính tên là Leo (cá Leo), ông này sau sinh ra Trần Hưng Đạo. Em Trần Liễu là Trần Cảnh, chính tên là Lành Canh (cá Lành Canh), sau là Trần Thái Tông, vua đầu tiên của nhà Trần. Gia đình này có một cô con gái, ở đất phường chài mà lại sắc nước hương trời, có tên là Ngừ (cá Ngừ) được chuyển thành Trần Thị Dung, là em gái của Trần Thừa. Trần Liễu và Trần Cảnh là cháu gọi Trần Thị Dung là cô ruột. Sau này, Trần Thị Dung được tôn là Quốc mẫu, song dân chúng địa phương vẫn gọi bà là: Bà chúa Ngừ.

Đầu thế kỷ XIII, triều nhà Lý ở vào giai đoạn hoàn toàn suy thoái. Lý Cao Tông bị các tướng tá bất mãn đánh phá kinh thành, phải cùng Hoàng tử Sảm chạy nạn, về vùng quê họ Trần Lý. Thái tử cảm tài sắc của cô gái vùng chài nên cô Ngừ trở thành vợ thái tử, được phong là Nguyên phi. Mẹ Hoàng tử Sảm là Đàm Thái hậu không tán thành cuộc hôn nhân, nhiều lần

cản trở, thậm chí có những âm mưu hạ độc, trộn thuốc độc vào thức ăn ban cho Dung, ép uống thuốc độc trước mặt Thái hậu, song Dung đều tránh được, nhờ có Thái tử hết sức bảo vệ. Cô Ngừ cũng hết sức ăn ở cho phải đạo nên đã giữ gìn được hạnh phúc của mình. Rồi Thái tử được lên ngôi, tức là vua Lý Huệ Tông, Trần Thị Dung trở thành hoàng hậu. Bà sinh cho nhà vua được hai người con gái là Công chúa Thuận Thiên và công chúa Chiêu Thánh. Mối tình mặn nồng của Trần Thị Dung với nhà vua cũng không được lâu bền. Từ ngày nàng trở thành hoàng hậu, Huệ Tông lại ốm nặng, nhà vua mắc bệnh trúng phong, chữa mãi thuốc không khỏi. Từ năm 1217, ông dần dần phát điên, có khi tự xưng là thiên tướng giáng trần, múa may cả ngày, rồi lại ngủ li bì, lúc tỉnh lúc mê.

Chiêu Thánh công chúa rất được vua yêu, vì không có con trai nên nhà vua quyết định lập Chiêu Thánh làm Thái tử (1224).

Nhà Lý ngày càng suy yếu, Lý Huệ Tông bệnh ngày một trầm trọng, tìm khắp các danh y để chữa bệnh, song vô hiệu nghiệm. Cuối cùng, vua truyền ngôi cho công chúa, Chiêu Thánh lên làm vua (1224), tôn hiệu là Lý Chiêu Hoàng, khi này mới 8 tuổi. Toàn bộ quyền hành trong triều đều do họ Trần nắm giữ. Trần Thủ Độ cai quản mọi việc quan sự, trong thành ngoài nội, quản lĩnh cả quân điện tiền hộ vệ cấm đình.

Trần Thủ Độ bố trí cho cháu là Trần Cảnh được vào cung châu hầu Lý Chiêu Hoàng. Hai người cùng tuổi nên gần gũi, vui chơi gần bó, rồi yêu thương nhau.

Bà Trần Thị Dung thấy hoàn cảnh thuận lợi cho nhà Trần lên thay nhà Lý, thế là ngày 11 tháng 12 năm Ất Dậu (1225), Lý Chiêu Hoàng kết hôn với Trần Cảnh, tại hội lớn ở Thiên An, Chiêu Hoàng trút bỏ long bào, mời Trần Cảnh lên ngôi hoàng đế. Nhà Trần thay nhà Lý từ đó.

Nhưng Chiêu Hoàng chỉ làm vợ Trần Cảnh được ít lâu, vì chậm có con, đã 10 năm qua, Chiêu Thánh vẫn chưa sinh nở. Trần Cảnh không lo lắng, song các vị phụ chánh lại rất quan tâm. Trần Thủ Độ đã chọn biện pháp khắc nghiệt: Bắt phế bỏ Lý Chiêu Hoàng, đưa Thuận Thiên, vợ của Trần Liễu, hiện đã có mang lên làm hoàng hậu của Trần Thái Tông. Cả nội cung của họ Trần, cả triều đình và dân chúng đều bàng hoàng, phần nộ trước sáng kiến ngược đời ấy.

Sự bất bình không chỉ âm thầm lặng lẽ, Trần Cảnh phải bỏ Chiêu Thánh, chịu mang tiếng cướp vợ của anh, rất thẹn thùng đau khổ. Ông bỏ ngôi vua, lên chùa Yên Tử với các nhà sư, định kéo dài ngày tàn ở chốn thiền môn, không thiết cuộc đời nữa. Nhưng ý định đó cũng không thực hiện được trước áp lực của Thủ Độ. Trần Liễu mất vợ, căm giận đem hết quân bộ hạ chống lại cho hả niềm uất ức, cũng bị Trần Thủ Độ dẹp ngay. Hai anh em chỉ còn biết ôm nhau khóc lóc

thì Trần Thủ Độ xuất hiện và vung gươm định giết, Trần Cảnh phải lấy thân che chở cho anh. Tình trạng căng thẳng chỉ dịu đi khi có sự can thiệp của Trần Thị Dung, bà lấy tư cách cô ruột, hết lời khuyên can hai cháu, lấy tư cách là mẹ đỡ dành Chiêu Thánh chấp nhận cảnh ngộ, vùi sâu nỗi đau thương trong tâm khảm. Trần Thị Dung khéo lấy ngay cảnh ngộ của mình để dẫn giải cho con gái:

- Mẹ hiểu nỗi đau này, nhưng con hãy nghĩ tới sơn hà xã tắc, đến cơ nghiệp của họ Trần mà chính con đã có công xây đắp. Bản thân mẹ cũng chịu nhiều đau khổ nhục nhằn, có hơn gì con đâu. Mẹ con ta hãy quên mình vì nghĩa lớn.

Bà Dung đã nói đúng. Thực ra, tuy ở ngôi cao, nhưng cuộc đời bà đã không hiếm gì bi kịch! Những ngày đầu, bà kết duyên cùng Thái tử Sảm, phải chịu biết bao nỗi khổ sở, cực nhục lắm, mới sống được với mẹ chồng (Hoàng hậu Lý Cao Tông). Khi được chính thức là Nguyên phi của Huệ Tông thì nhà vua ốm liệt, gả con gái cho Trần Cảnh, địa vị bà càng cao - Hoàng Thái hậu. Nhưng rồi 1226, Lý Huệ Tông mất, bà bị giáng xuống làm Thiên Cưng công chúa. Ngôi thứ đổi thay, danh giá không phải là không bị xúc phạm. Bà cắn răng chịu đựng, chỉ mong sao cho nội cung được yên ổn, triều chính vững bền. Song, một sự ép buộc mới lại đến. Tôn tộc họ Trần thu xếp, ghép bà về làm vợ Trần Thủ Độ, một con người nghiêm nghị, quyết

liệt, xử sự không hề run tay. Bà phải cố gắng nhiều lắm mới hàn gắn được những vết thương lòng của những nạn nhân đau khổ, để qui tụ sức lực vào việc giữ gìn đất nước thịnh cường, hoàn thành sứ mệnh với lịch sử dân tộc. Quả thật, Trần Thị Dung đã làm được nhiệm vụ lớn lao này, và bà cũng lo lắng việc hậu cần trong cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên Mông thật tốt. Sau kháng chiến chống Nguyên Mông, vua Trần Thái Tông đã phong cho bà là Linh từ Quốc Mẫu. Sử sách chép về bà, xem bà như vị thánh “Trời sinh ra để mở nhà Trần” vậy. (*Theo Đại Việt sử ký toàn thư*).

Lý Chiêu Hoàng từ ngày chia tay với Trần Cảnh, sống buồn rầu, uất ức trong chốn cung vị. Nàng buồn cho số phận, âm thầm oán trách cuộc đời. Trần Thái Tông hiểu thấu tâm sự ấy, xót xa và luôn tự nhận mình có tội với nàng. Ông thấy phải tìm cách để Lý Chiêu Hoàng đỡ phần cô độc, để được sống những ngày cuối cuộc đời trong không khí đầm ấm gia đình mới cam tâm. Cơ hội đến, ông phải nhờ tới bà cô ruột, mẹ đẻ của Chiêu Thánh tới bàn bạc với nàng giúp ông. Trần Thị Dung đã nói cùng con gái:

- Mẹ thấy quan gia có lòng thành thực, tác thành cho con là mong được chuộc lại lỗi lầm xưa cho đỡ phần chua xót. Con kết duyên với người này cũng lại là tiếp tục nghĩa cả lớn lao mà mẹ con ta đã tự đặt cho mình: Bảo vệ nhà Trần, bảo vệ Tổ quốc. Bởi người mà quan gia chọn đã từng có nhiều chiến công xuất sắc

trong trận đánh giặc Nguyên vừa qua. Người này đã xông pha khói lửa, bảo vệ Thái Tông an toàn. Con có thể đẹp lòng, đừng nghi ngại nữa. Mẹ con ta đều vì nghĩa lớn cả thôi!

Nghe mẹ khuyên nhủ, Chiêu Thánh đã xuôi lòng. Cuộc hôn lễ được cử hành long trọng để Chiêu Thánh vui vầy duyên mới. Chồng bà là một danh tướng có công lớn với triều đình. Cái tên Lê Phụ Tần của ông chính do vua Trần đặt cho. Những người con của bà sau này cũng là những danh tướng tài năng có nhiều chiến công với đất nước.

Lịch sử ghi chép về bà với những nỗi niềm đầy bi kịch. Nhưng nhân dân vẫn trân trọng, bà được tôn là Thành hoàng ở nhiều nơi. Ở Hà Nội có đền thờ Lý Chiêu Hoàng ở phố Phan Huy Ích, đó là đình Yên Thành.

HIẾN TỪ TUYÊN THÁNH

*H*iến Tông hoàng đế tên húy là Vượng, con thứ của vua Trần Minh Tông, mẹ đích là Hiến Từ Tuyên Thánh Hoàng Thái hậu.

Thái hậu rất nhân từ, các con của Anh Tông, dù là con của vợ thứ sinh ra bà đều yêu quý, chăm nuôi như con mình.

Công chúa Huệ Chân được Anh Tông yêu quý, Thái hậu cũng rất yêu nàng, những khi có ban thức gì thì thường cho Huệ Chân trước, rồi sau mới tới Thiên Chân. Sau khi Anh Tông băng hà, Thái hậu càng chăm sóc Huệ Chân hơn trước.

Việc đối xử với các cung tần trong cung, cũng rất ưu hậu. Nữ quan trong cung là bà Vương thị, mẹ đẻ của Huệ Chân, được yêu quý mà có thai. Thái hậu đã lấy Song hương đường (phòng ngủ của Thái hậu) cho làm nơi sinh đẻ. Vương thị sau khi sinh xong thì mất. Cung nhân ngầm tâu với Thượng hoàng là Thái hậu giết Vương thị. Thượng hoàng vốn biết Thái hậu là

người nhân từ, liền lấy roi đánh cung nhân ấy. Thái hậu cũng chẳng để bụng chuyện đó.

Bảo Huệ quốc mẫu (tức là mẹ của Bảo từ Thái hậu) có lần xin cho Nguyễn Huy (tức con gái của Uy Huệ, cháu gái của Bảo Từ) vào làm cung phi. Thượng hoàng đem chuyện đó hỏi Thái hậu, Thái hậu trả lời: “Không được, nếu Nguyễn Huy được thì sẽ khiến Thục Từ phải xưng là nô chằng?” Bà không đem ơn riêng mà cho bừa là như vậy.

Thái hậu có nhiều công lao giúp họ Trần. Trước kia, khi Minh Tông còn ở Bắc cung, có tên gác cổng bắt được một con cá bống trong giếng Nghiêm Quang, thấy trong mồm có ngậm vật gì, moi ra xem thì thấy có chữ. Đó là những lời bùa yểm, có ghi các tên Dụ Tông, Cung Túc, Thiên Ninh (đều là con đẻ của Hiến Từ). Tên gác cổng cầm lá bùa vào dâng vua. Minh Tông sợ hãi, lo lắng và tức giận. Truyền bắt hết các cung nhân, bà mụ, thị tỳ trong cung, quyết tra xét cho ra vụ này. Khi hoàng hậu Hiến Từ tới, nghe nhà vua cho biết sự thể và quyết định của mình. Hoàng hậu liền can ngăn:

- “Xin bệ hạ hãy khoan đã, sợ sẽ có kẻ bị hàm oan, thiếp xin được tự mình bí mật xét hỏi đã”.

Minh Tông nghe theo, hoàng hậu liền gọi tên gác cổng lại hỏi:

- Gần đây, người có thấy phòng nào trong cung mua cá bống không? Hấn liền tâu rằng:

- Thừa lệnh bà, đó là phòng thứ phi Triều Môn. Thế là đã rõ, Hiến Từ hoàng hậu liền đem việc này trình lên vua Minh Tông. Nhà vua giận dữ ra lệnh tra xét cho ra. Nhưng Hiến Từ tâu: “Đây là việc trong nội cung, không nên để hở ra ngoài. Thứ phi Triều Môn lại là con gái của Cung Tĩnh Vương, nếu để hở ra thì quan gia sẽ sinh hiềm khích với Thái úy, thiếp xin im việc này đi, không xét hỏi nữa”. Minh Tông khen bà là người hiền.

Đến khi Minh Tông băng hà, tướng quân Trần Tông Hoắc muốn tỏ ra trung thành với Dụ Tông, theo dết việc đó ra, làm Thái úy suýt bị hại. Nhờ Hoàng Thái hậu cố sức cứu đỡ mới thoát. Người bấy giờ ca ngợi bà là đã trọn đạo làm mẹ, tuy phận con đích, con thứ không giống nhau, mà lòng nhân từ của bà đối với con nào cũng thế, làm cho ân nghĩa vua tôi, cha con, anh em không một chút suy sút. Từ xưa tới nay ít ai được như vậy. Người xưa có nói bà là “Nghieu Thuấn trong nữ giới”. Thái hậu được liệt vào hạng ấy. Bà từng hối tiếc về việc lập Nhật Lễ lên làm vua. Sau, Nhật Lễ ngấm đánh thuốc độc giết bà.

CHIÊU THÁNH HOÀNG HẬU

*K*inh thành Thăng Long êm ả, đắm sâu trong đêm thu. Chiêu Thánh Công chúa ngồi nghỉ ngơi suốt đêm. Sáng nay, nàng mới gặp lại nhà vua sau hơn hai chục năm trời xa cách. Đã tưởng đành cam với số phận hẩm hiu cho tới lúc già từ cuộc đời! Nào ngờ, lại sắp sửa đổi thay hoàn cảnh.

Công chúa ngồi lặng lẽ ôn lại quãng đời gần 30 năm về trước. Hồi đó là năm Ất Dậu (1225), nàng mới có 8 tuổi, nhưng đã đường đường ngồi trên ngai vàng, làm vua cai quản cả thiên hạ. Nàng vốn là con gái thứ hai của Lý Huệ Công. Vua cha vốn mang trọng bệnh, triều đình cho tìm khắp nơi trong nước những danh y để chữa bệnh cho vua, đều không hiệu quả. Nhà vua không có con trai phải chọn nàng lên ngôi hoàng đế. Mới 8 tuổi đầu thì biết gì mà coi việc triều đình! Nàng được tôn hiệu là Lý Chiêu Hoàng. Nhưng toàn bộ quyền hành trong triều đều do Điện tiền chỉ huy sứ Trần Thủ Độ lo lắng cả. Ngoài việc lên ngai ngồi cho có lệ, cô bé chỉ ở trong cung nô đùa với các bạn trẻ

cùng lứa tuổi, con cháu các vị quan thân thích của họ Lý, họ Trần. Trong số bạn bè này, có Trần Cảnh, cháu gọi Trần Thủ Độ bằng chú, được giữ chức Chánh thủ để hầu hạ vui chơi cùng công chúa. Trong số bạn bè này, nàng thấy Trần Cảnh là đáng yêu hơn cả. Cậu ta cũng biết giữ lễ phép vua tôi, vẫn xưng hô với nàng: “Tâu bề hạ...”. Đã có lúc cô bé rất quý Trần Cảnh, nắm tóc, bắt tay, vui đùa, kéo Trần Cảnh đứng lồng bóng với mình, ném khăn trầu cho nhau, bắt chước người lớn tỏ tình tha thiết. Sự vui chơi gần bó tự nhiên ấy đã tạo cho Thủ Độ nhân cơ hội sắp xếp cho hai cô cậu thành vợ, thành chồng. Và việc tất nhiên phải xảy ra. Nàng đã là vợ, thì vợ nhường ngôi cho chồng là hợp lý, vả lại, tuy còn ít tuổi, Trần Cảnh cũng tỏ ra là một thiếu niên có tài năng, có thể thành ông vua xứng đáng. Nàng không còn là vua nữa, song lại là Hoàng hậu. Chiêu Thánh hoàng hậu vui lòng với bốn phận làm vợ, cũng xem hành động của mình là có ích cho đất nước. Nhà Trần thay nhà Lý, dần dần chinh đồn được kỷ cương, dẹp yên được giặc giã, đất nước dần dần được ổn định, thiên hạ được thái bình. Do đó việc nhường ngôi của nàng không đáng chê trách chút nào.

Ngày tháng trôi qua, nàng cũng thiết tha yêu Trần Cảnh, bởi thấy là một bậc anh quân. Trần Thái Tông cũng có một trình độ học thức cao, có trình độ hiểu biết rộng, sâu sắc nhiều mặt. Triều đình có nhiều người tài giỏi phò tá, việc quân, việc nước được vững

vàng. Hoàng hậu Chiêu Thánh cũng cảm nhận được vinh dự là đã chọn được người chồng xứng đáng. Nàng chỉ băn khoăn một điều là không hiểu sao mà mãi hai người vẫn chưa có con!

Mà sự âu lo này có cơ sở. Không sớm có con đã là tai hoạ đối với hoàng hậu Chiêu Thánh. Bởi sau đó, chính con người đã tác thành duyên lứa cho nàng lại vịn vào cớ này để chia rẽ nàng với nhà vua! Thái sư Trần Thủ Độ đã nói thẳng với Thái Tông: “Hoàng hậu Chiêu Thánh làm vợ hơn 10 năm, đến nay đã 20 tuổi (1327), mà không sinh nở, thì làm sao yên tâm về sự nối dõi sau này, phải chọn hoàng hậu khác” – ý muốn đó đã trở thành một nghiêm lệnh! Trần Thái Tông hết sức yêu dấu nàng, cũng không làm sao cưỡng lại. Nhà vua rất buồn rầu, áy náy, một đêm đã bỏ Kinh thành Thăng Long, trốn lên chùa ở mãi trên núi Yên Tử để tu. Rồi bỏ Chiêu Thánh ông xem như đã làm “một điều nhục nhã không xứng đáng với ngôi vua” (nguyên văn trong Đại Việt sử ký toàn thư). Nhưng Trần Thủ Độ không nghe, đem quân lên núi, buộc Thái Tông phải về. Ông lại bắt Trần Liễu, anh ruột vua, nhượng vợ đang có thai cho vua. Trần Liễu tức giận, toan khởi binh làm loạn, song yếu thế, phải đầu hàng. Mọi việc sắp xếp thế nào thì cứ thế mà thi hành, không ai cưỡng được lệnh của Trần Thủ Độ!

Thế là từ đó, Chiêu Thánh hoàng hậu bị giáng xuống làm công chúa. Nàng sống âm thầm một mình

một lóng với nỗi hưu quanh khổ đau. Không oán trách – mà biết oán trách ai! Chẳng biết cùng ai tâm sự - tâm sự với ai?! Và để làm gì! Hai mươi năm đã trôi qua, vua Thái Tông tất nhiên có điều mặc cảm, lao vào công việc triều chính, chỉ đạo chiến tranh chống quân xâm lược Nguyên Mông, không tiện – mà có lẽ cũng không dám gặp nàng! Ấy thế mà, vừa đây, nhà vua lại thân hành đến, xin được cùng nàng thương lượng.

Thái Tông đem đến cho nàng một sự bất ngờ, mà cũng là một cái lệnh đột xuất! Đầu tiên vua tỏ ý rất buồn rầu, đau khổ vì phải để nàng chịu số phận gần như bị ruồng bỏ một thời gian dài như vậy. Giờ đây nàng ở tuổi bốn mươi nhưng vẫn còn xuân sắc, bởi vậy cũng cần có nơi nương tựa để làm vui khi xế bóngmãn chiều. Vua muốn xin nàng nối lại dây đàn với một vị tướng đã lập được công lớn trong cuộc chiến vừa qua.

Chiêu Thánh ngạc nhiên trước quyết định ấy. Đã từ lâu nàng không nghĩ tới chuyện tình duyên. Cuộc hôn phối với Trần Cảnh kết thúc thảm sầu, vết thương lòng của nàng không có gì có thể bù đắp được! Thế mà bây giờ nhà vua lại nói đến chuyện gả chồng cho nàng! Đó là ai?!

Thái Tông tìm những lời hết sức tha thiết, dịu dàng để thuyết phục người vợ cũ xót thương. Vua vẫn gọi Chiêu Thánh là ái khanh, nhắc lại với nàng những kỷ niệm đẹp để thuở thiếu thời và nhấn mạnh công lao

của nàng. Nàng quả đã vì cơ nghiệp nhà Trần, vì quyền lợi của bản thân Trần Cảnh mà hy sinh chịu đựng bấy nay. Vua không được cùng nàng bách niên giai lão, vua rất buồn, nên phải có bốn phận với nàng. Người mà vua muốn gả cho nàng là một dũng tướng tài năng, cao thượng và cũng là người có công bảo vệ nhà vua. Đó là một vị anh hùng, một vị tráng sĩ... Chiêu Thánh ngược nhìn nhà vua, lắng nghe lời phân tích, giới thiệu: Lê Tần là con trai của thượng tướng Lê Khâm, dòng dõi vua Lê Đại Hành xưa. Ông là một trang phong lưu năm vừa rồi (1257), đánh nhau với tướng Nguyên Mông chính nhờ Lê Tần, trăm mới an toàn. Tần có mưu lược, đã khuyên trăm lui về Thiên Mạc, bảo toàn lực lượng, rồi trong trận mưa tên, bão đạn, một mình Tần giơ cao ván thuyền che chở cho trăm; Hôm bình công, chính trăm đã nói với ông ta: “Không có khanh, thì trăm làm sao có được ngày nay, câu nói ấy, nói với công chúa là hoàn toàn chính xác. Xin công chúa hãy làm theo ý trăm, gả nghĩa với người này, ông ta rất xứng đáng với công chúa!”

Chiêu Thánh thấy xót thương Trần Cảnh, không muốn trái lời chàng nữa! Nàng vui vẻ chấp nhận cuộc hôn nhân. Lê Tần sau đó được phong là Bảo Gia vương. Tuy vậy, bà chỉ ưng thuận cuộc hôn nhân này khi triều đình thực hiện ba điều kiện:

- Xoá bỏ lệnh truy sát hoàng tộc Lý và họ Lý được trở về quê quán làm ăn.

- Các lăng miếu, đền thờ của nhà Lý và các vị công thần triều Lý phải được tu bổ lại, thờ phụng như xưa.

- Dinh của Lê Tần phải ở xa hoàng thành Thăng Long để nàng khỏi nhìn thấy triều đình nhà Trần.

Triều đình phải chấp nhận cả ba điều kiện của Chiêu Thánh. Nhà vua lại đổi tên Lê Tần thành Lê Phụ Tần, phong cho chức ngự sử Đại Phu, giữ trọng trách trong triều đình. Sau được cử làm chánh sứ, cùng với Chu Bác Lãm sang Trung Quốc giao thiệp với nhà Thanh.

Chiêu Thánh đã sống với Lê Phụ Tần những ngày tốt đẹp nhất của cuộc đời mình. Cũng là một điều kỳ diệu, chỉ một năm sau ngày cưới, Chiêu Thánh đã sinh được một cậu con trai đặt tên là Trần Bình Trọng. Sách *Đại Việt Sử Ký toàn thư* ghi tên là Trương vị Hầu Tổng Trần Bình Trọng, Trần Bình Trọng còn có một em gái là Như Khuê, được phong làm Ứng Thuy công chúa. Sau hai người con này, vợ chồng Phụ Tần – Chiêu Thánh không sinh thêm người con nào nữa.

Trần Bình Trọng lớn lên rất giỏi võ nghệ, theo đúng nghiệp nhà, Chiêu Thánh đã xin với Trần Nhật Duật cho em gái ông về làm con dâu mình, đó là Thuy Bảo công chúa, sau sinh ra Chiêu Hiến, đã được tuyển làm vợ vua Trần Anh Tông. Nhưng đó là chuyện sau này, Chiêu Thánh không được chứng kiến. Kiều Thị Như Khuê thì lấy trạng nguyên Trần Cố.

Ngày 23 tháng 9 năm 1278, Lý Chiêu Hoàng mất, thọ 62 tuổi, Trần Bình Trọng mới được 17 tuổi, nên bà không được thấy tấm gương trung nghĩa của con mình trong trận đánh quân Nguyên năm 1285.

Tương truyền, khi mất, mái tóc Chiêu Thánh vẫn đen nhánh, môi đỏ thắm và đôi mắt vẫn đượm màu hoa đào.

Theo nguyện vọng trong “Huyết tâm thư”, bà được nhân dân kính trọng đưa thi hài về an táng tại quê nhà bên Cổ Pháp (Đình Bảng - Từ Sơn). Bà được táng tại rừng Báng, phía Tây Thọ lăng Thiên Đức, gần lăng Thiên Đế.

Đền Rồng (Cổ Pháp) được xây dựng dưới triều Trần Nhân Tông (thế kỷ 13) để nhân dân tưởng nhớ thờ phụng bà.

Nay đền còn khoảng 3000 m², rừng xưa chỉ còn lại hai cây nhội, một cây duối cổ thụ. Cổng vào đền có đắp nổi 3 chữ: “Long miếu điện”. Phía trong là toà tiền đường 5 gian, có tường hoa quá mai, trên đề chữ “Lưu Li điện”. Trước điện có bức hành phi đề: “Hậu triều Lý Thị” – Hai bên có đôi câu đối:

“Tứ phương minh tích ngưỡng lưu quan, bát diệp nghị quân thừa kế tự”

(Bốn phương dấu tích còn lưu

Tám diệp đón vua kế tiếp thờ)

“Lý triều bát diệp Hương bảo ngọc, long miếu Thiên Thu sử kim biên”.

(Tám vua triều Lý thơm ngọc quý
Miếu rồng ngàn năm sử vàng ghi).

Lý Chiêu Hoàng còn được một số nơi tôn thờ: như ở Giao Tự tôn bà làm Thành Hoàng làng. Tại Thăng Long có đền Yên Thành ở phố Phan Huy Ích cũng thờ bà làm Thành Hoàng làng Yên Thành và bà đã được coi như một vị Thánh Mẫu. Hiện trong đền có tượng của bà và tượng 8 vị vua nhà Lý, có cả thị nữ, ngoài phần thờ tứ phủ là mẫu và các vị thánh.

KHÂM TỪ BẢO THÁNH HOÀNG HẬU

Vua Trần Nhân Tông có một thú vui rất lạ là thích được xem đấu hổ. Ngài đã cho làm một chuồng đấu hổ ở thêm Vọng Lâu, sai quân sĩ đánh nhau với hổ, để Thượng hoàng ngự trên Vọng Lâu xem cùng với Thái hậu và các phi tần. Năm ấy, một tù trưởng vùng Sơn Cước đã dâng triều đình một con hổ sa bầy, vằn đen vàng, lưng thẳng, bụng thon, ức nở. Nhà vua đẹp lòng, bèn cho tổ chức buổi đấu hổ trước Vọng Lâu đài.

Hôm ấy, hoàng hậu Khâm Từ Bảo Thánh sửa sang xiêm áo, cùng mấy thị nữ ra khu vực chuồng đấu hổ. Hậu vừa đi vừa ngắm cảnh trên dọc đường. Hôm đó trời nắng nhẹ, cây cối xanh tươi, gió nhẹ, mặt hồ êm dịu, chắc buổi đấu hổ sẽ rất hay đây. Nhưng chỉ ngại con hổ đen này có vẻ to khỏe hung hãn, không biết có gay go nguy hiểm gì không? Mải nghĩ, chả mấy chốc hoàng hậu cùng đám cung nữ đã tới khu Vọng Lâu.

Hoàng hậu thấy chuồng hổ thấp, mà song chuồng và thêm cũng thấp. Chúa sơn lâm đang đi đi, lại lại trong chuồng, dăng bôn chôn, bứt dứt. Đi chán, nó nằm vào một góc, mắt lim dim, đầu hất về một phía. Cái đuôi dài đen bóng thỉnh thoảng động đậy, đập nhẹ nhẹ xuống thêm chuồng. Hoàng hậu Bảo Thánh gọi viên tổng quản lại, nhắc nhở:

- Ông cho kiểm tra kỹ cái cũi này chưa? Con hổ to quá, có vẻ dữ dằn đấy. Hôm nay bệ hạ đến xem, ông phải rất cẩn thận mới được. Viên tổng quản đáp: “Bẩm lệnh bà, đây là con hổ mới được đưa vào cung, thần đã lo liệu đầy đủ cả. Xin lệnh bà yên tâm”.

Một lát sau, quân lính khênh một cũi sắt nữa vào chuồng đấu. Đây là con hổ vằn vàng đã bị bỏ đói mấy bữa nay, chờ vào đấu cùng hổ sấm của miền Sơn Cước. Khi thấy đông người, hổ nhe nanh gầm gừ như đe dọa.

Vua bước tới Vọng Lâu, mọi người đều rạp mình thi lễ. Hôm nay có cả các quan trong triều, ngoài nội, cùng các cung tần đều được tới xem đấu hổ. Nhà vua vui vẻ lắm. Ngài giơ tay ra hiệu, người ta bèn tháo cửa cũi cho hai vị chúa sơn lâm được gặp nhau và chờ đợi một cuộc đấu nảy lửa rùng rợn. Nhưng kỳ lạ, hai con hổ cùng rống lên và bắt đầu vờn nhau. Mọi người hồi hộp, theo dõi. Bỗng ngoài dự kiến của mọi người. Cả hai con thú hung dữ là vậy mà chỉ gầm gừ nhau mấy tiếng rồi mỗi con đi về một phía. Thế rồi, “rắc” một cái,

then chuồng bật mạnh, con hổ vùng nhảy ra, ngó nghiêng rồi tót một cái nó nhảy lên khán đài. Tiếng kêu rú sợ hãi của mọi người nổi lên, mọi người chạy dạt ra hai bên. Nhà vua, hoàng hậu cùng các phi tần chậm chân, đứng run bần bật, dồn về một góc khán đài. Hoàng hậu Bảo Thánh vội lao tới trước mặt nhà vua, kéo vội chiếc ghế chắn phía trước rồi giang hai tay, lấy tấm thân mảnh mai, trưng mắt nhìn hổ dữ, che chở cho nhà vua. Con hổ lúc lắc cái đầu, nhìn hoàng hậu một lúc rồi quay đi, kéo lê cái đuôi dài rồi bất thần nhảy tót xuống chuồng thú của nó. Mọi người đứng chết lặng rồi thở phào nhẹ nhõm. Vua Nhân Tông mệt mỏi lạng lẽ về cung, hoàng hậu và các cung phi lẳng lẳng theo sau. Nhà vua xua tay ra hiệu cho mọi người lui ra. Ngài nhẹ nhàng choàng tay, dìu hoàng hậu, cảm động nói: “Ái khanh, nếu không có nàng hôm nay, không biết sự thế sẽ thế nào. Ôi! Hoàng hậu, nàng là vị thần hộ mệnh của trẫm. Từ nay, nàng hãy luôn luôn ở bên ta nhé!”.

Lại một lần khác, Thượng hoàng ngự điện Thiên An, xem đấu voi ở Long Trì. Con voi bỗng sống thoát, xông tới, định lên điện, tả hữu đều sợ hãi chạy tán loạn. Chỉ có Thái hậu ở lại. Hổ vồ, voi quật há chẳng đáng sợ sao? Thế mà Thái hậu Khâm Từ Bảo Thánh, đương lúc chúng lồng lộn, xông xáo, Thái hậu không dao động, bình tĩnh đối phó với thú dữ, bảo vệ nhà vua.

Cho nên, sử sách sau đều ca ngợi hoàng hậu Bảo Thánh là một người nhu mì, hiền thực mà vô cùng dũng cảm. Mùa thu năm thứ chín Trung Hưng (tháng 9 ngày 13), Khâm Từ Bảo Thánh Hoàng Thái hậu băng hà, nhưng bà mãi mãi bất tử trong lòng người dân đất Việt và kinh thành Thăng Long.

LÊ THỊ HOÀNG HẬU

*K*inh thành Thăng Long sao im ắng lạ thường. Cái yên tĩnh đến rợn người như một điềm báo sự chẳng lành.

Thế rồi tin vua Duệ Tông đi đánh phương Nam không trở về, Lê Thị hoàng hậu của Trần Duệ Tông, mẹ đẻ của Phế đế Trần Hiện liền xuống tóc làm ni cô. Bà muốn quay về cảnh sống thanh tịnh, thư nhàn nơi cửa Phật. Bấy giờ Phế đế được các quan trong triều đưa lên ngôi. Một viên quan hầu cận liền đến chùa báo tin cho Lê Thị. Những tưởng mang tin vui tới cho bà, không ngờ khi nghe tin Phế đế đăng quang, Lê Thị hoàng hậu bật khóc mà rằng:

- Ôi! Con ta phúc bạc, khó lòng gánh vác nổi trách nhiệm lớn lao này, nó sẽ gặp tai họa vì việc đó thôi. Tiên hoàng xa lìa cõi thế, ta chỉ muốn chết theo, chứ không muốn trông thấy sự đời nữa. Ta linh cảm con trai ta rồi sẽ gặp tai họa. Nạn này, e không tránh khỏi nữa rồi!

Triều đình lúc ấy, thế lực Hồ Quý Ly rất lớn. Thượng hoàng Nghệ Tông rất tin Quý Ly. Phế đế tuy ở ngôi, nhưng quyền lực bị hạn chế. Nhà vua có bụng

ngờ Quý Ly có dã tâm muốn tiếm quyền, Phế đế liền bảo Thái úy Ngạc:

- Thượng hoàng tin yêu ngoại thích là Quý Ly, cho hấn mặc sức làm gì thì làm, nếu không lo trước đi thì sau rất khó chế ngự.

Con Vương Nhữ Chu là Nhữ Mai, hậu vua học, nhân tiết lộ mưu đó. Quý Ly biết được, Đa Phương khuyên Quý Ly lánh ra núi Đại Lại, đợi thời cơ biến động. Phạm Cự Lượng nói: “Không được, một khi đã ra ngoài thì khó lo chuyện sống còn”.

Quý Ly nói: “Nếu không còn phương sách gì thì ta thà tự tử còn hơn rơi đầu vào tay kẻ khác.

Cự Lượng suy nghĩ một lúc rồi bàn: “Con người ta thành bại nhiều khi còn do thiên định. Việc chưa đến nỗi nào. Phế đế đã từng giết Quang Phục đại vương tuy việc này là chiếu theo phép nước, Thượng hoàng phải nghe theo, nhưng trong bụng chắc là căm lăm. Ngài hãy lựa dịp mà liệu lời tỏ bày lợi hại với Thượng hoàng. Biết đâu lại chẳng chuyển họa thành phúc cũng nên”.

Quý Ly nghe lời Cự Lượng, lòng trở nên thư thái quyết định làm theo ý đó. Nhân một buổi lên chùa, lúc trở về, Quý Ly theo hầu Nghê Tông, thấy Thượng hoàng có ý trách Phế đế thì mừng thầm, khẽ tâu:

- Tâu Thượng hoàng, thần chỉ nghe nói xưa nay, chưa ai bán con để nuôi cháu, mà chỉ thấy bán cháu để nuôi con.

Nghệ Tông nghe xong gật đầu. Quý Ly bèn bàn mưu bắt giam Phế đế ở chùa Tự Đức, rồi giáng làm Linh Đức đại vương. Nhằm triệt để lo hậu họa, Quý Ly ép Phế đế phải thắt cổ chết.

Sau, Quý Ly đã cướp được ngôi vua của nhà Trần. Linh cảm của hoàng hậu Lê Thị đã thành sự thực. Chỉ hai năm, sau khi Lê Thị mất, Phế đế đã mất một cách thảm thương.

THÁI TỔ PHẠM HOÀNG HẬU

Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, cho đến năm 1425 đã tập hợp được nhiều anh hùng hào kiệt bốn phương, và giành được nhiều thắng lợi. Theo hầu và phục vụ chủ tướng của cuộc khởi nghĩa, ngoài các tướng sĩ còn có các bà phi của Bình định vương, trong đó có bà Phạm Ngọc Trần, quê ở Thanh Hóa. Bên cạnh chủ tướng lặn lội theo hầu, bà chịu nhiều gian khổ, lo săn sóc hậu cần, chăm sóc thương binh, binh lương v.v...

Sau chiến thắng vang dội Sông Khuất, Vực Nầm, Lê Lợi tiến quân vào đánh Thuận Hóa, Nghệ An rồi đánh ra Tây Đô. Nhưng khi đến thành Triều khẩu Hưng Nguyên. Nghĩa quân đóng ở gần ngôi đền thờ thần Phổ Hộ. Đêm ấy, Thái Tổ mộng thấy một vị thần hiện lên, áo dát vàng lấp lánh, đầu đội mũ Kim Khôi, nét mặt gồ ghề, dữ tợn. Vị thần nói với vua:

- Tướng quân hãy cho ta một người thiếp, ta sẽ giúp tướng quân diệt được giặc, làm nên nghiệp đế.

Nói xong, vị thần biến mất. Thái Tổ tỉnh dậy, cảm thấy bàng hoàng, lo lắng. Sớm hôm sau, nhà vua cho gọi các bà vợ đến, kể cho nghe giấc mộng đêm qua và hỏi: “Trong các người, có ai chịu đi làm vợ thủy thần không? - để giúp ta hoàn thành nghĩa lớn. Ta hứa sau này, khi đuổi được hết giặc Minh, lấy được nước, sẽ lập con người ấy làm thiên tử”.

Mấy bà vợ ông nhìn nhau, không ai nói câu gì, chỉ có Ngọc Trần quì xuống tâu:

- Nếu mình công giữ lời hứa, thiếp nguyện xả thân. Ngày sau, mình công làm nên nghiệp lớn, xin chớ phụ mẹ con thiếp.

Thái Tổ lòng đầy thương cảm. Nhà vua nhen ngào hứa sau này nên nghiệp lớn, nhất định sẽ đưa con của Ngọc Trần lên ngôi.

Bấy giờ Lê Nguyên Long, con trai của bà và Lê Lợi mới lên ba tuổi. Ngọc Trần ôm lấy con, nước mắt đầm đìa, lã chã, lòng đau như thắt khi thấy bé mỉm cười với mẹ. Ngọc Trần đau đớn tự nhủ thầm: “Ta thật có lỗi với con, nhưng vì nghiệp lớn nước nhà mà cha con đang gây dựng, ta đành hy sinh thân mình. Chỉ mong sau này con sẽ hiểu cho lòng ta, cha con sẽ làm nên sự nghiệp lớn lao và con cũng có phận!” - Nàng ghì chặt con vào lòng, nuốt nước mắt trao con cho người hầu bế. Bà nói: “Ta cậy người chăm sóc cho Thái tử, ơn này, kiếp sau ta sẽ xin báo đáp”.

Sau đó, Ngọc Trần trang điểm lộng lẫy rồi vào ra mắt nhà vua. Thái Tổ dần lòng, sai làm lễ tế thần. Bà Phạm Ngọc Trần mất, đó là ngày 24 tháng 3 năm Ất Ty (1425).

Thái Tổ giao cho nhân dân hai bên bờ sông Thịnh Quả, Cự Thôn cùng Quả Phảm và Ngự Lộc đóng cọc chặn ngang sông, túc trực ngày đêm, để thi hài không bị trôi ra biển (nơi đó gọi là Rào Canh). Khi vớt được thi hài bà ở chân núi Pháp Sơn (một trong dãy núi Ngũ Mã, địa phận xã Quả Phảm), bèn quân ở dưới chân núi Na. Lê Lợi cho tìm pháp sư giỏi để chọn đất để tể táng. Thấy địa lý chọn được đất Na Sơn (Ngô Công trên đỉnh núi Na). Pháp sư tâu với vua đất Ngô Công là đất con rết, đất sát sự. “Tiền táng hậu sát, sau 3 tháng táng mộ, tôi sẽ chết. Tôi không yêu cầu tước hầu hay tiền bạc. Chỉ xin nhà vua lập cho tôi một ngôi miếu nhỏ thờ, ở bên cạnh đền Thánh mẫu”. Thái Tổ chấp nhận và cấp 2 sào ruộng để táng mộ thầy địa lý ấy. Mười năm kháng chiến chống giặc Minh thắng lợi. Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, nói với quần thần rằng: “Hoàng hậu Ngọc Trần đáng làm chúa tể trăm vị thần ở nước ta”. Rồi ra lệnh cho quan Tổng quản vào rước quan tài về Thanh Hóa. Mọi thủ tục đã tiến hành xong, định ngày mai lên đường, thì đêm ấy, mỗi đùn từ núi Na phủ lên tất cả quan tài, cao như một nắm mộ thật lớn. Mọi người sợ hãi vội về tâu với vua. Thái Tổ chợt

hiếu, nói: “Vị thần đã làm theo lời hẹn. Các người hãy để quan tài ở đó, rồi dựng điện thờ. khi dựng xong điện, Thái Tổ đích thân về tế lễ, rồi lại dựng thêm một miếu ở Lam Kinh, có đặt thần chủ của hoàng hậu, lại cấp 40 mẫu ruộng từ chân núi Na đến Tráng Kèn để quanh năm cúng tế. Vua cho chuyển một số dân từ Hưng Nguyên xuống đây làm ruộng, trông coi đền, lập nên làng Lộc Điền từ đấy.

Vua Thái Tổ đến cuối đời bị bệnh, chính sự, vương triều đều giao cho quốc Vương Tư Tề (con trưởng) quyết định. Một hôm, giữa trưa nằm ngủ, vua mộng thấy bà Ngọc Trần đi tới bên vua, than trách rằng: “Nhà vua phụ công của mẹ con thiếp, nay được thiên hạ rồi, mà ơn thánh chẳng được hưởng!” - Vua tỉnh dậy, bồi hồi, xúc động, bèn cho lập Nguyên Long làm Hoàng Thái tử. Khi Thái Tổ mất, Nguyên Long nối ngôi, lấy hiệu là Thái Tông. Tháng 6 năm Giáp Dần (1434) truy tôn mẹ là Phạm Ngọc Trần làm Linh Từ Quốc Thái Mẫu, thờ phụng ở Thái miếu.

HOÀNG HẬU NGUYỄN THỊ ANH

Lê Thái Tông là một ông vua trẻ trung, một chàng trai tuấn tú, khoác chiếc áo bào, ông lại càng thêm uy nghi hấp dẫn, được nhiều giai nhân mơ ước, bởi vậy, trong hậu cung có nhiều điều xảy ra rất buồn cho nhà vua.

Mấy hôm nay, trong cung truyền đi tin tức Tiệp dư Ngô Thị Ngọc Giao nằm mộng thấy Thượng đế sai một tiên đồng xuống đầu thai làm con trai bà, khiến hoàng hậu Nguyễn Thị Anh ngày đêm lo lắng. Hoàng hậu đã sinh ra hoàng tử Bang Cơ, nhưng cho tới nay, vua Thái Tông vẫn chưa định ai ở ngôi kế vị. Nay Tiệp dư Ngọc Giao vốn duyên dáng, dịu dàng hiền hậu như thế, nàng lại hay đi chùa, chăm lễ bái, nếu nàng đẻ con trai, thì ngôi thế tử của Bang Cơ sẽ bị đe dọa lung lay. Suy nghĩ mãi, Nguyễn hoàng hậu cho gọi Đinh Thắng, một hoạn quan tâm phúc vào hỏi ý kiến.

Nghe hoàng hậu lo lắng thở than, Đinh Thăng hiểu ý, bà lo lắng cho tương lai của hoàng tử Bang Cơ, mà lo cũng phải. Tiệp dư vừa xinh đẹp vừa nét na nên khi nghe tin mừng của Tiệp dư, ngài còn tới cung của nàng thăm hỏi cơ mà. Thấy hoàng hậu ủ ê, buồn rầu, hoạn quan Đinh Thăng cau mày suy nghĩ, chợt mắt hần sáng lên, khẽ nói nhỏ mấy câu vào tai hoàng hậu và lại hỏi: “Lệnh bà có chấp nhận không?” Hoàng hậu nhú mày, một lát quay lại nói: “Thôi, người làm thế nào cho tiện thì làm”.

Mấy hôm sau, một cung nhân hốt hải tâu lên Thánh thượng: Bà ta bắt được một vật lạ, đó là hình nhân một đàn ông, lưng và ngực bị bảy mũi kim đâm vào, dưới chân có ghi chữ “Bang Cơ”.

Hoàng hậu liền được vua vời tới. Nhìn thấy hình nhân kia, hoàng hậu run rẩy, nức nở khóc và nói: “Xin Thánh thượng tìm ra thủ phạm, cứu con trai của chúng ta”. Một không khí hoài nghi nặng nề trùm lên cả nội cung. Hoàng hậu lại càng rên rĩ: “Thần thiếp có thể chết, nhưng hoàng tử có tội tình gì, nếu Bang Cơ có mệnh hệ nào, thiếp làm sao sống nổi!”.

Sau khi Đinh Thăng đưa hoàng hậu về cung, Thái Tông nghĩ ngợi, dăm chiêu. Quái lạ thật! Tại sao lại có lá bùa yểm này? Hiện chỉ có Dương Thị Bí và Tiệp dư Ngô Thị Ngọc Giao, đáng được chú ý hơn lại là Ngọc Giao ư? Lê Nghi Dân, hoàng tử do phi Dương Thị đã bị ta truất ngôi Thái tử rồi. Chỉ còn Tiệp dư, nàng đang

có mang, nếu nàng sinh con trai... Không, Tiệp dư vốn hiền lành, nhân hậu, lại mộ đạo Phật. Nhà vua lắc đầu, nàng không thể!

Điều tra mãi vẫn không ra manh mối cụ thể, nhưng các thị nữ trong cung rỉ tai nhau, Tiệp dư Ngô Thị Ngọc Giao đáng bị ngờ, tin ấy cứ không cánh mà bay, rồi lại có ý kiến đồ riệt cho Ngọc Giao là thủ phạm. Thái Tông cũng đã biết điều ấy, ngài thực sự băn khoăn, chưa biết xử trí ra sao, giữa lúc ấy, hoàng hậu bước vào, quỳ trước mặt nhà vua, nghẹn ngào nói:

- Bệ hạ đã nghe tin đồn trong hậu cung chưa? Yểm bùa Bang Cơ là mưu hại hoàng tử, tội ấy đáng voi dày, ngựa xé. Lẽ nào bệ hạ vì tình riêng làm ngơ, mà rẻ rúng mẹ con thiếp? Nhà vua lắc đầu: "Ta không có ý rẻ rúng hoàng hậu, nhưng chưa có chứng cứ xác đáng tội ấy là do Tiệp dư gây nên. Vậy hãy thư thả để ta xem xét".

Thực ra, nhà vua băn khoăn lắm. Bởi quan hành khiển Nguyễn Trãi vừa vào triều kiến nhà vua, và đã can gián: "Chứng cứ xác đáng không có mà đã vội kết án Ngô Tiệp dư, cho voi dày, ngựa xé là một việc làm thất đức" và ông xin nhà vua cho mình được lo liệu việc này. Thái Tông nghĩ mãi, không còn cách nào hơn, nên đành chấp nhận đề nghị của Nguyễn Trãi và Thị Lộ. Ngay đêm ấy, Thị Lộ, vợ của Nguyễn Trãi đã bí mật đưa Tiệp dư họ

Ngô ra ẩn nấu ở chùa Huy Văn (ngõ Văn Chương, phố Tôn Đức Thắng ngày nay).

Tháng 11 năm ấy (1441), nhà vua xuống chiếu lập Bang Cơ, con của Nguyễn hoàng hậu làm Hoàng Thái tử. Khi Thái Tông mất, Thái tử Bang Cơ lên nối ngôi, lấy hiệu là Nhân Tông. Đó là năm 1444.

HOÀNG HẬU NGÔ THỊ NGỌC GIAO

Mấy hôm nay, chùa Huy Văn thu nhận thêm một ni cô mới. Ni cô ăn mặc nâu sồng mộc mạc, đầu cuốn khăn nâu mà rất xinh đẹp, da nàng trắng muốt như trứng gà bóc, nhưng người ta thấy nét mặt nàng vẫn thoáng đượm u buồn. Ni cô cặm cùi quét chùa, chăm chỉ đèn nhang hương khói và tụng kinh, gõ mõ suốt ngày.

Người ni cô ấy chính là Tiệp dư Ngô Thị Ngọc Giao của vua Lê Thái Tông, đã được Thị Lộ, vợ của Nguyễn Trãi đưa ra, cho ẩn nấu ở đây.

Ngọc Giao người xã Động Bàng, huyện Yên Định, ông nội nàng là Ngô Kính, gia thần của Tuyên Tổ (cha của Lê Lợi). Cha nàng là Ngô Từ, gia thần của Lê Lợi, được phong Thái Bảo. Chị gái nàng là hoàng hậu Ngọc Xuân. Một hôm, nàng được theo chị gái vào nội đình. Nhà vua thấy nàng xinh đẹp, đã cho nàng nhập cung, sau phong là Tiệp dư. Cả hai chị em Ngọc Giao đều được nhà vua yêu quý.

Nhưng rồi đã xảy một chuyện động trời, đẩy bà vào cảnh ngộ gay go, có nguy cơ tới tính mệnh. Số là Ngọc Giao có một giấc mộng lạ mà nàng đã đại dột kể cho cung nữ nghe rằng: Nàng mơ thấy Thượng đế sai một tiên đồng xuống trần làm con trai mình. Tiên đồng đó không chịu đi, Ngọc hoàng thượng đế tức giận, cầm cái hốt ngọc đánh vào trán khiến chảy máu, lúc ấy tiên đồng mới chịu vâng lời xuống trần gian. Nghe chuyện kể, ai cũng mừng cho Ngọc Giao, hy vọng nàng sẽ sinh được một Hoàng Thái tử. Sau đó ít lâu, bỗng xảy ra chuyện có bùa yểm, ám hại Bang Cơ con của hoàng hậu Nguyễn Thị Anh. Rồi từ sự xúc xiểm, nàng đã bị đổ riệt là thủ phạm. Phải chăng bà Nguyễn Thị Anh muốn tìm cách loại bỏ nàng để bảo vệ ngôi Thái tử cho con trai Bang Cơ? Nàng nghĩ tới những chuyện xảy ra đã qua, mà rùng mình lo sợ cho đứa con nàng đang mang trong bụng. Ngọc Giao run rẩy quì xuống trước Tam Bảo, cầu xin chư phật phù hộ cho hai mẹ con nàng tai qua nạn khỏi.

Ở chùa Huy Văn được ít lâu, Ngọc Giao lại sợ nếu vẫn ở Thăng Long thì còn bị mưu hại, dù rằng vợ chồng Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ đã hết sức lo lắng, vận động nhà vua để cứu bà khỏi bị tội oan. Sau khi nhận tin nhờ Thị Lộ cứu nàng lần nữa, nàng được các quan cận thần trung thực cử Đinh Liệt bí mật đưa đi xa vào một ngày sắp sinh. Nhưng mới đi đến Cầu Tray, giáp giới hai huyện Duyên Hà - Thần Khê, thuộc

phủ Tiên Hưng (Thái Bình) thì bà đã trở dạ một cách khó khăn. Ngọc Giao phải cầu khẩn trời đất phù hộ cho mình sinh được mau chóng, với câu ca dao thể hiện tâm trạng bà lúc vượt cạn đầy vất vả, đau khổ, và mong con hãy ra đời cho toàn vẹn:

“Phải là con mẹ con cha

Thì sinh ra đất Duyên Hà - Thần Khê”

Và lúc sức đã lả, tuyệt vọng, bà thốt lên:

“Nhược bằng bác mẹ chẳng sinh

Thì quăng ra đất Vạn Linh cho rồi”.

Thế rồi, bà cũng được “mẹ tròn con vuông”. Bà đặt tên cho con trai là Tư Thành.

Ở kinh thành, nghe tin hai mẹ con Ngọc Giao đã trốn, Nguyễn Thị Anh lúc này đã vận động cho con được phong làm Hoàng Thái tử, nhưng vẫn lằng lộn, căm tức, hạ lệnh cho hoạn quan Đinh Thắng: “Mẹ con Ngọc Giao đã trốn khỏi kinh thành, người là đồ vô dụng. Việc này chủ mưu là vợ chồng quan hành khiển Nguyễn Trãi ta sẽ tìm cách trị chúng sau. Nhưng người phải tìm cho ra mẹ con Tiệp dư Ngô Thị.”

Ngày tháng thoi đưa, hai mẹ con Ngọc Giao phải sống ẩn dật, lên rừng kiếm củi, đốt than, mò cua bắt ốc sống lần hồi. Tuy vậy, cứ lúc rảnh việc bà lại dạy con học, Tư Thành chăm chỉ, thông minh, tài trí hơn người.

Rồi vua Thái Tông đột ngột băng hà, Bang Cơ lên nối ngôi vua lúc còn quá nhỏ, Nguyễn Hoàng hậu

nhiếp chính, rồi thăm án Lê Chi Viên, tru di tam tộc quan hành khiển Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ một cách tàn khốc mà ai cũng biết nguyên nhân sâu xa của nỗi oan khuất này. Bà Ngọc Giao vô cùng đau đớn, đã cùng với dân lập đền thờ vợ chồng quan hành khiển.

Hai mươi năm sau, Lê Nghi Dân, con của bà phi Dương Thị Bí nổi loạn, kéo quân vào triều giết Nhân Tông và Nguyễn hoàng hậu rồi lên ngôi vua. Bấy giờ, tướng quân Nguyễn Xí và các quan đại thần lập mưu, mai phục bắt được Nghi Dân, truất làm Lê Đức Hầu, rồi sau bắt tự quyết.

Đẹp xong loạn Nghi Dân, cả triều đình quyết định đón hoàng tử Tư Thành đưa lên ngôi vua. Đó là vua Lê Thánh Tông. Tiệp dư Ngọc Giao được phong làm Hoàng Thái hậu.

Thái hậu Ngô Thị Ngọc Giao mất ở điện Thừa Hoa, được truy tôn là Quang Thực Hoàng Thái hậu.

HOÀNG HẬU NGUYỄN THỊ HẰNG

Lê Thánh Tông có những giai thoại văn học hấp dẫn. Trước hết là chuyện tình yêu của nhà vua với bà Trường Lạc hoàng hậu. Người vợ chính thức đứng đầu nội cung: Khi còn là hoàng tử, Lê Thánh Tông có dịp cùng mẹ về ở Thanh Hóa. Một lần, hoàng tử đi chơi trên bờ sông Tống Sơn (nay là huyện Hà Trung). Ông thấy một cô gái đang vo gạo dưới bến. Cảm vì cảnh thiên nhiên quá đẹp, hơn nữa vì sắc đẹp của mỹ nhân. Hoàng tử bất giác đọc lên một vế đối:

- Gạo trắng nước trong, mến cảnh lại càng thêm mến cả...

Về hình thức thì câu đối đã trọn vẹn, nhưng về nội dung và về cả lời lẽ thì câu đối bỏ lửng... thật là tình tứ. Chàng trai thật khéo léo, ngỏ ý úp mở, rất băng quơ, mà lại rất gẩn bó. Không ngờ cô thôn nữ Tống Sơn kia, lại cũng là một tài nữ. Nghe lời gợi ý, cô đứng đĩnh đối lại.

- Cát lằm gió bụi, lo đời đâu đấy hãy lo cho...

Câu đối rất hay, cho phép hy vọng, nhưng lại gián tiếp phê bình người con trai: Phải lo việc đời trước khi lo duyên, thế mới xứng là đáng nam nhi. Lê Thánh Tông rất kính phục cô gái, dò hỏi mãi mới biết cô tên là Nguyễn Thị Hằng, con gái của một vị tướng trong triều là Nguyễn Đức Trung, bà vợ ông này cùng với bà Ngô Thị Ngọc Giao là chỗ quen biết. Do đó, tình cảm của chàng trai và cô gái được chấp nối vững bền. Khi Lê Thánh Tông lên ngôi, tháng 7 năm Quang Thuận thứ nhất, Nguyễn Thị Hằng (Huyền) - (người trang gia Miêu ngoại, con gái thứ 12 của Thái úy Trịnh Quốc Công là Nguyễn Đức Trung) được tuyển vào cung của vua Lê Thánh Tông. Bà Nguyễn Thị Hằng người xinh đẹp, da trắng, tóc dài, tuy mảnh mai mà duyên dáng, sắc sảo, thông minh, lại khéo léo, dịu dàng nên được nhà vua vô cùng yêu quý, phong nàng là Sùng Nghi, cho ở cung Vĩnh Ninh.

Một đêm, Sùng Nghi Nguyễn Thị mơ thấy nàng được đưa lên trời, khi gặp Ngọc Hoàng thượng đế, Nguyễn Thị vội quỳ xuống cầu xin ngài cho nàng một đứa con trai. Thượng đế ngồi trên ngai vàng, xung quanh có bao nhiêu cung nga, thể nữ đứng hầu, họ quay xuống nhìn nàng như ngạc nhiên, không hiểu nàng ở đâu tới, khiến Nguyễn Sùng Nghi hoảng sợ, dập đầu, không dám nhìn lên. Bỗng nàng nghe tiếng Ngọc Hoàng phán “Được” - Ngừng 1 phút, ngài quay

sang hỏi nhỏ viên thân đứng cạnh điều gì đó, rồi lại bảo: “Cho Thiên Lộc xuống làm con họ Nguyễn”. Một cung nữ từ trong bế ra một bé trai đưa cho nàng. Vừa đưa tay ra định đỡ đứa bé thì bị hẫng một cái, nàng giật mình tỉnh dậy. Thấy tay mình còn đang giơ ra trước ngực. Nàng biết là mình vừa có một giấc mộng lạ. Hôm sau, khi vua Thánh Tông ngự tới cung Sùng Nghi, nàng bèn kể lại cho ngài nghe giấc mộng lạ đêm trước. Thánh Tông tỏ vẻ rất vui, nói với nàng:

- Nếu ái khanh sinh được hoàng nam, ta hứa sẽ cho hoàng tử kế vị, lên ngôi thiên tử.

Quả nhiên, năm sau, Sùng Nghi Nguyễn Thị Hằng có thai rồi sinh được một hoàng nam. Thánh Tông mừng rỡ, phong cho nàng làm quý phi và xuống chiếu cho con nàng làm Đông cung Thái tử.

Từ đó, thế lực của dòng họ quý phi Nguyễn Thị ở trong triều rất mạnh. Các quan cận thần và cả triều đình đều e ngại, lo dòng họ ấy sau này sẽ khuynh đảo vương triều. Một viên cận thần đã từng được nghe đồn về giấc mơ của quý phi, giật mình sửng sốt. Ông liền xin vào tiếp kiến nhà vua, rồi tâu:

- Muôn tâu Thánh thượng, hạ thần không dám xúc phạm bề trên, song có điều khiến thần e ngại, thần còn nhớ được biết lời tâu bày của quý phi với Thánh thượng trước khi sinh Thái tử. Điều này làm chúng hạ thần vô cùng lo ngại.

Thánh Tông ngạc nhiên:

- Người hãy tâu bày cho rõ. Trẫm thật chưa hiểu ý của khanh.

- Tâu Thánh thượng - viên quan cận thân nói: “Cho Thiên Lộc xuống làm con họ Nguyễn”. Thần mạo muội nghĩ: Sao lại là con họ Nguyễn mà không phải họ Lê?

Nghe vậy, Thánh Tông cũng giật mình: “Ồ nhỉ, người nói phải. Bấy lâu nay, trẫm cũng hơi e về vai trò của Thái úy Trịnh Quốc trong triều. Khanh nên giữ kín chuyện này, để trẫm xét, xem sao”.

Được ít lâu, vua Thánh Tông mắc một bệnh kỳ lạ, khá nan y, toàn thân ngải ngứa ngáy, đầy mụn nhỏ li ti, có nước... Các viên Thái y của y viện cũng như các danh y các nơi mời đến chữa mãi mà không khỏi. Vua lo lắng bệnh tật, lại thêm sự xúc xiểm của một số cận thân. Ngài quyết định giam quý phi Nguyễn Thị vào cung Trường Lạc, bắt đầu có ý định sẽ không cho hoàng tử, con của Nguyễn Thị nối ngôi nữa.

Nguyễn Thị ở cung Trường Lạc gần như bị cô lập, bỏ rơi, mặc dầu chưa rõ hẳn ý vua, nhưng nàng đã phần nào hiểu sai lầm của mình trong việc kể cho đức vua nghe giấc mộng của mình, điều đó khiến nàng vừa lo lắng, vừa đau lòng. Đã bao lần nàng tìm cách tâu bày, minh oan, nhưng dường như nhà vua chẳng còn đoái hoài gì tới nàng nữa. Tương lai của con trai nàng bị đe dọa, nàng thương con đến xót xa. Nàng đã bị

thất sủng thì con nàng còn hy vọng gì được vua cha tin tưởng nữa.

Chỉ còn một hy vọng nhỏ là cho đến lúc này, nhà vua vẫn chưa xuống chiếu truất quyền kế vị của Thái tử con nàng. Bởi vậy, nếu không nhanh chóng nghĩ kế cách gì, thì không những chỉ mẹ con nàng mất hết mà có khi cả cha nàng, Thái úy cũng bị vạ lây mất thôi. Nàng đâu ngờ chỉ vì một câu nói vu vợ trong giấc mơ, mà nàng vô tình thuật lại, đã trở thành tai họa cho mẹ con nàng đến thế này sao?

Trong lo lắng, đau đớn, bỗng nàng thấy loé lên một tia hy vọng, nếu ta... nếu ta dám làm điều này! Thôi, nàng nghĩ cũng phải vì con, vì dòng họ!

Hôm sau, Sùng Nghi Nguyễn Thị năn nỉ xin được vào thăm Thánh thượng một lần, trước khi ngài nguy kịch. Thật ra, lúc này bệnh của vua Thánh Tông đã rất nặng rồi. Ngài cũng nhớ tới quý phi và Thái tử, nên suy nghĩ một lát, ngài quyết định cho nàng vào gặp.

Nguyễn Thị vào trông thấy Thánh Tông, liền quì xuống, ôm lấy tay Lê Thánh Tông mà khóc nức nở, rồi nàng xoa bóp tay chân, nắn vào những vết ngựa lở của nhà vua, tỏ vẻ đầy thương xót. Nàng đã cầm giấu một gói thuốc bột trong tay.

Hôm sau, bệnh vua Thánh Tông càng nặng hơn, ngài mê man, nhà vua băng hà mà không trối trăng được điều gì. Bởi thế, cứ thiên lệnh cũ, Hoàng Nam,

con quí phi Nguyễn Thị Hằng được lên ngôi, lấy hiệu là Hiến Tông. Sau khi đăng quang, vua Hiến Tông tôn phong mẹ là hoàng hậu, tức Hoàng Thái hậu Nguyễn Thị Hằng.

Sau khi vua Thánh Tông mất, Hoàng Thái hậu Nguyễn Thị trở nên khó tính, xét nét. Bà tự thấy nếu bà không cương quyết như vậy thì con bà - Hiến Tông đâu có được lên ngôi thiên tử, và bà có lẽ đã tàn tã, chết rũ trong cung Trường Lạc kia rồi. Cho nên, để bảo vệ ngai vàng cho Hiến Tông, con trai mình, bà luôn để mắt tới mọi việc trong triều chính. Song, có lẽ định mệnh đã khất khe, Hiến Tông nối ngôi, chưa kịp có con nối dõi thì đã bị bệnh đột ngột, rồi theo châu tiên đế.

Triều đình và nội thần Nguyễn Nhữ Vỹ định đưa Lê Uy Mục lên ngôi, Uy Mục là con thứ của Thánh Tông với chiêu nhân Nguyễn Thị. Hoàng Thái hậu không đồng ý, bà bảo:

- Dòng tộc ta hết người hay sao lại lập con của một tỳ thiếp, dòng dõi hạ tiện lên ngôi thiên tử. Muốn nối được đạo thống, phải lập Lữ Khôi. Nguyễn Nhữ Vỹ không đồng ý, nhưng không dám phản đối. Bèn lừa cho Thái hậu ra khỏi cung, ra lệnh đóng hết các cửa thành, rồi lập Uy Mục để lên ngôi vua. Thái hậu trở về có ý không bằng lòng, nhưng việc đã rồi, không làm gì được nữa.

Uy quyền của Thái hậu từ đó mất dần theo ngày tháng. Bà bắt đầu cảm thấy lo, một nguy cơ đang ngấm ngấm treo lơ lửng trên đầu bà! Linh cảm quả báo của bà đã thành sự thật. Năm Đoan Khánh thứ nhất (1505), viên quan hầu cận của Uy Mục đế đã ngấm giết Thái hậu. Sau đó có chiếu của vua truyền xuống là Thái hậu đột ngột băng hà ở ngay chính tẩm điện Trường Lạc. Bà thọ 65 tuổi.

PHÙNG HOÀNG HẬU

Nhu Huy Tích Quang Hoàng Thái hậu họ Phùng, trước tên là Thục Giang, nhà vua cho đổi là Diệm Quý, là người xã Mỹ Xá, huyện Ngự Thiên. Ông nội tên là Phùng Nhậm, cha là Phùng Văn Đạt, làm chức Giám Nghị đại phu, thuộc Tả ty môn hạ sảnh, Tri Tây đạo quân dân ba tỉnh. Mẹ là họ Trần ở xã Bất Quả, huyện La Giang, là con gái của quan chỉ huy Trần Công Diễn. Vốn là tôn thất nhà Trần. Hoàng hậu sinh ngày Bính Tý, tháng 7, năm Thái hòa Giáp Tý (1444) ở lộ Hóa Châu cha là Văn Đạt đang làm quan ở đó. Khi bà 17 tuổi thì được tuyển vào làm cung tần, hầu vua Thánh Tông ở Tiềm Đế. Năm Quang Thuận thứ hai (1461), tháng bảy, ngày Mậu Dần, được phong là Tu Viên. Năm thứ 7 (1467) bà sinh ra Kiến Vương. Tháng 7, ngày Tân Mùi, được phong là Sung Viên. Tháng 10 năm Hồng Đức thứ 20 (1489), nhà vua thương bà có bệnh, cho ra phủ Kiến Vương để tiện tĩnh dưỡng. Tháng 12, ngày Bính Tuất bà mất, thọ 46 tuổi.

Về sau, con của Kiến Vương là Tương Dực lên ngôi, vào năm Hồng Thuận thứ nhất (1509), bà được truy tôn là Nhu Huy Tích Quang hoàng hậu, được đưa vào thờ ở Thái miếu. Năm thứ 3, lại dâng thêm tôn hiệu là Nhu Huy Tích Quang Thân Thánh Khâm Thận ôn mục hòa Lương tín đôn thực Trinh hiến chương phúc Hoàng Thái hậu.

ĐỨC TÔNG TRINH HOÀNG HẬU

*H*uy Từ Hoàng Thái hậu họ Trịnh, huý là Tuyên, người xã Thủy Chú, huyện Lôì Dương, là cháu gái của Dương Vũ công thần ngọc quận công Trịnh Khắc Phục, con gái thứ tư của quan đô đốc thêm sự Trịnh Trọng Phong. Năm Hồng Đức thứ 15 (1484), bà 13 tuổi, được tuyển làm phi cho Kiến Vương. Bà sinh ra vua Tương Dực. Năm Đoan Khánh thứ 5 (1509), vua Tương Dực khởi binh ở Tây Đô. Vua Uy Mục giết hai anh em và giết luôn cả bà vào ngày Tân Tỵ, ngày 13 tháng 11 năm ấy. Bà hưởng thọ 38 tuổi.

Khi vua Tương Dực về tới Đông Kinh, nghe tin ấy rất đau xót, căm phẫn, sai quan lo việc tang. Ngày 17 tháng 12, truy tôn Kiến Vương là Kiến hoàng đế. Suy tôn bà là Huy Từ Trang Huệ Hoàng Thái hậu. Sai quan điện tiền đô kiểm Thuy Dương Hầu Trịnh Hựu làm sơn lăng sứ. Thượng thư bộ hộ là Trịnh Duy Đại làm phó, Điện quận công phò mã

đô úy Lê Mậu Chiêu làm tổng hộ sứ, tổng binh thêm sự ở Thanh Hóa, là các ông Nguyễn Bá Thiêm, Đàm Thận Huy làm phó. Ngày 19 dời về chôn ở làng Mỹ Xá, huyện Ngự Thiên. Ngày 29 Ất Sửu dựng bia, sai quan Thị độc là Lương Đắc Bằng soạn bài ký. Về sau, suy tôn duệ hiệu cho Kiến hoàng đế, lại dâng thêm tên thụy cho bà là Huy Từ Trang Huệ Gia Lương Nhu Thánh Hòa Mục Tín Khiêm Minh Chính Ý Thuần Khánh hoàng hậu.

TƯƠNG DỤC ĐẾ NGUYỄN HOÀNG HẬU

(Nhảy vào lửa chết theo vua)

Nguyễn Thị Dao, người huyện Văn Giang, con gái viên quản lĩnh họ Nguyễn được sung vào làm phi cho vua Tương Dục. Đúng hôm nàng nhập cung, nhà vua đang trong tình trạng bất an. Việc triều chính rối ren, dân chúng nhiều nơi nổi dậy, khiến nhà vua vô cùng bức tức. Vua Tương Dục không muốn nghe bất cứ lời khuyên nào, rất muốn trừng phạt một kẻ nào đó cho hả giận. Thế mà viên quan nội thị kia lại lù lù dẫn xác đến. Hắn tâu với Tương Dục về việc ngài tổng quản vừa đưa một số cô gái con các quan hầu cận trong triều vào cung. Vua “hừ” một tiếng, rồi lẩm bẩm: “Một lũ ăn hại, chúng ăn cơm của triều đình, mà giúp gì được cho ta, lại còn muốn bắt ta chấp nhận con gái của chúng nữa. Thật khó chịu”. Nhưng rồi lại nghĩ: Dù sao cũng phải chấp nhận, vì đó là sợi dây ràng buộc bọn bây tôi, bắt chúng phải trung thành với ta.

Tương Dục xua tay, cho viên quan hầu cận lui, rồi lững thững đi vào cung nội. Vừa trông thấy vua, mọi người sụp xuống, quỳ lạy. Nhà vua chợt thảng thốt, trong đám các cô gái đang quỳ trước mặt vua có một người trông thật nhu mì, hiền thực, thật dễ thương. Vẻ trong trắng, ngây thơ của nàng khiến lòng nhà vua dịu lại. Vua bèn gọi viên tổng quản lại hỏi cô gái đó là con gái nhà ai.

- Dạ, bẩm Thánh thượng, đó là con của quan quản lĩnh họ Nguyễn.

Nguyễn Thị được viên tổng quản báo cho biết nàng được Thánh thượng vời tới. Ông chúc mừng và nói nàng thật tốt số, mới nhập cung đã lọt vào mắt xanh Thiên tử.

Vừa thấy nhà vua, Nguyễn Thị sụp lạy: “Thần thiếp xin khấu kiến bệ hạ”.

Nhà vua thấy tuy nàng không thật đẹp lộng lẫy, nhưng vẻ đoan trang, dịu hiền thật quyến rũ. Tương Dục hỏi mấy câu, Nguyễn Thị đều trả lời trôi chảy, khúc triết, khiến nhà vua hài lòng. Thế là từ đó nhà vua giữ diệt nàng ở bên mình. Chẳng bao lâu, vua xuống chiếu sắc phong Nguyễn Thị làm Khâm Đức hoàng hậu.

Từ năm 1516, Lê Tương Dục đã giết Lê Uy Mục để giành ngôi báu, nay đã được 6 năm. Vua càng ngày càng trở nên tàn bạo, hoang dâm vô độ, làm nhiều

điều có hại cho nước, cho dân. Mỹ hầu Trịnh Duy Sản có ý can ngăn, liền bị Tương Dực sai lính đánh đòn bằng trượng trước triều đình, có ý răn đe những người khác, cấm trái ý vua.

Lúc này, Nguyễn hoàng hậu đang dạo chơi trong vườn thượng uyển thì được một cung nhân báo cho biết việc Mỹ hầu Trịnh Duy Sản bị vua làm nhục trước triều đình. Hoàng hậu biến sắc, lo ngại. Nàng hiểu rõ tính nhà vua chuyên quyền, độc đoán và rất bạo ngược. Nhưng nhà vua làm vậy là rất nguy hại, từ nay còn ai dám giúp vua, can ngăn điều hay lẽ dở nữa, còn ai tận trung với vua được nữa. Nguyễn hoàng hậu cảm thấy vô cùng lo lắng, một linh cảm đen tối đang chờn vờn trước mắt Nguyễn hoàng hậu. Nàng cố xua đuổi cái bóng đen đáng sợ hãi ấy mà hầu như không được. Nguyễn hậu vội rảo bước về cung, trong lòng đầy u ám.

Linh cảm của hoàng hậu Nguyễn Thị đã thành sự thực. Tháng tám năm Hồng Thuận thứ tám, Trịnh Duy Sản cùng một số quan quân mưu loạn. Sản cùng một số cấm binh bí mật bắt Tương Dực giết chết rồi đem thiêu xác ở quán Bắc Xứ, ngay phường Bích Câu. Kinh thành náo động, lửa cháy ngất trời.

Tin dữ tới tai hoàng hậu, Nguyễn Thị lặng người đi. Từ lâu nàng vẫn lo sợ cái ngày này và bây giờ nó đã đến. Dù Tương Dực có thế nào thì nhà vua vẫn thực sự yêu mến nàng. Nàng phải xử sao cho trọn tình, trọn nghĩa. Hoàng hậu liền gọi thị nữ vào trang điểm đẹp

để cho mình, rồi chạy ra điện Mục Thanh, nhảy vào đám lửa quyên sinh theo nhà vua.

Tương Dục là một ông vua tàn ác, bị bọn tay chân phản bội, có chết cũng đáng. Nhưng bà Khâm Đức hoàng hậu liều chết theo chồng - dù chồng là người thế nào - quả là một tấm gương tiết liệt, đáng thương và đáng kính. Sử sách ghi lại cử chỉ này của bà là rất phù hợp với niềm trân trọng của đời sau.

MINH TÔNG HOÀNG THÁI HẬU

*L*ê Chiêu Tông có tên là Huệ, là con của Cẩm Giang Vương Sùng và hoàng hậu họ Trịnh, là cháu bốn đời vua Lê Thánh Tông. Khi vua Lê Tương Dực chết, không có con, Lê Nghĩa và Trịnh Duy Sản đón ông lên làm vua, lúc này ông mới 11 tuổi. Chiêu Tông đăng quang, truy tôn cha làm Minh Tông triết hoàng đế, mẹ làm Minh Tông Hoàng Thái hậu.

Dưới triều đại Minh Tông, trong triều các quan chia ra năm bè, bảy bối, nhà vua không có cách gì chế ngự cả. Một viên tướng là Trần Chân đem quân vào triều đuổi được Nguyễn Hoàng Dụ, nhưng vua lại nghe theo Trịnh Tuy lập mẹo giết Trần Chân. Do đó phe Trần Chân đang đem kéo vào kinh thành, vua Chiêu Tông phải chạy trốn, rời Thuận Thành, suốt ngày bị đói, vua phải tự vào làng xóm xin ăn. Bọn thủ hạ của Trần Chân tung quân ra cướp phá. Kinh đô Thăng Long trở nên hoang tàn.

Nhận được tin xa giá chạy về miền Tây, Minh Tông Hoàng Thái hậu khóc với mấy vị quan hầu cận, mà rằng:

- Đứa con thứ hai của ta (Cung Hoàng) ắt là phải làm vua thôi! Bà già này lại bị kẻ khác giả danh thác mệnh, sẽ bị người ta đàm luận, nhưng rồi đây xã tắc sẽ ra sao?

Bấy giờ, triều chính thật rối ren, lòng người ly tán, phe Mạc Đăng Dung mạnh nhất. Thái hậu đã thấy rõ ý định tiến ngôi của họ Mạc. Việc Chiêu Tông phải bỏ chạy cũng khẳng định suy nghĩ của bà là đúng. Thái hậu lo nhà vua không những không giữ được vương triều, mà còn khó bảo toàn tính mạng.

Bà liền sai tay chân tâm phúc tìm đến tâu bày cho nhà vua rõ sự lo lắng, ý định của bà. Nhưng thật đáng tiếc, họ chưa làm tròn sứ mệnh bà trao thì giữa đường đã được tin Chiêu Tông chết vì căn bệnh hiểm nghèo, đột ngột. Thái hậu đã hiểu. Mạc Đăng Dung đã ngầm sai giết nhà vua. Thái hậu cũng hiểu chắc chắn, Dung sẽ vờ Cung Hoàng lên ngôi để che mắt thiên hạ. Tấn bi kịch mà gia đình bà phải chịu, còn chưa kết thúc. Tốt hơn hết, bà phải cùng Cung Hoàng mau chạy trốn thì may ra mới yên thân. Bà liền cho tìm Cung Hoàng tới:

- Tình thế nguy cấp lắm rồi, ta và con phải trốn ngay thì may ra mới bảo toàn được tính mệnh. Nghịch

tặc Đặng Dung chắc sẽ sách lập con lên ngôi thiên tử. Con phải khéo léo từ chối, sau ta sẽ định liệu.

Hai mẹ con Thái hậu còn đang bàn tính thì quân hầu đã vào báo: “Mạc Đăng Dung đến, xin tiếp kiến”. Thái hậu tái mặt, bà không ngờ sự việc xoay chuyển quá nhanh, vượt mọi dự kiến của bà.

Mạc Đăng Dung mặc võ phục, đeo kiếm, cùng một số đại thần, cấm quan bước vào, cúi lạy và nói:

- Muôn tâu Thái hậu, vua Chiêu Tông không may bị bệnh, đột ngột qua đời. Đất nước cần phải có một vị quân vương mới. Triều đình xin rước Thái tử Cung Hoàng lên ngôi. Nhân đây, cũng xin rước cả Thái hậu về Hồng Thị (Hải Dương) để dễ bề chăm nom săn sóc.

Xem cung cách họ Mạc bà biết đã bị vây kín bên ngoài rồi, cực chẳng đã, Thái hậu và Cung Hoàng phải cùng ra đi.

Đám rước cờ xí rợp trời, quân đi rầm rập, Thái hậu chưa xót nhìn cảnh này, thật là sự mở màn kịch cỡm, báo hiệu một tấn bi kịch lớn! Bỗng một trận mưa to trút xuống. Thái hậu nghĩ phải rồi, ông xanh kia cũng đang than khóc cho cảnh ngộ, cho số mệnh của gia đình ta chẳng?! Giá mà ta có thể chết ngay lúc này, một cách thanh thản, để khỏi chứng kiến cảnh đau lòng sắp tới!

Đúng như nhận định của Minh Tông hoàng hậu, năm 1527, năm năm sau, Mạc Đăng Dung tiến ngôi,

ép Cung Hoàng phải thoái vị. Vẫn chưa đủ, Dung còn giam cả Thái hậu và Cung Hoàng vào cung Tây nội. Đã bảy ngày, họ bị giam vào đây, không có một tí gì vào bụng, Cung Hoàng than trách, cầu mong các vị đại thần trung nghĩa giải thoát cho họ. Thái hậu bảo: “Nhà vua đừng mơ hão. Ta chắc các đại thần giờ đây cũng đang run sợ trước uy vũ của họ Mạc. Ta đồ rằng ta và con sẽ không tránh khỏi cái chết”.

Sau tám ngày bị bỏ đói, hai mẹ con đành xé áo mà nhai. Bất ngờ Đặng Dung sai quân hầu mang tới cho hai người hai tấm lụa vàng.

Thái hậu ngửa mặt lên trời than:

- “Mạc Đăng Dung là bề tôi bất trung, đã được đội ơn tiên đế, lại quên lời thề với núi sông, thoáng nghịch, giết hai mẹ con ta. Cầu cho con cháu của mi sau này cũng bị như thế!”.

Nói xong, Thái hậu cùng với vua tự thắt cổ chết. Lời nguyện của Thái hậu Minh Tông đã thành sự thực. Nhà Mạc tồn tại không lâu, sau bị truy nã về tội tiếm ngôi, gây náo loạn triều đình. Con cháu phải đổi họ, đổi tên, sống mai danh ẩn tích, lưu lạc ở khắp mọi nơi.

HOÀNG HẬU TRỊNH THỊ

Vào năm 1600, sau khi vua Lê Thế Tông (Duy Đàm) chết, triều đình cân nhắc, đã chọn người con thứ hai, tức cậu bé Lê Duy Tân, lúc đó 12 tuổi lên nối ngôi vua. Tất nhiên cũng sẽ như các ông vua sau này, chỉ đóng vai trò làm vì, còn tất cả mọi quyền hành đều trong tay các chúa Trịnh. Có điều Lê Duy Tân được họ Trịnh để ý hơn, vì chàng thanh niên này cũng có phần thông minh mắn tiệp. Vừa lên ngôi vài ngày nhà vua đã được Bình An Vương Trịnh Tùng gả con gái của mình là Trịnh Thị Ngọc Trinh cho. Cuộc hôn lễ diễn ra êm đẹp, có phần hạnh phúc. Triều đại này lấy niên hiệu là Hồng Định.

Trong hàng ngũ họ Trịnh, chúa Trịnh Tùng có nhiều con trai, đều là những người có năng lực, nhất là Trịnh Tráng rất giỏi cầm quân. Chính vì họ đều có tài nên rất chú ý tranh giành nhau về quyền lợi, địa vị. Trịnh Xuân, em của Trịnh Tráng ngầm nuôi ý tranh giành, đang luôn luôn ngóng chờ cơ hội.

Hàng chục năm ngồi trên ngai vàng hư vị, Lê Duy Tân dần dần càng thấm thía vai trò làm vì của mình. Mọi việc triều chính đều do chúa Trịnh quyết định cả. Nhà vua có được bàn bạc tham khảo gì đâu! Cuộc thiết triều nào cũng chỉ là diễn trò hình thức, chẳng ai buồn xin vua phán xét, toàn bộ công việc đều nằm bên các bộ phủ liên chứ không phải ở các bộ. Dần dần, vua Lê Duy Tân ý thức được rằng phải loại trừ được chúa mới giành được thực quyền. Nhưng muốn được thế, phải có lực lượng. Nhưng quanh ông nào có ai là người có thể giúp được ông? Những quan to, quan nhỏ trong triều đều ở dưới quyền chúa Trịnh cả. Chúa cũng không dám gạt bỏ nhà Lê, nhưng lại khôn khéo sai khiến vua, giả đồ vì vua mà tận tụy.

Suy nghĩ miên man, Lê Duy Tân cũng thấy sự hăm hè trong nội bộ các con của chúa Trịnh Tùng. Trịnh Xuân đang khao khát quyền hành, không những muốn tranh giành với anh mà ngay cả với cha cũng sẵn sàng gạt đi không kiêng nể. Y cũng có lực lượng riêng, có binh quyền...

Thế rồi, Trịnh Xuân đã tự tìm đến ông (Xuân là anh ruột của Hoàng hậu Trịnh Thị Ngọc Trinh), và bàn bạc với Lê Duy Tân, khích động vào lòng tự ái của em rể. Cả hai cùng chung một khao khát nắm lấy quyền hành... và họ đã bàn định...

Họ biết chắc vào một ngày giữa tháng tư năm Mùi (1619) sẽ có cuộc đua thuyền ở Kinh đô và thế

nào cũng mời vua chúa và các quan tới dự. Chúa Trịnh Tùng thế nào cũng đi. Theo thói quen, ông sẽ cưỡi voi và có quan quân hộ tống ra bến Đông Hà. Sẽ cho một thích khách nấp sẵn ở nơi kín đáo, thuận lợi, nổ súng giết ngay tại chỗ. Đồng thời lúc đó, Xuân sẽ điều động binh mã, kéo vào hoàng thành, chiếm giữ các bộ, viện. Nhà vua sẽ ngự triều và ban bố ngay chỉ dụ. Như vậy, bên phủ chúa và mọi người sẽ trở tay không kịp. Thời gian phải ăn khớp chặt chẽ. Trịnh Xuân bàn bạc xong, chỉ tay vào viên tướng theo hầu và nói với vua: Tâu bệ hạ, đây là tướng Văn Đốc, dũng mãnh vô cùng, tài bắn súng không ai bì kịp. Bệ hạ giao việc cho người này chắc chắn thành công. Phần tôi, đã sắp sẵn đầy đủ.

Lê Duy Tân nói: “Tướng quân cứ làm theo lệnh quân công đây. Thành công, nhất định sẽ được đền bù xứng đáng”.

Ngày hội đua thuyền đã đến, cả kinh thành Thăng Long nhộn nhịp, đổ xô vào cuộc vui. An Bình Vương Trịnh Tùng cho người sang nội cung mời vua Lê, nhưng Kính Tông từ chối, nói là ngọc thể bất an. Trịnh Tùng không nghi ngờ gì, cùng các triều thần ra bến Đông Hà, ngồi trên lầu cao dự hội, ngắm cảnh đẹp bên sông với hàng trăm thuyền đua, cờ quạt đủ màu sắc, cùng hàng trăm tay chèo đang đưa thuyền lướt lướt trên mặt sông, trống chiêng rộn rã. Bỗng nhiên An Bình Vương thấy trong mình rạo rực, nóng

lòng, bèn sai trao quà tặng thưởng cho mấy tay bơi ngay khi kết thúc hội, rồi bảo đoàn tùy tùng hộ tống mình về. Chúa không cưỡi voi nữa, mà đi kiệu, cho nghi vệ đi trước, kiệu chúa đi sau thông thả. Bỗng một loạt súng từ xa nổ tới, đạn bay vèo, cắt ngang cái lọng tía đang đi phía trước kiệu. Một vài viên tùy tùng ngã xuống, cả quãng đường bị cày tung, bụi bay mù mịt... Kiệu chúa đi sau, may không trúng đạn. Trịnh Tùng lấy lại bình tĩnh hạ lệnh truy lùng. Một lát sau, Văn Đốc bị giải tới, không có cách gì chối cãi, Văn Đốc đành khai hết sự thật.

An Bình Vương Trịnh Tùng tím mặt, vì kẻ chủ mưu giết mình lại chính là con trai và con rể.

Trịnh Xuân và vua Lê Duy Tân thất bại, vô cùng hoang mang bởi tội quá lộ liễu, thật là đến bước đường cùng!

Trịnh Tùng xử lý tội âm mưu đảo chính của con rể và con trai một cách rất khôn khéo. Hôm sau, trước triều đình, ông bưng ra một cái mâm, trên đựng trầu cau, đặt giữa phủ đường, vừa khóc vừa bộc bạch niềm đau khổ:

- Đất nước này của vua Lê, từ khi họ Mạc chiếm ngôi, nhà vua không còn thiên hạ nữa. Cha tôi là Trịnh Kiểm, khởi nghĩa, hội quân, đón được tiên đế về, dựng nghiệp Trung Hưng. Tôi nối chí cha tôn phò ba triều vua, trải trăm trận đánh mới thu phục được giang sơn, tổn bao tâm lực. Nay đã già rồi. Nhà vua lại

nghe lời đứa con phản nghịch của tôi, nhẫn tâm làm việc này, không còn biết nói sao nữa. Xin triều đình nghĩ cho.

Cử chỉ, lời nói của Trịnh Tùng làm mọi người cảm động, ai cũng bất bình. Có người nào đó nói to: “Con bất hiếu phải giết. Vua vô đạo phải phế, phép nước phải thế!”.

Tan buổi chầu, về cung, Lê Kính Tông thấy không còn cách tiến thoái nào được nữa! Ông biết, tuy xử sự như thế, nhưng Trịnh Tùng không thể dung thứ cho mình. Cái ngôi vua vốn đã là hư vị, nay lại càng không có nghĩa gì nữa. Nhà vua bèn nói với Trịnh Thị Ngọc Trinh:

- Ta trót lầm lỡ, nghe lời xui giục, nay hối không kịp. Chúng ta không thể sum họp với nhau được nữa!

Hoàng hậu nói:

- Để mai thiếp vào xin với Vương phụ, bệ hạ thoái vị càng hay. Vương phụ nhân từ mà.

Nhà vua lắc đầu, rồi lặng lẽ đi vào phía hậu cung, tay cầm chiếc khăn dài của vợ. Một phút sau, cả bọn cung nhân kêu lên âm ỉ: “Ôi! Thánh thượng, Thánh thượng!”

Hoàng hậu hấp tấp chạy vào cùng với con trai. Thái tử Lê Duy Kỳ cùng mẹ phục lên thi thể Lê Kính Tông, kêu gào thảm thiết. Đó là ngày 5 tháng 12 năm 1618.

Sau đó, đúng như Lê Duy Tân dự đoán, Trịnh Xuân không bị giết, chỉ bị giam vào nội phủ, tước hết binh quyền. Vua vẫn được phát tang đúng theo nghi lễ, nhưng không cho thờ ở Thái miếu, cho thụy là Giản Huy Đế, niên hiệu Lê Kính Tông.

Hoàng hậu Ngọc Trinh cố vật nài, khóc lóc đòi lập con bà làm vua. Cuối cùng, yêu cầu của bà đã được chấp nhận vì Trịnh Tùng cũng cảm thấy xót thương con gái.

Tháng 6 năm Hoàng Định thứ hai mươi (1619) Lê Duy Kỳ đăng quang ở điện Cần Chính, đổi niên hiệu là Vĩnh Tộ, phong mẹ là Hoàng Thái hậu Doan Tư Trịnh Thị Ngọc Trinh.

HOÀNG HẬU TRỊNH NGỌC TRÚC

Vua Lê Thần Tông là con trưởng của vua Lê Kính Tông có một lịch sử làm vua khá độc đáo. Ông lên ngôi vua hai lần. Lần đầu lên ngôi lúc 12 tuổi (1619), ngồi ngai vàng hai mươi lăm năm, ông nhường ngôi cho con là Lê Duy Hiệu để làm Thái thượng hoàng (1643), Lê Duy Hiệu tức vua Chân Tông làm vua được 6 năm thì mất. Lê Thần Tông lại phải trở lại làm vua, lúc đó đã 43 tuổi. Lần này, ông ở ngai được 13 năm, mất vào lúc 56 tuổi (1663).

Thời kỳ ông làm vua, Trịnh Tráng làm chúa nắm mọi binh quyền. Rút kinh nghiệm của Kính Tông trước đây, Thần Tông có cách ứng xử khôn khéo hơn, không gây mâu thuẫn giữa nhà vua với nhà chúa. Lê Thần Tông còn muốn lấy lòng chúa Trịnh bằng cách: Bằng lòng kết hôn với Trịnh Thị Ngọc Trúc là con gái của Trịnh Tráng (1630). Sử sách chép:

Mùa hạ, tháng 5, vua lấy con gái của Vương là Trịnh Thị Ngọc Trúc, lập làm hoàng hậu.

Trước đây, Ngọc Trúc đã lấy bác họ của vua là Cường quận công Lê Trữ, sinh được 4 con. Khi ấy, Lê Trữ mắc tội, bị giam trong ngục. Vương bèn đem về, gả cho vua. Nhà vua thuận nhận bà bác dâu này, lại lập làm hoàng hậu. Triều thần là các ông Nguyễn Thục, Nguyễn Danh Thế nhiều lần dâng sớ khuyên can. Vua không nghe và nói: “Xong việc thì thôi, lấy gượng vậy”. Từ hôm ấy trở đi, trời mưa dầm dề, ngày đêm không ngớt!

Trịnh Thị Ngọc Trúc được lập làm hoàng hậu năm 1630, cuối đời bà lại đi tu, và được tôn là bà chúa Kim Cương, đạo hiệu pháp Tính ở chùa Ninh Phúc, làng Bút Tháp, tỉnh Bắc Ninh.

Là một quận chúa, nhưng đồng thời Trịnh Thị Ngọc Trúc còn là một học giả uyên bác. Bà đã dựa vào một cuốn sách cổ, sửa chữa lại, thêm bớt đi, làm thành cuốn sách “*Chỉ nam Ngọc âm giải nghĩa*”. Có thể gọi đây là cuốn sách từ điển Hán Nôm đầu tiên ở nước ta. Một nét đặc sắc của sách này là đã dùng lối văn lục bát để giảng nghĩa các từ Hán như các cuốn *Thiên tự văn*, *Ngũ thiên tự* sau này.

HOÀNG HẬU NGUYỄN THỊ KIM

Sau khi Lê Hiến Tông mất, con trai của Thái tử Lê Duy Vĩ và là cháu nội của vua Hiến Tông, có tên là Lê Duy Kỳ được Nguyễn Huệ tôn lên làm vua, tức là vua Lê Chiêu Thống, khi đó vừa tròn 20 tuổi (năm 1787).

Lê Chiêu Thống không có tài năng, hơn nữa những quan lại tướng tá giúp ông cũng toàn là những kẻ bất tài. Nhân cơ hội đó, bọn tay chân của nhà Trịnh và Trịnh Bồng tìm cách thâm tóm quyền hành, đẩy vua Lê vào thế bần nhàn như trước đây. Lê Chiêu Thống không biết làm cách nào để khống chế Trịnh Bồng, phải bí mật cho người vào Nghệ An triệu Nguyễn Hữu Chỉnh ra giúp. Chỉnh kéo quân ra, Trịnh Bồng phải bỏ chạy. Dẹp xong bè phái họ Trịnh và tướng Hoàng Phùng Cơ, có uy thế, Nguyễn Hữu Chỉnh lại tỏ ra hống hách, ép vua Lê phải chịu sự điều hành của mình, muốn đi theo vết xe của chúa Trịnh.

Được tin Chĩnh chuyên quyền, Nguyễn Huệ từ Phú Xuân ra lệnh cho Vũ Văn Nhậm đem quân ra trị Nguyễn Hữu Chĩnh. Nhưng rồi Vũ Văn Nhậm lại ra oai, chuyên quyền chả khác gì Chĩnh, lại còn coi thường các tướng tá Tây Sơn. Nguyễn Huệ tức giận, cấp tốc ra Thăng Long diệt Vũ Văn Nhậm, rồi giao mọi quyền hành cho Sùng nhượng công và giao cho Ngô Văn Sở trông coi việc nước, gọi các quan triều Lê về điều hành công việc, dần dần ổn định Bắc Hà.

Trong khi đó, Lê Chiêu Thống yếu kém, bỏ triều đình, chạy theo đám tàn quân nhà Thanh, không còn giữ được nghi vệ gì nữa, có lúc bơi thuyền qua sông, bị hỗn quân hỗn quan lột mất cả mũ áo. Ông trốn sang vùng kinh Bắc, chạy lên Thái Nguyên, Hải Dương, rồi sau về Thanh Hóa, lại chạy lên Lạng Sơn, vô cùng khốn đốn vất vả, chỉ có một số cận thần trung thành đi theo. Cuối cùng tập hợp được một số tàn vong, không biết cùng Tây Sơn Nguyễn Huệ củng cố lại ngai vàng, phục hồi đất nước mà vua tôi lại chạy sang Trung Quốc, cầu nhà Thanh viện trợ.

Vua nhà Thanh, nhân cơ hội đó cho Tôn Sĩ Nghị đem quân sang lấy danh nghĩa giúp khôi phục nhà Lê, hởi tội Tây Sơn, ào ào kéo sang nước ta. Chúng huênh hoang, kiêu ngạo, hạc sách và cướp phá không coi Lê Chiêu Thống ra gì... Bà mẹ Lê Chiêu Thống thấy cảnh ấy còn thấy tủi nhục, từ Cao Bằng

trốn về, không chịu vào cung, chỉ khóc lóc suốt ngày, giận Lê Chiêu Thống bất tài, vô đạo.

Được tin cấp báo của Ngô Văn Sở, Nguyễn Huệ lập tức xuất quân ra Bắc cấp tốc lên ngôi vua, Quang Trung chỉ trong vòng mười ngày, tết Kỷ Dậu (1789), đã hoàn toàn tiêu diệt 20 vạn quân Thanh, giải phóng Thăng Long. Tôn Sĩ Nghị bỏ chạy thục mạng, Lê Chiêu Thống cùng mẹ và một số quan lại thân tín cũng phải bỏ nước, chạy sang Trung Quốc làm lữ bại binh, làm kẻ vong quốc, Lê Chiêu Thống bị nhà Thanh đồn cho về ở Yên Kinh sống những ngày vô cùng tủi nhục, cách ly với bọn tàn vong, cho đi đây thật xa để không liên lạc được với nhau nữa. Một số quan lại tàn vong đành cắt tóc ngắn, thay đổi y phục, ở lại Trung Quốc, không dám nghĩ tới trở về nữa. Còn Lê Duy Kỳ, ông vua bán nước Lê Chiêu Thống chưa đầy ba mươi tuổi phải sống lưu vong nhục nhã, uất ức, bị lâm bệnh nặng, đến năm 1793 thì chết. Mãi 1804 mới đưa được hài cốt về, chôn tại làng Bành Thành. Mẹ và con trai duy nhất của ông cũng chết ở bên Tàu.

Bà vợ của Lê Chiêu Thống là hoàng hậu Nguyễn Thị Kim, lấy ông từ năm 16 tuổi, sinh được một con trai. Bà không chỉ là người xinh đẹp, dịu dàng và hiền thực, mà còn là một người thông thư, đạt lễ. Trong những ngày cùng Thái hậu và nhà vua lưu lạc các nơi, bà thường chịu mọi khó khăn, ăn uống kham khổ để

nhường nhịn mẹ và con nhỏ, rồi lại phải chăm sóc Lê Chiêu Thống từng li từng tí, bởi nhà vua cũng như Thái hậu chưa từng chịu gian khổ vất vả bao giờ. Đã nhiều lần bà khuyên nhà vua nên ở lại, cùng Tây Sơn, Nguyễn Huệ củng cố lại triều chính, đừng hy vọng gì việc cứu nhà Thanh. Cho nên, khi thấy Tôn Sĩ Nghị hung hăng kiêu ngạo, không coi nhà vua ra gì, bà vô cùng đau khổ và rất giận chồng. Lúc Lê Chiêu Thống quyết cùng mẹ đem con chạy theo giặc sang Trung Quốc với một số quan lại tàn vong, ngu xuẩn, họ vẫn còn hy vọng vào nhà Thanh, bà phải xa người con trai duy nhất, còn rất bé bỏng, đáng lẽ nó phải được ấp ủ, săn sóc đầy đủ, được yêu thương, thì từ đây cho đến bao giờ nữa đây, sẽ phải dãi gió dầm mưa, gian khổ đi theo đoàn thất trận, tàn vong này. Bà muốn năn nỉ nhà vua ở lại, đừng theo giặc mà không được. Thế là hôm cả đoàn đi đến làng Tì Bà, huyện Lang Tài, thuộc tỉnh Bắc Ninh bà bị ốm nặng, sốt mê man. Họ bèn dìu bà vào và gửi bà ở lại một ngôi chùa, bởi đây là quê ngoại của bà. Khi bà cắt cơn bệnh, tỉnh lại thì cả đoàn tàn vong ấy đã đi quá lâu rồi. Bà quần quai đau xót nhớ thương và lo lắng cho con nhỏ, cho nhà vua, và cả Thái hậu nữa.

Sau một thời gian dài, được họ hàng và nhà chùa giúp đỡ, bà dần dần khoẻ lại. Bà xin với nhà chùa cho mình được thế phát, qui y cửa phật, để hàng ngày được tụng kinh, sám hối, cầu nguyện cho mẹ con nhà

vua và cả đứa con trai bé bỏng của mình được bình yên vô sự.

Năm 1804, nghe tin một viên quan tàn vong đã lặn lội mang hài cốt nhà vua về nước (lúc đó bà đã 39 tuổi), bà liền tìm lên ải Nam Quan để đón nhận. Bà đau đớn biết cả con bà và Thái hậu cũng đã chết ở bên Tàu. Làm lễ thay áo quan cho chồng xong, bà lại cầu siêu cho mẹ chồng và đứa con trai bé bỏng, bất hạnh của bà, rồi bà uống thuốc độc tự tử để giữ trọn lòng trung. Người ta cũng xem bà là một tấm gương liệt nữ.

Như vậy, nhà Lê từ thời Trung Hưng, từ Trang Tông đến vua Chiêu Thống trải qua 18 đời, với 265 năm trị vì.

Dương Bá Trạc có bài thơ ca ngợi bà:

*Rong ruổi quan hà lạc chúa công
Ngọn mây non Bắc tit mù trông
Bông mao tạm trú nường thân liễu
Kính khuyết may sau thấy mặt rồng
Thác nghĩa đã ghi cùng sắt đá
Sống thừa còn hẹn với non sông
Thôi thôi nước cũ đây là hết
Năm lạy linh tiền chứng thiếp trung.*

BẮC CUNG HOÀNG HẬU LÊ NGỌC HÂN

*L*ê Ngọc Hân là con gái thứ 21 của vua Lê Hiến Tông và bà Nguyễn Thị Huyền (người làng Phù Ninh, huyện Đông Ngàn).

Khi quân Tây Sơn kéo ra Bắc, lật đổ họ Trịnh, Nguyễn Huệ đã nêu cao danh nghĩa “Phù Lê diệt Trịnh” nên được dân chúng Bắc Hà hưởng ứng tin theo, vì vậy thắng lợi đến rất nhanh chóng.

Được tin Nguyễn Huệ sắp vào kinh thành và sẽ vào tiếp kiến nhà vua, Lê Hiến Tông giật mình, khẽ nói: “Không ngờ họ lại đi nhanh như thế”, rồi truyền bảo viên quan cận thân:

- Khanh cho triệu các quan ở viện Cơ mật vào triều cho ta bàn bạc. Rồi vua Lê Hiến Tông đắm chiêu suy nghĩ. Nay Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc diệt Trịnh cũng là ý trời phù trợ cho nhà Lê chăng? Âu là ta tìm cách kéo Nguyễn Huệ để làm chỗ dựa về sau.

Ý định của nhà vua đã được viện Cơ mật nhất trí. Nguyễn Hữu Chỉnh được giao phó trách nhiệm sắp xếp việc kết thân gia, Lê Hiển Tông sẽ gả công chúa Ngọc Hân cho Nguyễn Huệ.

Biết được ý định của vua Lê, Nguyễn Huệ cân nhắc và quyết định chấp nhận lời đề nghị. Thế là cuộc hôn nhân khởi đầu bằng sự liên kết về chính trị đã gắn bó hai con người, một công chúa nổi tiếng giai nhân tài sắc, văn thơ mới 16 tuổi, với người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ lừng danh. Đám cưới này được coi là đám cưới vinh quang nhất trong lịch sử đất Việt. Sau khi vua Quang Trung lên ngôi, chiến thắng quân Thanh, Ngọc Hân được phong là Bắc Cung hoàng hậu. Khi ngồi trên kiệu hoa về phủ của Nguyễn Huệ, nàng hồi hộp, lo lắng. Vốn là một người thông minh, nàng hiểu ngay ý của vua cha, ngài quyết định gả nàng cho Nguyễn Huệ, không phải để nàng chỉ là một vợ hiền thực của chàng, mà còn phải là cái cầu nối ràng buộc Nguyễn Huệ với triều đình nhà Lê. Nàng cảm nhận một gánh nặng trách nhiệm đè trên vai và hơi lo lắng.

Ngọc Hân ít ra ngoài phủ, nhưng tin tức về quân đội Tây Sơn vẫn truyền tới tai nàng. Người này xuất thân bình dân, ở một ấp nhỏ thuộc Bình Định, ta phải xử sự ra sao đây cho phù hợp, nàng lo lắng băn khoăn, cuối cùng lắc đầu: “Thôi, ta sẽ tùy cơ định liệu vậy!”.

Thế rồi buổi gặp gỡ đầu tiên đã gây cho Ngọc Hân cảm giác an lành, Nguyễn Huệ giản dị, không kiêu

cách, ngấm nàng một chút rồi ân cần đưa nàng vào cung dặn dò nội quan phải chăm sóc nàng chu đáo. Sự chân thành của Nguyễn Huệ, khiến lòng nàng dịu đi.

Sống bên Quang Trung, dần dần Ngọc Hân thấy được tài năng, trí tuệ của người, cũng như tình cảm yêu thương vô cùng đậm thắm, nàng cảm thấy yên tâm, hạnh phúc và đã sinh cho Quang Trung hai người con. Thế là cuộc hôn nhân cố ý sắp xếp ấy lại là một cuộc hôn nhân tâm đầu ý hợp, đã đem lại niềm vui và hạnh phúc cho cả hai người.

Hai năm sau, giữa lúc vua Quang Trung có bao nhiêu dự định lớn lao, lo xây dựng một đội quân vũ dũng lớn mạnh để đối phó với những sự đe dọa bất ổn ở biên giới phía Bắc cũng như phía Nam, việc bài binh bố trận để đập tan cái toan tính chính trị của kẻ thù, cộng với những vất vả trong cuộc đời chinh chiến, xông pha trận mạc, nhà vua đột ngột ngã bệnh.

Lỗi một đêm, Ngọc Hân, hoàng hậu Bắc Cung đau đớn chứng kiến giây phút lâm chung của nhà vua Quang Trung Nguyễn Huệ.

Nhà vua băng hà giữa lúc tài năng đang phát triển năm đó ngài mới 41 tuổi. Ngọc Hân đau đớn xót thương người chồng lý tưởng, một minh quân, một vị tướng thiên tài, chân thành và đức độ, nàng gục xuống, ngất đi.

Hai năm sau khi nhà vua mất, bà hoàng hậu Bắc Cung cũng ra đi vào ngày 4.12.1799, trong nỗi đau

đón vì lệnh giết mẹ con bà của Nguyễn Ánh. Bà chỉ thọ ngót 30 tuổi. Triều đình Tây Sơn truy tôn niên hiệu bà là Vũ hoàng hậu.

Khi chưa kết hôn, Ngọc Hân là người tài sắc vẹn toàn. Bà cũng là một vị hoàng hậu xứng đáng. Đặc biệt bà có tài văn chương xuất sắc. Nhà vua mất, bà có hai bài văn khóc chồng đạt trình độ nội dung và nghệ thuật rất cao, viết bằng quốc âm. Dưới đây, xin chép lại bài *Ai tư vãn* của bà (viết theo thể song thất lục bát).

AI TƯ VÃN

(Nguyên văn chữ Nôm)

*Gió hiu hắt phòng tiêu lạnh lẽo,
Trước thêm lan, hoa héo don don!
Cầu Tiên khói tỏa đỉnh non,
Xe rồng thăm thẳm, bóng loan rầu rầu!
Nỗi lai lịch để hâu than thở
Trách nhân duyên mờ lẽ có sao?
Sầu sâu thăm thẳm xiết bao
Sầu đầy giạt bể, thảm cao ngất trời
Từ cờ thăm trở vời cõi Bắc
Ngãi tôn phù vãng vặc bóng dương
Rút dây vâng mệnh phụ hoàng
Thuyền lan chèo quế thuận đường vu qui
Trăm ngàn dặm quản chi non nước*

Chữ “nghĩ gia” mừng được phải duyên
Say yêu muôn đội ơn trên
Rõ ràng vẻ thúy nổi chen tiếng cầm
Lượng che chở vụng lâm nào kể
Phận đình ninh cặn kẽ mọi lời
Dẫu rằng non nước biển đời
Nguồn tình ắt chẳng chút vơi đâu là
Lòng dùm bọc thương hoa đoái cội
Khắp tôn thần cùng đội ơn sang
Miếu đường còn dấu chương thương
Tùng thu còn rậm mấy hàng xanh xanh
Nhớ hồng phúc đôi cành hoè quế
Đơm hơi sương dây rế cũng tươi
Non Nam lẫn chúc tuổi trời
Dâng câu thiên bảo bầy lời hoa phong
Những ao ước trập trùng tuổi hạc
Nguyên trăm năm ngỗ được vầy vui
Nào hay sông cạn, bể vùi
Lòng trời giáo giở, vận người biệt ly
Từ nắng hạ mưa thu trái tiết
Xót mình rỗng mỗi một chẳng yên
Xiết bao kinh sợ lo phiền
Miếu thần đã đảo, thuốc tiên lại cầu
Khắp mọi chốn đâu đâu tìm rước
Phương pháp nào đổi được cùng chăng?

Ngán thay máy tạo bất bằng
Bóng may thoát đã ngát chừng xe loan
Cuộc tụ tán bi hoan kíp bấy
Kể sum vầy đã mấy năm nay
Lênh đên chút phận bèo mây
Duyên kia đã vậy, thân này nương đâu?
Trần trọc luống đêm thâu, ngày tối
Biết cậy ai dập nổi bi thương?
Trông mong luống những mơ màng
Mơ hồ bằng mộng, bàng hoàng như say
Khi trận gió hoa bay thấp thoáng
Ngõ hương trời bằng lãng còn đâu
Vội vàng sửa áo lên châu
Thương ôi quạnh quẽ, trước lầu nhện giăng
Khi bóng trăng lá in lấp lánh
Ngõ tàn vàng nhớ cảnh ngự chơi
Vội vàng dạo bước tới nơi
Thương ôi vắng vẻ, giữa trời tuyết sa!
Tưởng phong thể xót xa đòi đoạn
Mặt rồng sao cách gián lâu nay?
Có ai chốn ấy về đây,
Nguồn cơn xin ngỏ cho hay được đành?
Nẻo u minh khéo chia đôi ngã
Nghĩ đòi phen nồng nã đòi phen
Kiếp này chưa trọn chữ “duyên”
Ước xin kiếp khác vẹn tuyến lửa hương

*Nghe trước có đấng Vương Thang Võ
Công nghiệp nhiều tuổi thọ thêm cao
Mà nay áo vải cờ đào
Giúp dân dựng nước biết bao công trình!
Nghe rành rành trước vua Nghiêu Thuấn
Công đức đầy ngực vạm càng lâu
Mà nay lượng cả ơn sâu
Móc mưa rười khắp chín châu đượm nhuần
Công đường ấy mà nhân đường ấy
Cõi thọ sao hẹp bấy, hóa công?
Rộng cho chuộc được tuổi rồng
Đổi thân ắt hẳn bỏ lòng tội người.
Buồn thay nhẽ sương rơi, gió lọt
Cảnh điêu hiu thánh thót châu sa
Tưởng lời di chúc thiết tha
Khóc nào nên tiếng, thức mà cũng mê
Buồn thay nhẽ xuân về hoa nở
Mối sầu riêng ai gỡ cho xong!
Quyết liều mong vẹn chữ “tòng”
Trên rường nào ngại, giữa dòng nào e!
Con trướng nước thương vì đôi chút
Chữ tình thâm chưa thoát được đi
Vậy nên nấn ná đòi khi
Hình tuy còn ở, phách thì đã theo
Theo buổi trước ngực đeo Bông Đảo*

Theo buổi sau ngự nẻo sông Ngân
Theo xa thôi lại theo gần
Theo phen điện quế, theo lần nguồn hoa
Đương theo bỗng tiếng gà sức tỉnh
Đau đón thay! Ấy cảnh chiêm bao
Mơ màng thêm nỗi khát khao
Ngọc Kinh chốn ấy ngày nào tới nơi?
Tưởng thôi lại bồi hồi trong dạ
Nguyện đồng sinh sao đã kịp phai?
Xưa sao sớm hỏi, khuya bấy
Nặng lòng vàng đá, cạn lời tóc tơ
Giờ sao bỗng thờ ơ lặng lẽ
Tình cô đơn ai kể xiết đâu!
Xưa sao gang tấc gần châu
Trước sân phong nguyệt, trên lầu sinh ca
Giờ sao bỗng cách xa đôi cỗi
Tin hàn huyên khôn hỏi thăm nhanh
Nửa cung gảy phím cầm lạnh
Nỗi con cô cút, nỗi mình bơ vơ!
Nghĩ nông nỗi ngẩn ngơ đôi lúc
Tiếng tử qui thêm giục lòng thương
Nào người thay cảnh tiên hương
Dạ thường quanh quất, mắt thường ngóng trông
Trông mái Đông lá bướm xuôi ngược
Thấy mệnh mông những nước cùng mây

Đông rồi thì lại trông Tây
Thấy non ngân ngắt, thấy cây rườm rà
Trông Nam thấy nhận xa lác đác
Trông Bắc thì ngàn bạc màu sương
Nọ trông trời đất bốn phương
Cõi tiên khơi thăm biết đường nào đi!
Cậy ai có phép gì tới đó
Dâng vật thường xin ngỏ lời trung:
Này gương là của Hán Cung
Ơn trên xưa đã soi chung đôi ngày!
Duyên hảo hợp xót này nên lẽ
Bụng ai hoài vội ghẻ vì đâu?
Xin đưa gương ấy về châu
Ngõ soi cho tỏ gót dẫu trông ơn
Tưởng linh sáng hơn hơn còn dấu
Nỗi sinh cơ có thấu cho không?
Cung xanh đang tuổi ấu xung
Di mưu sao nữ quên lòng đoái thương
Gót lân chỉ mấy hàng lẫm chẫm
Dầu mũ mao, mình tấm áo gai
U ơ ra trước hương đài
Tưởng quang cảnh ấy chưa cay đường nào!
Trong sáu viện ố đào ủ liễu
Xác ve gây lỏng lẻo xiêm nghê
Long dong xa cách hương quê

Mong theo lấm lối, mong về tủi duyên
Dưới bệ ngọc hàng uyên vò vỹ
Cất chân tay thương khó xiết chi
Hang sâu nghe tiếng thương bi
Kẻ sơ còn thế, hướng gì người thân
Cảnh ly biệt nhiều phần bát ngát
Mạch sâu tuôn ai tát cho vơi.
Càng trông càng một xa vời
Tấm lòng thảm thiết chín trời biết chẳng?
Buồn trông trăng, trăng mờ thêm tủi
Gương Hằng Nga đã bụi màu trong
Nhìn gương càng thẹn tấm lòng
Thiên duyên lạnh lẽo đem đông biên hà
Buổi xem hoa, hoa buồn thêm thẹn
Cảnh Hải đường đã quyện giọt sương
Trông chim càng dễ đoạn trường
Uyên ương chiếc bóng phượng hoàng lẻ đôi
Cảnh nào cũng ngùi ngùi cảnh ấy
Tiệc vui mừng còn thấy chi đâu!
Phút giây bãi bể nương dâu
Cuộc đời là thế biết hâu nài sao?
Chữ tình nghĩa trời cao đất rộng
Nỗi đoạn trường còn sống còn đau
Mấy lời tâm sự trước sau
Đôi vầng nhật nguyệt trên đầu chứng cho.

CUNG PHI VŨ THỊ NGỌC XUYẾN

*B*à sinh ngày mồng 8 tháng 3 năm Giáp Thìn (1604) lúc nhỏ họ Phạm, vì mồ côi cả cha lẫn mẹ, đi làm con nuôi cho gia đình họ Vũ. Do có nhan sắc nên được chúa Trịnh Tạc lấy làm vợ, phong Chiêu Nghi, rồi lên đệ nhất cung Tần. Ngày 15 tháng 3 năm Đinh Sửu (1637), 34 tuổi, bà sinh quận chúa Ngọc Lan.

Khi về thăm quê hương, Chiêu Nghi cảm cảnh dân tình nghèo khổ, bà đã bỏ tiền ra mua 10 mẫu, 2 sào, 8 thước ruộng tặng làng. Quận chúa Ngọc Lan cũng theo gương mẹ mua 6 mẫu, 2 sào ruộng và ao, cúng hậu các chùa. Sau đó, Chiêu Nghi lại xin nhà chúa cho mua 529 mẫu ruộng nữa để hiến dân cày và cải tạo đất đai. Làng Xuân Tảo tên Nôm là Táo. Thời Lê Trịnh là Quả động, Minh quả, nhiều ruộng trũng, đầm lầy, hoang hoá. Trước thường dùng nhất tù binh Chiêm Thành (Thời Lý - Trần). Nên lúc đó, Chiêu Nghi cho cải tạo đất đai, sau trở thành màu mỡ, nâng cao được thành quả lao động của dân nghèo.

Những năm tháng cuối đời, bà dốc tâm sức của cải trùng tu đền Sóc (thờ Thánh Gióng), một công trình văn hoá qui mô ở Thăng Long.

Bà mất ngày mồng 8, tháng 6 năm Bính Dần (1686), thọ 82 tuổi.

Nhớ ơn bà, dân làng Xuân Tảo và vùng ven đô bên Hồ Tây đã lập Châu Cung Quế Phủ và dựng tượng thờ bà.

Hơn ba trăm năm qua, trải bao phen nắng mưa, binh lửa, trải qua bao thế cuộc thăng trầm, có khi phải phiêu tán “ẩn dật” đó đây, để tránh sự tàn phá của khói lửa chiến tranh. Kết cục, cho tới ngày nay, pho tượng Chiêu Nghi Vũ Thị Ngọc Xuyên vẫn trở về “ngự” tại Châu cung Quế Phủ - nơi thờ bà Chúa, trong Khu Lộc, tại làng Xuân Tảo (nay là xã Xuân Đình, thuộc Từ Liêm, Hà Nội).

Tác phẩm tượng Chiêu Nghi tại Khu Lộc, làng Xuân Tảo (hiện để trong hậu cung) thuộc loại điêu khắc chân dung quý hiếm, đan bằng mây song – sơn mài bên ngoài. Đó là một tác phẩm di tích có giá trị của Thủ đô còn lưu giữ được đến ngày nay. Nếu tính cả pho tượng Thiên sư Từ Đạo Hạnh ở chùa Láng mới là cái thứ hai của nước ta.

Nhân vật Chiêu Nghi được tạo hình rất sinh động trong thế ngồi thanh nhàn, đế vương (Mahafalilasana). Hai bàn tay bà đang ấn quyết bằng ngón trỏ và ngón

cái - tượng trưng cho những ý nguyện thực hiện và sự hoàn thiện của trí tuệ, của tâm linh. Về giá trị nghệ thuật cũng nêu bật được những chuẩn mực về vẻ đẹp của phụ nữ Á Đông, biểu lộ được vẻ: “mặt hoa da phấn” nét thông minh, kiêu sa và cương nghị, lại rất phúc hậu. “Cổ kiêu ba ngón”, làn môi dày tươi tắn, lông mày lá liễu, mắt đen, to và sáng, vừa nhìn vào cõi vô định xa xăm, vừa có vẻ trầm tư, đầy nội tâm. Làn tóc mai tha thướt uốn hơi cong và dải tóc dài buông rủ sau gáy, dưới chiếc mũ miện vương giả. Tượng bà Chiêu Nghi đẹp đến là quý phái, cao sang.

Đến nay, hàng năm, dân làng Xuân Tảo và vùng ven đô bên Hồ Tây vẫn làm lễ những ngày húy kỵ của bà, và gọi là bà Chúa Châu Cung Quế Phủ. Bà rất linh ứng.

NGUYỄN CUNG PHI

*T*ương truyền ở xã Dưỡng Phúc, huyện Kim Động, châu Xích Đằng, trấn Sơn Nam có gia đình họ Nguyễn nối dòng lương y có tới 5 đời, chỉ có cứu người làm phúc. Đến đời Nguyễn Công Minh, vốn là người hiền lành chất phác, vợ là người xã Dưỡng Hòa, huyện Duy Tiên, phủ Lý Nhân, lấy nhau hơn mười năm chưa có con. Ông bà đi cầu tự chùa Hương và ở lại chùa cầu mộng. Đêm ấy, vào khoảng canh ba, bà chiêm bao thấy mình cưỡi rồng vàng bay lên trời, bắt mặt trăng bỏ vào miệng nuốt. Khi tỉnh dậy, mồ hôi ra khắp mình mẩy, đều có mùi thơm. Sau trăm ngày, bà có mang. Đến tháng 3 năm Bính Dần, bà về thăm quê ngoại. Một hôm, bà ra tắm ở Chằm, trở về vào lúc giữa trưa, trời đất bỗng tối tăm mù mịt, thấy có một đám mây hồng, tròn như cái tán đứng ở trên không, che lấy đỉnh đầu bà. Ánh hào quang tỏa sáng bốn phía, gió thơm sức nức, trên trời như có tiếng nhạc rung lên. Đúng lúc ấy bà trở dạ, sinh một bé gái xinh đẹp tuyệt trần. Năm nàng mười ba tuổi học rất giỏi, rất thông minh, thật là

một vị Nghiêu Thuấn trong hàng nữ lưu. Mỗi khi nàng đi đâu, trên trời lại hiện ra đám mây tròn như cái tán, che trên đầu, ai cũng lấy làm lạ, cho nàng là thần tiên giáng thế. Năm nàng 14 tuổi thì cha mẹ lần lượt qua đời.

Trong làng có nhà hào phú Hoàn, muốn ép nàng lấy con trai hấn là Đinh Hoàng. Nàng không ưng, sợ họ trả thù, phải lánh sang nhà ông cậu, em mẹ ở nhờ. Ở được vài năm, thì năm ấy trời lụt hạn, mất mùa, nhân dân đói to, rất khổ cực. Nàng bèn đem tiền gạo của nhà ra phát chẩn, giúp cả làng. Nhân dân cảm ơn ấy, đem hoa ngư của 82 mẫu đầm đến tạ (huê lợi của cả năm là 120 quan tiền xanh). Nàng không nhận, nhưng họ cứ nài ép và còn hứa sẽ dựng bia ghi công đức và sau này sẽ lập hương hỏa, phụng thờ nàng vẫn từ chối.

Năm sau, một hôm có người bà con ở quê nhà hốt hải đến báo: “Tên Đinh Hoàng đang kéo đồ đảng sang làng Dưỡng Hòa bắt nàng”. Nàng bèn dặn dò cậu, rồi bỏ lên kinh đô Thăng Long, tìm kế sinh nhai, lẩn trốn bọn cường hào. Nàng mở một quán nhỏ bán trầu nước ở phía cửa Tây kinh thành.

Quả nhiên, tên Đinh Hoàng kéo đồ đảng đến làng Dưỡng Hòa, không tìm bắt được nàng, hấn kéo quân vào cướp phá, lấy hết của cải, thóc lúa của dân làng, bọn cướp khiêng vác, hè nhau đem ra khỏi làng. Bỗng nhiên, một cơn giông kéo đến, mây đen mù mịt, gió

thổi cây đổ lá rụng, trong giông tố chúng nghe thấy tiếng hò reo, quân mã đuổi theo truy kích âm âm, rất gấp. Hoảng sợ, chúng hè nhau vút hết cửa cái lại, mà kéo nhau chạy miết. Đêm ấy, dân làng mộng thấy binh mã của nàng kéo vào thôn trang và bảo họ: “Vâng lệnh thượng đế, chúng ta đã đuổi hết bọn cướp. Cửa cái, đồ đạc của dân, chúng đã bỏ lại, hãy ra khỏi làng, đi độ mười dặm sẽ lấy lại được hết. Không mất mát gì đâu”. Sáng hôm sau họ kể cho nhau nghe thì ra ai cũng mộng thấy thế, họ liền đi tìm. Quả nhiên dân làng thấy chúng vút hết ở đường đi. Chẳng ai mất gì cả. Nhân dân ơn nàng bèn cử người lên kinh thành thăm hỏi và kể hết chuyện cho nàng biết, rồi cùng nhau dựng một tòa sinh từ ở cạnh Chằm để tưởng nhớ ơn nàng.

Thấm thoát nàng ở kinh thành bán trâu nước đã mấy năm rồi. Bây giờ nàng đã 24 tuổi. Một đêm vua Anh Tông chiêm bao thấy một nàng tiên cười rông bay từ trên trời xuống, miệng rông ngậm một chiếc khăn hồng, buông xuống trước nhà vua, trong khăn có 4 câu thơ:

“Trời cho tiên nữ giáng trần

Trăm năm sánh với Anh quân duyên hải

Bán trâu nàng ở cửa Tây

Nguyễn Gia, Dương Phúc, người này chẳng sai”.

Vua đọc xong chột tỉnh, biết là điềm lành, bèn lên xe loan ra khỏi kinh thành du ngoạn. Đến chiều, xe về

đến cửa Tây thành, chợt nhà vua thấy một cô gái ngồi bán trầu mà trên đầu có đám mây ngũ sắc che. Nhìn một lúc, ngài thấy cô gái xinh đẹp này sao giống người mình mộng thấy đêm trước đến thế, bèn ra lệnh rước nàng vào cung, rồi cho nàng ở gác Tây, lập làm Cung phi thứ hai.

Còn Đinh Hoàng, sau trận cướp phá ấy, ngày càng hung hăng, bây giờ hấn cầm đầu đám giặc cướp đó, nổi loạn ở Đằng Châu. Triều đình ra quân dẹp loạn, nhưng vẫn chưa phân thắng bại. Nguyễn Cung phi nghe tin bèn dâng biểu xin nhà vua cho đi dẹp loạn. Anh Tông lúc đó mới biết nàng võ nghệ cao cường, bèn phê chuẩn cho nàng đi đánh giặc.

Nàng bèn tuyển 28 người con gái anh dũng làm đội nữ binh hầu cận, và xin nhà vua cấp cho 4 đạo quân, gồm 1.500 người rồi kéo quân, tiến thẳng vào sào huyệt giặc, bao vây cả hai đồn của Đinh Hoàng ở Tạ Xá. Chỉ một trận tấn công, nàng đã bắt sống Đinh Hoàng, hạ lệnh đem chém đầu để thị uy. Tàn quân giặc đều bị bắt sống cả. Sau khi khải hoàn, nàng xin vua cho về thăm quê nhà. Khi xa giá gần đến địa phận Tạ Xá, dân làng kéo ra làm lễ chào mừng, và xin được tiến ruộng công điền làm hương hỏa. Cung Phi không nghe mà nói: “Bần dân thiên hạ, đâu đâu cũng là dân vua, đất vua. Dân làng có nghĩa như vậy, ta cảm ơn. Nhưng ta muốn lấy khu đất giặc đóng khi trước làm ruộng hương hỏa để lưu truyền muôn đời sau”. Rồi Phi về cung.

Chuyến ấy, Nguyễn Phi lại về thăm quê nhà, thuyền qua sông Nhị, rồi vào xứ Tân Châu, trời bỗng nổi trận cuồng phong đột ngột, nên thuyền bị đắm. Sau một lát thì ở đáy sông nổi ba tiếng sét, nước giãn ra, đất sa đùn lên thành một ngôi mả cao. Được tin, nhà vua vô cùng thương tiếc, thân hành đến chỗ Nguyễn Phi hóa, làm lễ cầu siêu cho Phi. Dàn tế bắt đầu thì gió mây nổi lên cuộn cuộn, một phút lại tan ngay. Nhà vua tin rằng nàng đã hiển linh. Bèn truyền dân xã Dưỡng Phúc dựng cung miếu thờ Nguyễn Phi ở ấp Thang Mộc. Ngoài ra, ở Tạ Xá, Dưỡng Hòa đều được chuẩn y là nơi phụ thờ. Hàng năm, kỳ lễ chính vào ngày sinh, ngày hóa của Nguyễn Phi. Ngoài ra còn có 25 nơi khác đều dựng đền thờ.

Đời Lê Trang Tông khởi nghĩa tiêu trừ họ Mạc, một hôm, Thái úy Nguyễn Kim tiến quân qua đền, bỗng thấy một đôi chim trắng từ trong đền bay ra, lượn ở trước xe Thái úy rồi lại bay vào đền. Thái úy cho là thần hiển linh, bèn vào đền mật đảo. Bỗng trời đất tối sầm, gió mưa kéo đến dữ dội, trong đền có tiếng chuông trống rung lên. Các lá cờ ở trong quân bay phấp phới hướng cả về phía Tây Bắc. Một lúc sau, trời lại quang đăng, sáng sủa. Thái úy lễ tạ, rồi tiến quân lên địa phận xã Thượng Phấn, thuộc đạo Sơn Tây. Chuyến ấy thắng to, quân nhà Mạc bị thua to, chạy tan tác hết cả.

Đời nhà Lê phong gia Nguyễn Phi là Thục Thư Doan Từ Chiêu Nhân Hoàng Ý Trinh Tiết Hộ Quốc An dân công chúa.

CUNG PHI NGỌC NUỞNG

Tương truyền về thời Tiên Lý Nam Đế, ở trang Bảo Đài, phủ Thượng Thiên (nay là Thiệu Hóa), Châu Ái (Thanh Hóa) có gia đình họ Nguyễn, húy là Độ (tức Nguyễn Độ). Vốn dòng dõi trâm anh thế phiệt. Ông có ba anh em, ông là thứ hai. Trong làng tiến cử ông đi lính, qua một năm nhập ngũ, võ nghệ của ông nổi bật, khảo hạch được trúng cử võ chức, nhà vua bèn phong cho giữ chức Điển binh Hải Dương. Lúc này ông mới 20 tuổi. Nguyễn Độ vốn là con người trung thành, phong độ hơn người. Đối với thầy, với bạn, ông luôn có lòng thành thực, cho nên đều được mọi người yêu mến khâm phục. Riêng việc lập gia đình hơi chậm, ông chưa kén được người hợp với mình. Hồi ấy ở Giáp đường, thuộc vùng Trang Đặng Xá, huyện Đường Hào, phủ Thượng Hồng, có một người tên là Đặng Hồ, sinh hạ được một cô con gái tên là Châu Nường, tính nết hiền hòa, dung nhan xinh đẹp, sáng sủa. Nhân khi có việc quan đi qua ấp này, gặp nàng ông rất ưa, bèn làm lễ ăn hỏi. Ông bà họ Đặng bằng lòng gả con gái cho

ông. Nguyễn Độ làm lễ cưới, đón dâu về doanh trại. Từ đó, duyên hải long phượng. Song đã ba, bốn năm trời mà tin mừng chưa thấy. Ông ngâm suy nghĩ: “Ham mãi việc quan không phải vì tham lợi lộc, nếu không tham lợi lộc thì đeo đẳng chức vụ làm gì? Muốn mưu cầu địa vị với triều đình, tất nhiên phải mưu cầu lợi nhuận, đã mưu cầu lợi thì phúc đức mỗi ngày một giảm. Công danh đến thế là đủ rồi. Nay tu thân giữ đức mới là quan trọng nhất”. Vì thế, ông dâng biểu cáo bệnh xin về, được nhà vua phê chuẩn. Ông về quê ngoại ở thôn Đường Trang, Đặng Xá, xây dựng nhà cửa điền viên. Ông vốn là người tin quỷ thần, bèn xây một cái đài để thờ Hoàng thần Hậu thổ, sớm tối thắp hương cầu khẩn. Ngoài ra, ông còn bỏ gia tài ra cấp phát cho người già yếu, hoặc ai có khó khăn, nguy cấp ông đều hết sức giúp đỡ. Lúc nào ông cũng chuyên tâm đến điều nhân hậu, phúc đức. Một hôm, ông về quê ngoại ở Ái Châu, bỗng gặp một ông cụ đầu tóc bạc phơ, tay chống gậy trúc, theo sau có tên tiểu đồng cầm chiếc túi đựng la bàn, đứng ngấm ở dưới núi Vân Đài, xem thế đất, khi thấy ông đi tới thì nói: “Huyệt này do trời để, chờ người có phúc mới có thể xứng được. Ta thấy ông là con người phúc hậu, ta muốn cho ngôi đất quý này...”. Ông bèn nhún mình, tỏ vẻ kính cẩn thưa: “Cụ thương mà hết lòng giúp cho thì tôi trông ơn đức của cụ”. Ông cụ nhìn ông rồi cười mà ngâm mấy câu thơ rằng:

*“Địa do thiên định, đức do nhân
Tích thiện chi gia tất hiển thân
Hữu đạo ư thiên, thiên tứ phúc
Ngu mi tác án, phượng hoàng châm”.*

Dịch nghĩa:

*Đất do trời định, đức do người
Nhà tích đức lành thì hiển đạt
Có đạo với trời, trời cho phúc
(Đất này) có nét mây ngài làm án tiền thật là kiểu
đất phượng hoàng.*

Cụ già ngâm thơ xong, lấy gậy chỉ vào chân núi và dẫn ông vào, chờ coi kiểu đất “hoa sen hóa chim phượng hoàng” (liên hoa hóa phượng). Chỗ huyết kết là một chỗ đất lõm xuống, đằng trước có hai cái gò như mây ngài làm án tiền, bên tả, bên hữu có cò, có kiếm như kiêu đứng hầu bên cạnh. Ông già chỉ gậy vào chỗ đất lõm xuống mà đặt hướng là “tọa đình hưởng quý” (ngả lưng về phía Nam, trông về phía Bắc). Ông liền cúi đầu lĩnh mệnh, ông già vụt biến mất. Ông sửng sốt sợ hãi, rồi lại rất mừng, biết đây là thần nhân hiển linh bảo cho, bèn chạy về nhà loan báo cho anh em biết. Mọi người đều nhất trí đem mộ cha táng vào đó. Sau khi làm được đúng 100 ngày thì bà Đặng Thị bỗng chiêm bao thấy được lên cung Quảng Hàn, bề một cảnh quế đỏ, rồi lại hái một bông sen. Khi giật mình tỉnh dậy bà mới biết là chiêm bao. Sau đó ít lâu bà có

mang. Đến ngày 10 tháng 10 năm Ất Mão, bà sinh được một bé trai, diện mạo khôi ngô, trán cao, cằm én, mắt đen láy, sáng như sao. Cậu bé vừa đầy tuổi đã nói được đủ điều, cao to, khoẻ mạnh lắm. Năm sau, bà lại sinh hạ một bé gái vào ngày 17 tháng 7 năm Đinh Ty. Bé trắng hồng hào, môi đỏ như son, mắt phượng, mày ngài, khác hẳn người thế gian. Cậu bé đã được đặt tên là Chiêu (nghĩa là sáng tỏ). Còn bé gái xinh đẹp này đặt tên là Ngọc Nương. Ngày qua, tháng lại, Chiêu đã lên chín tuổi, biểu lộ là một con người chính khí anh hùng, cương trực, mà rất thông minh, vượt hẳn mọi người. Cha mẹ cho Chiêu đến học dưới trướng của Trần Tiên Sinh, được ba năm mà văn chương, võ nghệ đều tinh thông thành thạo. Ngọc Nương 8 tuổi cũng được cho đi học cùng trường với anh. Chỉ ba năm đã tinh thông văn tự, thơ phú văn chương chẳng kém phần lỗi lạc, nàng còn được học hỏi nữ công nữ tắc, điều gì cũng xuất sắc. Ngọc Nương càng lớn càng lộ vẻ kiều diễm, nụ cười tươi như hoa nở, mặt sáng tựa trăng thu, hình dung yếu điệu, ai nấy đều ngưỡng mộ.

Hồi ấy, Lý Nam Đế băng hà, Triệu Quang Phục lên thay, cầm quân đánh giặc. Chiêu lúc này đã 23 tuổi, có tài thao lược, sức mạnh hơn đời, nhân dân cả vùng đều quý phục, bèn cùng nhau tập hợp thành một đội quân hùng mạnh, thường trừng phạt kẻ phú hào hà hiếp dân lành nên được coi như một trang hiệp khách, hảo hán, và được dân rất quý phục, coi Chiêu là

bạc ân nhân. Một hôm, Triệu Quang Phục chiêm bao thấy một người con trai và một người con gái mặt mũi khôi ngô, kỳ vĩ bước vào, đến trước mặt Vương thi lễ. Quang Phục Vương hỏi: “Hai thiếu niên anh hùng, chẳng hay từ đâu tới đây? Có việc gì hãy nói cho ta rõ?” - Hai người thưa rằng: “Bọn thần là hai anh em ruột, là thần tiên giáng thế. Anh em thần đến đây bái yết nhà vua”, rồi xưng tên là Chiêu và Ngọc Nương. Vương chợt giật mình tỉnh dậy, cho là chiêm bao tốt lành. Sáng hôm sau, đoàn quân của Vương tiến đến gần địa giới Đặng Xá, nam, phụ, lão ấu đua nhau ra đón rước quân của Vương. Triệu Vương ngự trên xe chợt trông thấy Ngọc Nương sao mà giống cô gái trong giấc mộng hồi đêm thế. Vương không tin là mình tỉnh hay mơ nữa. Bèn truyền gọi đến trước xe hỏi rằng: “Nàng là con cái nhà ai? Tên là gì? Nàng đáp: “Thiếp là Ngọc Nương. Người vốn quê ở Ái Châu, còn Đặng Xá là quê mẹ. Vương lại hỏi: “Thế nàng có anh em nào không?” - “Thưa thiếp còn có người anh ruột, tên là Chiêu”. Triệu Vương thấy kỳ lạ, sao lại ứng với giấc mơ đêm qua, bèn hạ lệnh đóng quân lại ở thôn Đường, trang Đặng Xá, và ra lệnh gọi Chiêu đến. Chiêu đến bái yết, Vương thấy trang mạo khôi ngô kỳ vĩ và vẻ đẹp siêu phàm của hai anh em Chiêu sao mà giống trong giấc mơ đến thế, bèn thử hỏi về học vấn, tài năng võ nghệ, thì thấy ứng đối lưu loát, tỏ ra văn võ toàn tài, nên rất hài lòng, cho mời bố mẹ Chiêu cùng

các phụ lão đến, ban cho bố mẹ Chiêu 100 lạng vàng, thưởng cho dân bản xã Đặng Xá 1000 quan tiền, rồi phán: “Chàng Chiêu và Ngọc Nương sẽ là vị thần của thôn dân sau này, nay trẫm định giao cho làm người giữ nhiệm vụ thờ cúng Chiêu Công”. Rồi Vương làm lễ thành hôn với Ngọc Nương. Sau cùng, triệu cả Chiêu về kinh thành, phong làm Thủy Lộ tướng quân, lập Ngọc Nương làm cung phi thứ tư. Phong tước là Xuân Hoa công chúa. Từ đó, vua tôi tâm đồng ý hợp, vợ chồng nồng thắm tình duyên.

Năm sau, hai anh em xin vua về bái yết từ đường, được vua phê chuẩn, ban cho tiền, vàng, lụa là, và cho dùng xe loan, có cờ quạt, thị nữ theo hầu về tận làng. Làm lễ gia tiên xong, hai anh em đưa 10 nén vàng tặng dân làng, rồi lại về thăm quê ngoại ở thôn Đường thuộc trang Đặng Xá, xứ Hải Dương. Sau đó, hai anh em truyền cho dân xây dựng một hành cung ở thôn Đường, theo kiểu đất Long hành, hình con rồng vòng vòng ôm lại. Ngoài xa, cánh đồng bằng phẳng nổi lên 7 cái gò cao, như thể 7 ngôi sao Bắc Đẩu châu về hành cung. Nội Minh đường là nơi hồ ao tụ thủy, Ngoại Minh đường là một dải sông chảy uốn vòng châu lại. Công việc xây dựng hoàn tất, họ rước bố mẹ về ở tại hành cung đó. Mỗ tiệc 10 ngày, khao thưởng xong, họ lay tạ bố mẹ rồi về triều. Từ đó, ông Chiêu làm việc ở kinh thành. Khi quân Lương kéo sang xâm lược, Vương liền phong cho ông chức Chiêu Thảo Thái úy

kiểm soát nguyên suý binh lương Đại tướng quân, ông phụng mạng tiến quân, đánh giặc Lương một trận, quân Lương tan tác. Chiến thắng về triều, ông được Việt Vương phong là Kháng Triết quận công. Ngọc Nương cũng được phong Thị nội Cung tần Xuân Hoa công chúa. Ngọc Nương kết duyên với Việt Vương mười năm mà chẳng sinh nở lần nào, nàng bèn xin nhà vua cho mình xuất gia, tu hành để vui thú thanh nhàn diệt dục.

Dù không muốn, cuối cùng Việt Vương đành phải cho nàng được như ý. Vua ban vàng ngọc, rồi cho xe loan hộ tống nàng về quê, Ngọc Nương về làm lễ gia tiên, lạy chào bố mẹ rồi nàng lên chùa thí phát, chính thức tu hành, sau thành bậc sư trưởng. Triệu Việt Vương truyền đặt tên hiệu cho phi là Diệu Phương, tự là Pháp Tuấn, lại cấp cho xe, mũ để dùng.

Sau này, đền thờ ở thôn Đường, trang Đặng Xá, thuộc Hải Dương thờ hai vị phúc thần Nguyễn Chiêu và Ngọc phi tứ nương. Đền nổi tiếng linh thiêng, cho tới bây giờ.

CUNG PHI NGUYỄN THỊ BÍCH CHÂU

*N*guyễn Thị Bích Châu là cung phi của Trần Duệ Tông, còn gọi là Nguyễn Cơ Bích Châu, quê ở xã Bảo Lộc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Cha là một vị quan đời Trần, mẹ họ Phạm. Bà mẹ mãi đến năm 40 tuổi mới sinh được Bích Châu. Cô gái lớn lên xinh đẹp, thông minh, chăm học từ nhỏ, nàng thông thạo văn chương thơ phú, nên đã được tuyển vào cung. Vua Trần Duệ Tông rất yêu quý, phong cho là Quý phi.

Một hôm, vào tiết Trung thu, vua nhìn ánh trăng lấp loáng, gác tía đèn treo, liền ra một vế đối và bảo mọi người thử làm tiếp:

- *Thu Hiên họa các quả ngân đăng, nguyệt trung đan quế* (trời thu gác tía treo đèn bạc, quế đỏ trong trăng).

Các quan theo hầu vua còn lúng túng chưa kịp làm, thì Bích Châu đã tươi cười xin đọc tiếp vế hai của câu đối:

- *Xuân sắc trang đài khai bảo kính, thủy đế phù dung* (Sắc xuân đài trang mở gương báu, phù dung đáy nước).

Duệ Tông hết lời khen ngợi, ban cho nàng một đôi “Ngọc long Kim Nhĩ” (hoa tai vàng nạm ngọc, chạm hình rồng leo) và từ đó đặt tên hiệu cho Bích Châu là Phù Dung quý phi.

Bấy giờ, tình hình chính sự trong nước đổ nát. Nàng thấy triều chính suy yếu, bèn viết bài “*Kê minh thập sách*” dâng lên vua, Duệ Tông đọc lấy làm thích lắm, ngài đập vào cái phách nói: “Không ngờ một người đàn bà lại thông tuệ đến thế, thật là một từ phi trong cung của trẫm!”.

Mặc dù khen bài văn sách của Bích Châu với 10 điều khuyên sửa đổi chính sự để củng cố triều chính và đất nước, nhưng nhà vua không chịu chú ý sửa đổi theo “*Kê minh thập sách*” của bà. Hơn thế nữa, lên ngôi mới được 4 năm, Duệ Tông lại muốn đem quân đi đánh Chiêm Thành. Triều đình can ngăn vua cũng không nghe. Bích Châu lo lắng thấy vua không chịu nghe lời nói thẳng, bèn làm một bài biểu dâng lên. Nội dung như sau:

“Thiếp trộm nghĩ rợ Hiểm Doãn ngang tàng quá lắm, từ trước quen thân, rợ Hung Nô Kiệt hiệt gồm ghê, đến nay càng tệ, vì cướp bóc là cái thói thường của man di, mà dùng binh không phải bản tâm của Vương giả. Nhỏ xiu kia Chiêm Thành, ở mé nơi hải

đảo. Năm xưa kéo quân vào Nhị Thủy, nhòm thấy nước ta bất hòa. Khi ấy tiếng trống động ngoài biển, chỉ vì lòng dân chưa yên. Cho nên chúng dám tung đoàn ruổi nhặng múa ngoài bãi cỏ, có khác nào giờ cày bộ ngựa ngăn bánh xe. Nhưng thánh nhân rộng lượng bao dung, không thêm cùng chó dê so sánh. Việc trị đạo trước gốc, sau ngọn. Xin nghỉ binh cho dân chúng yên hàn, trị cái rắn nên dùng cái mềm, phục rợ xa cốt lấy đức vua đòi Nghiêu (Thuấn) chỉ múa nhạc mà 7 tuần (70 ngày) giặc Hưu Miêu đến hàng. Vua nhà Hạ (Vũ) chỉ gảy đàn, chặn 1 tháng rợ Hồ qui phục. Đó là thượng sách. Xin xét đoán cho mình.”

Bài biểu dâng lên không được vua nghe. Nàng buồn rầu nói: “Nghĩa là vua tôi, ơn là vợ chồng, đã không giỏi can ngăn để giữ nền bình trị, lại không biết khéo lời để ngăn lòng hiếu chiến, thật là sống thừa trong cõi trời đất!”. Từ đó, nàng ăn ngủ không yên, bỏ cả trang điểm. Đến lúc Trần Duệ Tông duyệt binh “chinh phạt” Chiêm Thành, Bích Châu nài xin đi theo trong quân đội, được chuẩn y.

Quân đi đến cửa biển Kỳ Hoa (Kỳ Anh) thuộc Nghệ Tĩnh, bỗng biển nổi gió to, sóng lớn, thần biển hiện lên, đòi nhà vua gả cho một nàng cung phi làm vợ, thì sóng sẽ yên, gió sẽ lặng và sẽ phù hộ nhà vua. Vua Trần Duệ Tông chưa biết tính sao, nàng liền đến gặp nhà vua, xin chịu hy sinh cho thần biển, và khuyên vua: “Sau khi thiếp chết, xin bệ hạ sửa văn,

nghe võ, tìm dùng người hiền, làm điều nhân nghĩa, nghĩ chước lâu dài cho nhà nước...”. Nói xong, bà nhảy xuống biển. Biển lại yên, sóng lại lặng. Nhà vua cho quân tiến sâu vào động Y Mang, đất Chiêm, không ngờ bị trúng mưu gian của giặc Bà Ma, một tướng của Chế Bồng Nga, toàn quân tan rã, vua chết. Đó là năm Đinh Ty (1377), mùa xuân, tháng giêng, ngày 23.

Nguyễn Thị Bích Châu là một tấm gương anh dũng cao cả, bà hiền nhiên là một liệt nữ. Cái chết của bà là một sự hy sinh cao cả, một cái chết đẹp vì lòng trung với nước, với vua. Trải qua nhiều triều đại phong kiến, bà vẫn được nhiều sắc phong, được tôn là Chế Thắng phu nhân, nhân dân tôn bà là Loan Nương Thánh Mẫu. Năm 1991, Bộ Văn hóa Thông tin đã ra quyết định công nhận và xếp hạng đền thờ bà Bích Châu là di tích lịch sử và còn gọi bà là Mẫu Kỳ Anh.

Đền thờ bà hiện ở tại xã Kỳ Ninh, huyện Kỳ Anh, ở phía Đông Nam tỉnh Hà Tĩnh.

PHẠM HUỆ PHI

*H*uệ phi Phạm Thị Nghiêu là vợ lẽ vua Thái Tổ nhà Lê (Lê Lợi). Bấy giờ cuộc khởi nghĩa mới bắt đầu. Thế của nghĩa quân lúc đó còn non yếu, nghĩa quân luôn bị quân Minh bao vây, phải rút chạy về Chí Linh và các nơi, nhiều lần bị chiếm mất căn cứ.

Trong một lần nghĩa quân rút lui, Huệ phi chầm chân nên đã bị nội quan nhà Minh là Mã Kỳ bắt được. Huệ phi âm thầm nhẫn nhục sống trong trại giam. Đôi khi, bà đã có ý quyên sinh để bảo toàn chữ tiết, nhưng mỗi lần định tự kết liễu đời mình, thì hình ảnh con trai bà lại hiện lên, đôi mắt tròn đen láy của con trai như đang nhìn bà van xin, cầu khẩn “mẹ sống mà che chở cho con!”. Thế là ý nghĩ tự vẫn lại tiêu tan, bà chưa xót nghĩ không biết hiện nay con ra sao? Có ai lo liệu chăm sóc nó không? Con nàng còn bé dại quá! Nó cần ta, ta không thể chết được. Tim bà nhói đau khi nghĩ tới hoàng hậu Ngọc Trần. Hoàng hậu dám vì sự nghiệp của Thái Tổ, hy sinh, giao con trai mới ba tuổi

cho thị nữ chăm sóc. Bà chết cho sự nghiệp lớn lao của đất nước, mà Thái Tổ đang theo đuổi. Mai sau, nghiệp lớn mà thành thì con trai của Ngọc Trần sẽ nối nghiệp cha, lên ngôi thiên tử. Còn con trai ta, nếu ta chết, thì sẽ ra sao? Liệu nó có qua khỏi được cơn binh lửa này không, có yên thân đến ngày Thái Tổ thành công không? Mà ngay cả tới lúc đó đã chắc gì con nàng có được một vị trí xứng đáng...! Hết đêm này sang đêm khác, Huệ Phi trăn trở nhớ, lo cho con. Nàng không còn đủ can đảm tự vẫn nữa.

Hôm nay, Mã Kỳ cùng các tướng lĩnh muốn thuyết phục Thái Tổ ngừng chiến, nên đã cho quân lính giải nàng tới chân núi Chí Linh, thả bà về với nghĩa quân. Huệ phi sắp được gặp Thái Tổ và con trai, bà lo lắng, sợ hãi giây phút gặp lại vua Lê và cũng hồi hộp mong chóng thấy lại con trai yêu quý. Bà còn đang lúng túng dưới chân núi thì bỗng mấy nghĩa binh xuất hiện. Họ lặng lẽ dẫn bà theo con đường mòn đi sâu vào núi.

Từ ngày Huệ phi bị quân Minh bắt giữ, tin tức về bà vẫn thường xuyên được thông báo lên Thái Tổ và quân trung. Bởi vậy, Thái Tổ đã cho đi đón phi về doanh trại. Vừa thấy Thái Tổ, Huệ phi xụp xuống, ôm lấy chân ngài mà nức nở:

“Thần thiếp thật đắc tội, đã bị sa vào bẫy giặc, khiến bệ hạ phải lo lắng. Thần thiếp mong bệ hạ tha tội. Trong những ngày bị giam ở trại giặc, lúc nào thần thiếp cũng nghĩ tới bệ hạ, nghĩ tới đứa con trai bé bỏng

của thiếp...”. Bà đã khôn ngoan nhắc tình mẹ con của mình để khiến Thái Tổ mềm lòng, quên những điều hệ trọng đã qua của bà trong thời gian bị giặc giam giữ. Quả nhiên, Thái Tổ khẽ cau mày, rồi xua tay:

- Thôi nàng hãy về nghỉ đi, đừng quá xúc động như thế.

Huệ phi lạy tạ rồi lui ra. Thái Tổ ngồi im lặng, cảm giác thương hại và bức bối đang lẫn lộn trong lòng ngài. Ngài so sánh hoàng hậu Ngọc Trần với Huệ phi - Ngọc Trần có thể bỏ con, vì ta mưu việc lớn. Còn Huệ phi lại vì con ta mà sống quay về. Nhà vua đã suy nghĩ nhiều lắm!

Nhưng từ đấy, thái độ của vua với Huệ phi đã khác trước, nàng không được ngài vờ đến nữa. Huệ phi đã bị thất sủng. Nàng hiểu điều đó lắm, nhưng cũng chỉ biết nhẫn nại, cam chịu và oán hận.

Khi Thái Tổ băng hà, vua Thái Tông lên nối ngôi. Huệ phi được lệnh rời khỏi triều về Lam Kinh coi giữ Vĩnh Lăng (đó là lăng vua Thái Tổ). Huệ phi oán hận lắm, không kìm được, bà đã thốt ra những lời oán trách:

- Ngọc Trần làm vợ vị thần, cũng là thất tiết với bệ hạ. Ta chẳng may sa vào tay giặc, vị thế có khác gì Ngọc Trần. Thế mà con bà ta được lên ngôi thiên tử, còn thân ta bị đẩy ải ở đây. Bệ hạ ơi, sao bệ hạ ở không cân, nỡ đối xử với thân thiếp như vậy?

Lời trách giận của Huệ phi đến tai Thái Tông. Nhà vua tức giận, để tránh tiếng làm điều ác với kẻ mẫu, Thánh Tông cho đình thần luận, các quan đều cho rằng Huệ Phi đã thất tiết, lại dám buông lời xằng bậy, tội đáng chết.

Thế là năm Đại Bảo thứ hai (1441), Huệ phi Phạm Thị Nghiêu bị bức phải tự tử. Trước khi chết, theo dư luận nói, bà có lời nguyện, nếu có kiếp sau, bà xin làm một người đàn bà bình dân, ở trong lều cỏ, sống nghèo khổ, nhưng được vui vẻ bên những đứa con yêu của mình.

NGUYỄN KÍNH PHI

*K*ính Phi họ Nguyễn, người xã Bất Căng, huyện Lôì Dương, cha là Đức Nghị giữ chức Đô đốc Thiêm sự, Đề đốc bốn vệ Thần vũ. Mẹ họ Nguyễn là người xã Đại Trung, huyện Hoằg Hóa, là con gái quan chuyển vận sứ Nguyễn Nhân Mỹ đã quá cố. Bà bị mồ côi cha từ thuở nhỏ, được quan Thái Bảo Giản cung hầu Lê Hiên nuôi làm con, nhân đó, bà nhập tịch ở làng Lam Sơn. Bà được tuyển vào cung từ tháng 7 năm Quang Thuận thứ nhất (1460). Ngày Mậu Tý, 15 tháng 9, bà được phong là Liệt Vinh. Tháng 9 năm thứ tư (1463) sinh ra hoàng nữ thứ ba là công chúa Thụy Hòa, hiệu là Minh Kính. Ngày Mậu Tuất tháng 12 năm thứ 5 (1464) bà được thăng là Tiệp Dư. Ngày Tân Mùi, tháng 7 năm thứ 7 (1466), thăng là Sung dung, được ở cung Xuân Trường. Ngày Mậu Ngọ, tháng 11 năm Hồng Đức thứ 2, được nhà vua sai nuôi hoàng tử thứ 8, tên là Táo làm con mình. Tháng 7, năm thứ 3 (1472), bà được thăng là Tu Dung, ở cung Thọ Am.

Ngày Bính Tuất, tháng 6 nhuận năm thứ 5, bà sinh ra Hoàng nữ thứ 11. Ngày Đinh Tỵ, tháng 10 năm thứ 8 (1477), bà được tiến phong làm Kính phi. Ngày Nhâm Dần, tháng 3, năm thứ 16 (1495), bà mất vì bệnh, thọ 41 tuổi, quàn ở quê ngoại là xã Phúc Lâm. Vua ủy cho ông Đức Nghi chủ trì tang lễ, vua đặc biệt ban cho sáu vạn đồng tiền, nhà vua rất thương tiếc. Ngày Mậu Thân vua sai quan Trung Sứ là Hoàng Lộc Dụ Tế. Lời văn đại khái nói: “Người từ tuổi trẻ, được đón vào cung, đức hạnh dung nghi thực không đáng then. Trời đã ban cho hạnh phúc xanh tươi, “thời” lại thêm vẻ sao ngời sáng. Đã hấn nghiệp trị bình gốc ở tề gia, đúng lúc ta đang phu hóa. Cớ sao lại thọ yếu, gấn liền cùng số mệnh, vội vàng người đã lên tiên!...”.

Tháng 5, vua lại sai quan Trung Sứ Dụ Tế đem về mai táng ở xứ Tam Lữ, huyện Lô Dương. Bà là người khiêm tốn, dịu dàng, vui buồn không lộ ra nét mặt, nói năng nhẹ nhàng, thân thiết. Mỗi khi vào hầu, được nhà vua sai khiến thì hết lòng yêu kính. Thỉnh thoảng, khi nhà vua bị se mình, bà hầu hạ rất ân cần chu đáo, sớm hôm không lúc nào trễ nải, khắp trong nội, không ai hơn được. Bà lại ham đọc sách, thông hiểu đại nghĩa, ăn mặc chỉ dùng đơn giản, đạm bạc, không trang điểm xa hoa. Người đương thời khen là hiền đức.

PHI DƯƠNG THỊ BÍ

*T*rong chốn cung đình, không ai là không biết Phi Dương Thị Bí được vua Lê Thái Tông sủng ái nhất, đã định đặt bà vào ngôi hoàng hậu. Hôm nay, nhà vua rất bồn chồn, lo lắng khi biết tin Dương Thị sắp mãn nguyệt khai hoa. Bởi vậy, khi Dương Thị sinh hoàng nam, mấy cung nữ vội tới báo tin mừng ngay cho nhà vua biết. Thái Tông cho buổi chầu tan sớm và vội vàng tới nơi Dương Thị ở.

Vừa thấy Thái Tông bước vào, Dương Thị nhồm dậy. Nhà vua vội xua tay ra hiệu cho nàng cứ nằm yên, Thái Tông vui vẻ ngắm nàng và nghĩ: “Nàng thật đẹp, so với các cung tần mỹ nữ của ta, chẳng kẻ nào bén gót nàng cả. Hơn thế nữa, nàng còn sinh cho ta một hoàng nam. Nhà vua sung sướng, nắm tay Dương Thị, khẽ nói:

- Ái khanh hãy nằm nghỉ cho lại sức. Ta sẽ sai quân hầu đem các thứ bổ dưỡng đến cho nàng. Bây giờ ta phải xem mặt hoàng tử một chút.

Một thị nữ thân trọng, nâng niu bé hoàng tử ra cho nhà vua ngắm, ngài vui vẻ bảo: “Hoàng tử sau này sẽ nối được nghiệp ta”.

Nhà vua đặt tên cho bé là Hoàng tử Nghi Dân và quyết định chọn làm Thái tử. Dương Thị mừng lắm và rất hãnh diện. Thế là từ nay không còn ai dám ganh đua với nàng nữa. Địa vị nàng, dù không ở ngôi hoàng hậu, nhưng thánh thượng yêu chiều nàng rất mực. Con nàng lên ngôi, ngày ấy nàng sẽ là mẫu nghi thiên hạ, thì ngôi hoàng hậu còn có ý nghĩa gì? Thế là nàng đã tin rằng nhà vua càng phải yêu quý, chiều chuộng mẹ con nàng hơn nữa. Bao nhiêu lần nàng thử nhõng nhẽo đòi hỏi, yêu sách... Thái Tông bao giờ cũng chiều ý nàng. Dần dần, Dương Thị Bí tin rằng số mệnh nàng như vậy, mọi người phải quì dưới chân nàng. Trước kia, mỗi khi gặp hoàng hậu nàng đều phải cúi lạy, nay nàng lơ đi, với các cung tần khác nàng tỏ thái độ hạ cố. Thế là làn sóng ngầm phản đối nàng ngày một lớn.

Một buổi, Thái Tông bị nàng tỏ thái độ hờ hững. Nhà vua bực bội ra về. Còn Dương Thị lại chắc mẫm: Lần sau nhà vua sẽ phải chiều lụy nàng hơn, và cứ thế ngày một lằng lộn hơn với vua.

Nắm được cơ hội, nhà vua đang bực dọc, Nguyễn hoàng hậu cùng một số phi tần kéo tới trước nhà vua, khóc lóc, kể tội Dương Thị không giữ nền nếp, nghi thức cung đình, khinh thường hoàng hậu và càn rỡ...

Thâm tâm nhà vua vẫn còn yêu thương Dương Thị, nhưng cũng muốn nàng bớt tính cao ngạo đi, nên khoát tay nói:

- Trẫm sẽ xuống chiếu giáng Dương Thị xuống làm Chiêu Nghi, để nàng tu tâm, sửa tính.

Mọi người tẩy chay Dương Thị. Lòng căm tức và kiêu ngạo bùng lên, Dương Thị nói năng càn rỡ hơn, khiến Thái Tông tức giận phẫn:

- Dương Thị là một kẻ lăng loàn, con thì đẻ ra chưa chắc đã là người khá. Sau đó xuống chiếu giáng Dương Thị làm dân thường, Thái tử Nghi Dân phải giáng là Lạng Sơn Vương. Năm 1441, con của Hoàng hậu họ Nguyễn là Bang Cơ được lập làm Hoàng thái tử, kế vị ngôi vua.

CUNG PHI NGỌC LIỆU

(Bà chúa Mía)

Dưới triều vua Lê Thần Tông, khoảng đầu thế kỷ 17, ở làng Đông Sàng, huyện Tùng Thiện (Sơn Tây cũ), có một người phụ nữ thông minh và có sắc đẹp hơn người, tên là Ngọc Thi (còn có tên là Ngọc Liệu), họ Nguyễn. Tiếng đồn về sắc đẹp của Ngọc Liệu khiến chúa mến yêu, tuyển làm Cung phi.

Cung phi Ngọc Liệu không thích cảnh vàng son, chỉ quyến luyến với làng quê, nên thỉnh thoảng lại xin chúa về thăm chốn cũ. Quê của bà có nghề trồng mía, nên bà ra sức khuyến khích dân chúng phát triển nghề này, vì bấy giờ ở kinh thành Thăng Long, mía là một mặt hàng ưa chuộng, nghề làm đường, mật và bánh kẹo đều trông chờ vào mía cả. Có điều, Ngọc Liệu vì vậy cứ xa phủ chúa luôn. Mà chúa Trịnh Tráng thì quá yêu, nhớ bà, nên kiệu xe thường xuyên về làng Đông Sàng để gặp bà cho được. Việc đi về của các Chúa gây ra nhiều phiền phức cho quân sĩ và dân chúng.

Một hôm, Cung phi Ngọc Liệu lại xin chúa cho về thăm nhà ít hôm. Trong lòng chẳng muốn, nhưng lại sợ Ngọc Liệu buồn, chúa đành chiều ý nàng. Chúa nghĩ “chẳng hiểu cái làng quê Đông Sàng có gì cuốn hút mà nàng cứ xin ta cho về thăm luôn như thế? Lại đành để nàng đi vài hôm, rồi về đón nàng vậy.”

Hôm sau, chúa lấy cớ đi kinh lý vùng Sơn Tây, để đón Ngọc Liệu cùng về. Cũng ngày hôm ấy, quan tham tụng Nguyễn Duy Thi cũng về thăm quê ở Yên Lãng. Nghe tin xa giá sắp về qua đây, lý trưởng, quan lại sở tại rầm rập chạy lo đón chúa. Tham tụng họ Nguyễn lắc đầu. Lần này, chúa lại lấy cớ để về đón Cung phi Ngọc Liệu đây. Không lẽ vì một Cung phi mà để cho bao nhiêu người chạy vạy ngược xuôi, quân lính mệt mỏi, tốn kém như vậy. Nay ta phải liều mạng khuyên can, dẫu có bị chặt đầu cũng cam chịu vậy. Ông bèn cùng gia tướng, thủ hạ thân tín, đi tắt ra đón chúa ở đầu sông. Xuống ngựa đón chúa, ông lựa lời:

- Khải chúa thượng, hiện nay đất nước thanh bình, bốn phương yên ổn cả, tự nhiên huy động binh sĩ đi thế này, thật vô tình gây ra kinh động. Xin chúa thượng đừng vì một Cung phi, mà làm nhọc mệt ba quân.

Chúa ngượng ngùng chưa biết nói sao. Quan tham tụng đứng ở mũi thuyền ra lệnh: “Các thuyền quay về kinh đô ngay, thuyền nào tiến lên sẽ theo quân pháp trị tội.” Một hoạn quan vội sang thuyền của chúa xin

lệnh. Chúa khoát tay. Hấn hiểu ý, vội lệnh cho các thuyền quay mũi, trở về kinh đô.

Sau đó, quan tham tụng về ngay làng Đông Sàng, ông muốn biết rõ hơn về Cung phi Ngọc Liệu. Dân làng dẫn ngài tới chỗ Cung phi. Thoạt thấy Cung phi, Nguyễn Duy Thi chợt hiểu vì sao chúa Trịnh Tráng lại say mê người đàn bà này vậy. Lúc ấy Ngọc Liệu đang đứng giữa ruộng lúa, ăn mặc giản dị như một thôn nữ. Suối tóc đen mượt óng ả, buông dài trên tấm lưng ong thon thả. Khuôn mặt trái xoan, da trắng ửng hồng dưới ánh nắng chiều, nhìn nghiêng thật duyên dáng, một vẻ đẹp mộc mạc, dân dã, thật đáng yêu.

Quan tham tụng lại gần, vái chào và nói: “Bây tôi xin kính chào quý phi”. Ngọc Liệu ngẩng lên, khuôn mặt kiều mị của nàng lăm lăm mờ mờ, đôi mắt đen tròn thăm thẳm, nhìn ông, hơi bối rối.

- Chẳng hay quan tham tụng có việc gì cần?

- Bẩm, xin mạn phép mời Cung phi về cung. Vừa rồi xa giá chúa thượng định về đây, nhưng thần đã cản lại. Nếu Cung phi cứ ở lại, chúa thượng sẽ lo lắng, bỏ bê việc nước, hoặc điều động quân lính, quân hầu, khiến tự nhiên không giặc giã, mà gây ra kinh động quân dân.

- Ta thực không phải, khiến quan tham tụng vất vả. Nhưng vì ta sinh trưởng ở đây, ta yêu cây mía và hương vị của lò mật. Ta muốn sẽ có nhiều mía, nghề

làm mật được phát triển. Ta cũng định sớm về cung, xin chúa thượng gia ân, khoan sức cho dân, để làng này phát triển nghề trồng mía.

- Nghe Cung phi nói, thần đã yên tâm, xin mau trở về cung. Thần xin cáo lui.

Từ đấy, nhờ sự khuyến khích, săn sóc của bà, nghề trồng mía ở hạt Sơn Tây ngày càng phát triển. Ai cũng gọi bà là “bà chúa Mía”. Dân ở Sơn Tây xem Ngọc Liệu như một vị thần, thờ bà làm tổ sư nghề này. Vì kiêng tên húy nên thường gọi là Bà Chúa Mía.

PHẠM MINH PHI

*M*inh phi họ Phạm, là cháu của quan tể tướng Đô đốc đồng tri tên là Thành, và là con của quan tể tướng Đô đốc Khang Vũ và bà Phạm Văn Liêu. Bà được tuyển vào cung ngày Mậu Ngọ, tháng 7, năm Quang Thuận thứ 2 (1461). Tháng 9, ngày Đinh Mùi, được phong làm Tiệp Dư. Ngày Nhâm Dần, tháng 7 năm thứ 4 (1463) bà sinh ra Ý công chúa tên là Oánh Ngọc. Ngày Nhâm Tý, tháng 11 bà được phong là Uyển Dung, tháng 7 năm thứ 6 (1465), thăng là Tu Viên. Ngày mồng 1 tháng 9 năm thứ 7 (1466), sinh ra Tống Vương tên là Tùng. Ngày Kỷ Mão, tháng 7, năm Hồng Đức thứ nhất (1470) sinh ra Lan Minh công chúa, tên là Lan Khuê. Ngày Quý Sửu tháng 6, năm thứ 2 (1471) thăng là Chiếu Viên, ngày Bính Dần, tháng 11 năm thứ 8 (1477), tiến phong lên là Minh Phi, ở Cung Thụy Đức. Năm thứ 28 (1497) vua Thánh Tông mất. Năm Cảnh Thống thứ nhất, vì bà là Cung phi của triều trước, nên phụng sự ở cung Thiên An, không bao lâu

thì bị bệnh. Ngày Giáp Ngọ, tháng 9 bà mất, thọ 50 tuổi. Được vua ban số tiền an ủi là 2,7 vạn và sai quan Dự Tế mang về an táng ở cánh đồng Linh Hòa, thuộc Lương Giang.

VŨ THÁI PHI

*S*ự sa đoạ của Trịnh Giang

Trịnh Giang là con của chúa Trịnh Cương và Vũ Thái Phi. Khi còn bé đã được phong là Thế tử, lớn lên có nhiều biểu hiện kém nhân cách. Nguyễn Công Hãng đã tâu bày với Trịnh Cương, Trịnh Cương còn đang suy nghĩ thì đột ngột mất.

Năm 1729, Trịnh Giang lên nối ngôi chúa, không đi tiếp con đường của cha, trái lại chơi bởi sa đoạ, làm cho tình hình đất nước ngày càng tồi tệ. Lại vu cho (vua) Lê Duy Phường tư tình với cung phi tiên đế, giáng vua làm Hòa Đức Công, bắt thất cổ chết (1735). Rồi Trịnh Giang bị sét đánh gần chết, rất sợ hãi sấm sét. Bọn hoạn quan Hoàng Công Phụ dâng kế đào đất, làm cung Thuởng Trì dưới hầm để ở. Trịnh Giang còn thông dâm với vợ lẽ của bố là Kỳ viên phi Đặng Thị. Bà mẹ Giang là Vũ Thái Phi đã bắt Đặng Thị phải tự tử.

Cung Thuởng Trì ở xã Hoàng Mai, huyện Thanh Trì. Trịnh Giang sau này ở lì trong đó, các quan triều thần có việc phải xuống hầm tâu bày. Hoạn quan tha

hồ lũng đoạn, xã hội càng thối nát, rối ren. Khởi nghĩa của nhân dân nổ ra khắp nơi.

Cuộc vận động đảo chính của Vũ Thái Phi

Vũ Thái Phi là vợ của Trịnh Cương, đẻ ra Trịnh Giang và Trịnh Doanh. Thấy tình hình Trịnh Giang quá bê tha, mà việc nước thì bê bối để khởi nghĩa nổ ra ở khắp nơi như Lê Duy Mật ở Thanh Hoá, Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ ở Ninh Xá..v..v... Nên bà quyết định phải lật đổ Trịnh Giang, để cho Trịnh Doanh lên thay thế.

Thái Phi cho họp quân thân, triệu tập Nguyễn Quý Cảnh để giao nhiệm vụ ấy. Nguyễn Quý Cảnh bàn bạc với các ông Nguyễn Công Thái, Trịnh Đại, Vũ Tất Thận, Nguyễn Đình Hoàn, tất cả cùng nhất trí chủ trương này.

Họ bí mật sang xin chỉ dụ của nhà vua, rồi tập họp nhau tại phủ đường, tôn Trịnh Doanh lên ngôi chúa. Bọn hoạn quan và Hoàng Công Phụ đem binh lính đến, định can thiệp, đều bị tiêu diệt.

Trịnh Doanh lên ngôi, xếp cho Trịnh Giang làm Thái Thượng vương, dùng Nguyễn Quý Cảnh và Nguyễn Công Thái làm bồi tụng.

Ông công bố 15 điều dụ để ổn định tại tình hình, khiến cho mọi người trong Kinh, ngoài trấn đều rất vui vẻ, an tâm. Trịnh Doanh còn tiến hành các việc.

- Cho người ra cung Thượng Trì bắt đồ đảng của Hoàng Công Phụ ...

- Trả lại chức tước của bấy tôi đã mất như Lê Đình Tuấn, Đỗ Bá Phẩm, những người bị truất giáng như Vũ Công Tuấn, Lê Trọng Thứ, Đỗ Huy Kỳ.v.v... đều được mời trở lại chức vụ.

- Bãi bỏ mọi việc xây dựng.

Tiếp đó là các ông Vũ Công Tế, Nguyễn Quý Cảnh, Nguyễn Công Thái đều làm tham tụng, giúp đỡ Trịnh Doanh.

Cuộc hành quân kỳ lạ

Dưới thời chúa Trịnh Doanh, cả miền Bắc nước ta sôi động vì những cuộc khởi nghĩa của nông dân. Liên tiếp có các phong trào Ngân Già, Minh Xá, Quận Hảo, Quận He, Hoàng Công Thất, Lê Duy Mật nổi lên, làm cho triều đình hoảng hốt. Tháng 11 năm Canh Thân (1740), Trịnh Doanh phải tự mình cầm quân tiến về Lạc Đạo (Hà Nam) để đánh Vũ Đình Dung, lãnh tụ của nghĩa quân Ngân Già. Thừa dịp quân lính tướng tá theo Trịnh Doanh đồn hết về phương Nam, Kinh thành Thăng Long trống trải. Nghĩa quân do Nguyễn Tuyển cầm đầu, đang hoạt động ở Thuận Thành (Bắc Ninh) kéo thẳng về Bồ Đề, uy hiếp Thăng Long. Tình hình thật vô cùng nguy ngập. Bà Vũ Thái Phi (mẹ Trịnh Doanh) một mặt huy động tất cả vệ binh, lính hầu và dân chúng ra chặn các cửa thành, mặt khác vội cho người hoá tốc chạy về các trấn để cáo cấp. Sử sách xưa đã ca ngợi bà. Vào lúc không còn tướng tá nào ở

nhà, bọn quan văn không ai có mẹo mực gì, bà Thái Phi đã tự mình đôn đốc để bảo vệ Kinh thành. Như thế bà rõ ràng là một người rất tài giỏi.

Các vị trấn thủ ở các nơi, tiếp tin kinh đô bị uy hiếp, đều cuống cuống cho binh về cứu. Nhưng thực ra, trấn nào cũng ở xa và đều bị vướng. Trấn Kinh Bắc là nơi phải đối phó với phong trào Ninh Xá, đường về Kinh đã bị chặn. Trấn Sơn Nam phải phối hợp với Trịnh Doanh để chống với quân Ngân Già. Chỉ còn trấn Sơn Tây. Vị trấn thủ ở đấy, lúc bấy giờ là Văn Đình Dân, vội vàng đem quân về cứu.

Tuy Sơn Tây cách Thăng Long không xa lắm, nhưng quân Ninh Xá từ Thuận Thành về Bồ Đề, còn gần hơn quân Tây Sơn về Hà Nội đến quá nửa đường. Vì vậy, viện binh phải thần tốc ngày đêm mới về Kinh thành trước được. Văn Đình Dân không cho quân lính kịp nấu ăn. Ông ra lệnh cho mỗi cơ lính mang theo một cái nồi lớn, gạo ngâm sẵn ở trong đó. Hai người gánh chạy theo đoàn quân, một người cầm bó đuốc lớn vừa đi vừa đốt dưới nồi, cháy hết bó này thì thay bó khác. Khi cơm chín tới thì cả cơ lính vừa đi vừa chia nhau ăn, chứ không được dừng lại phút nào.

Nhờ sáng kiến ấy, quân ở Tây Sơn đã kịp về đến Thăng Long lúc trời vừa tối. Lúc ấy, nghĩa quân của Nguyễn Tuyển đã đồn cả trên bờ Bắc sông Hồng, đang chuẩn bị nhảy xuống năm trăm chiếc thuyền nan để qua sông. Văn Đình Dân vội cho quân bản bộ ra giữ

bến sông và bắt dân chúng ở các phố phường, mỗi người vác một cây sào, hai đầu thắp hương đèn cắm vào, đang đêm tối kéo nhau ra liên tiếp bày hàng lần vào đám lính tráng đang dàn ở bến sông. Phía bên kia, quân Ninh Xá thấy đống lửa thắp thoáng, cho là các súng hoả mai đang mồi. Họ đoán là triều đình đã có đại quân cứu viện, nên không dám ham đánh, vội vàng rút đi. Kinh thành nhờ thế mà được vô sự.

Văn Đình Dận nhờ có công này, nên được phong tước Quận Công. Ông là thân sinh của Văn Đình Úc, cũng là một võ tướng, làm lưu thú Thái Nguyên. Vì đã khôi phục được trấn này, đuổi quân Mạc ra khỏi Châu Võ Nhai. Hai cha con là người xã Lạc Phố, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Sách Kiến Văn tiểu lục của Lê Quý Đôn ghi: Văn Đình Dận là người đỗ đầu tạo sĩ năm 1725.

Nhờ sự giúp sức của Văn Đình Dận, kinh thành Thăng Long được bình an. Nhưng nếu không có sự mưu trí quyết đoán và tài chỉ huy của bà Vũ Thái Phi, giữa lúc kinh thành Thăng Long nguy nan, thì không biết sự thế sẽ bị dắt đến thế nào.

KÍNH PHI NGUYỄN THỊ

Đám thị nữ của Chiêu Nhân Nguyễn Thị mặt rầu rĩ, đau khổ, chủ của chúng vừa mất, Chiêu Nhân mất khi nàng còn quá trẻ. Nàng vốn là con nhà nghèo, phải gán cho phủ Phụng Thiên. Khi phủ này mắc tội, đám thị nữ như nàng được sung vào làm quan tỳ, hầu hạ ở cung Quán Ninh hoàng hậu. Một lần đến với hoàng hậu, vua Hiến Tông thấy nàng dáng vẻ kiều mị, thướt tha, xinh xắn, liền đem về làm phi. Rồi nàng vừa sinh được một hoàng nam, chưa kịp hưởng hạnh phúc làm mẹ, đã qua đời.

Trong cung, người gần gũi và thương xót nàng nhất là Kính Phi Nguyễn Thị. Kính Phi cũng là người phải gán làm quan tỳ như Nguyễn Thị nên có sự cảm thông đặc biệt. Kính Phi người xã Hoa Lãng, huyện Thùỵ Dương, được hầu vua Hiến Tông đã lâu, không có con. Bởi vậy, khi Chiêu Nhân sinh được hoàng nam, bà vui mừng không kém Chiêu Nhân. Nhưng nàng bạc phận, chẳng được hưởng phúc. Trước khi nhắm mắt, Chiêu Nhân nắm tay Kính Phi trăng trối lời cuối cùng: Xin Kính Phi thương lấy đứa nhỏ sớm mất mẹ. Kính Phi vượt mất cho nàng mà lòng đau đớn, thốn thức mãi.

Nghe tin Chiêu Nhân mất, Hiến Tông đến cung nàng, thấy Kính Phi đau khổ, mắt đỏ hoe, ngồi bên giường người quá cố. Vừa thấy nhà vua nàng sụp lạy:

- Muôn tâu thánh thượng, Chiêu Nhân vừa qua đời. Hoàng nam đã được đưa sang phòng bên. Thần thiếp muốn xin thánh thượng gia ân.

Vua Hiến Tông ngạc nhiên, rầu rầu hỏi:

- Khanh muốn ta gia ân điều gì?

- Muôn tâu, thần thiếp được hưởng ơn mưa móc của thánh thượng đã lâu, nhưng cho đến nay, vẫn chưa có con. Xin thánh thượng ban cho thiếp được quyền nuôi hoàng nam, để thiếp làm tròn lời hứa với Chiêu Nhân trước khi nàng qua đời.

Hiến Tông vui mừng: “Được, từ nay khanh sẽ là mẹ của hoàng nam, ta hứa sẽ chu cấp cho khanh đầy đủ”.

Hiến Tông mệt nặng, nằm thêm thiếp trên giường bệnh. Các quan ngự y lúc nào cũng túc trực bên long sàng. Trong khi ấy, ở bên ngoài, các thân vương đang tranh nhau, muốn lên ngôi thiên tử. Theo di chiếu của Hiến Tông, Túc Tông sẽ được lên ngôi. Nhưng nhiều cuộc vận động ngấm ngầm ráo riết đang được tiến hành.

Kính Phi Nguyễn Thị cũng đang theo dõi chặt chẽ mọi diễn biến trong triều, ngoài nội. Nàng suy nghĩ mãi, làm thế nào để đưa được con của Chiêu Nhân Nguyễn Thị, cũng là con nuôi của nàng lên ngôi. Tối

hôm ấy, Kính Phi kín đáo tới dinh thượng thư Đàm Văn Lễ, đem vàng đến biếu, và nói:

- Ta có chút lễ mọn biếu ông, nếu ông giúp cho hoàng tử của ta lên ngôi, ta sẽ không quên ơn.

Trong thâm tâm thượng thư họ Đàm đã có ý đưa Túc Tông lên ngôi, theo đúng di chỉ của nhà vua, ông khéo léo từ chối: Thần tuy là quan đầu triều, nhưng việc này, đâu có phải một mình thần quyết định được. Hơn nữa, bệ hạ đã xuống chiếu đưa hoàng tử Túc Tông lên kế vị ngài rồi.

Biết chuyện, Lê Uy Mục bực lắm. Kính Phi Nguyễn Thị an ủi con:

- Hoàng nam hãy bình tĩnh, thua keo này, ta bày keo khác. Nếu số trời định cho con lên ngôi, mẹ sẽ cố giúp con.

Quả như ý Kính Phi, Túc Tông ốm yếu, ở ngôi chưa đầy năm thì mất. Kính Phi bàn với nội thần Nguyễn Nhữ Vỹ, lừa Thái hậu ra khỏi triều, đưa Lê Uy Mục lên ngôi.

Ngày Uy Mục lên ngôi, vua rất cảm ơn bà. Tháng 4 năm Đoan Khánh thứ nhất (1505), vua làm Tôn Tự Đường ở Hoa Lãng để thờ tổ tiên bà và cất nhắc những người trong họ của bà. Về sau, vua Tương Dực khởi binh kéo vào kinh đô, cho rằng họ hàng nhà bà làm càn, hạ lệnh giết sạch.

THÁI PHI NGỌC HOAN

Ngọc Hoan vào nội cung chơi với chị là cung tần của Ân Vương (Trịnh Doanh), chị của Ngọc Hoan là người được chúa Trịnh Doanh rất sủng ái. Nàng nói gì Ân Vương cũng nghe theo. Khi Ngọc Hoan tới, Ân Vương đã ngồi chơi ở cung của chị nàng rồi. Theo lời thỉnh cầu của chị nàng, ngài muốn xem mặt Ngọc Hoan để đưa vào làm thiếp hầu Trịnh Sâm.

Thấy Ngọc Hoan xinh đẹp duyên dáng, nên Ân Vương đồng ý cho nàng nhập cung. Tuy nhiên, cuộc sống trong cung lại buồn thảm, cô quạnh. Ngọc Hoan vào cung đã lâu nhưng không được Trịnh Sâm vờ đến. Nàng buồn bã kể lể với chị. Chị nàng sống lâu trong cung, thấu hết sự tình cô quạnh của các mỹ nữ, cung tần, nên rất thông cảm với em, chị nàng nói:

- Em hãy yên tâm, chị sẽ gắng nhờ quan Khê Trung Hầu giúp em. Ở trong cung này, ai được vào gặp nhà chúa ngày nào là đều phải nhờ Khê Trung Hầu cả. Sau

đó, chị nàng đã đem vàng đúc lót cho Khê Trung Hầu, nhờ ông nghĩ cách giúp Ngọc Hoan.

Hôm ấy, chúa Trịnh Sâm cho vời Cung phi Ngọc Khoan, nhưng Trung Hầu giả nghe lầm, đưa Ngọc Hoan vào. Chúa thấy Ngọc Hoan thì giận Khê Trung Hầu lắm, nhưng không nỡ để Ngọc Hoan ra. Sau gọi Khê Trung lại mắng:

- Sao người dám trái lệnh, ta bảo cho Cung phi Ngọc Khoan tới cơ mà?

- Tâu chúa, thần đáng muôn chết, xin chúa thượng thứ lỗi, mấy hôm nay thần cứ băn khoăn mãi về Thái phi Ngọc Hoan. Hôm trước, nàng có tâm sự với chị nàng ở bên cung Ân Vương rằng nàng nằm mơ thấy một vị thần ban cho một tấm đoạn có vẽ hình đầu rồng. Thần hiểu đó là điềm báo sinh thánh, nên khi chúa thượng cho vời Cung phi Ngọc Khoan thần lại nghĩ là Ngọc Hoan.

Nét mặt Trịnh Sâm dịu lại, ngài cho Khê Trung Hầu lui.

Năm sau (1763), Thái phi Ngọc Hoan sinh hoàng tử Trịnh Tông. Tông càng lớn càng đẹp, nhưng vì chúa không yêu mẹ nên chẳng thiết đến con. Đến tuổi được lập phủ, chúa chần chừ mãi, có ý dành ngôi cho Trịnh Cán, con của Tuyên phi Đặng Thị Huệ. Bởi vậy, Tông cùng một số quan trong triều bàn mưu phế lập. Họ định giết quận Huy, giam mẹ con Đặng Thị Huệ lại, ép các đại thần dựng Tông lên ngôi.

Một tay chân thân tín của Đặng Thị Huệ biết tin, bèn tâu lên nhà chúa. Trịnh Sâm tức giận, xuống chiếu bắt Trịnh Tông dầy đi xa. Khi chúa ốm nặng rồi qua đời, Trịnh Cán lên nối ngôi khi còn nhỏ quá, mọi việc trong phủ, Thị Huệ phải nhờ quận Huy giúp đỡ. Lúc đó, trong kinh thành có nhiều điều xì xào và đồn đại câu:

Trăm quan có mắt như mờ

Để cho Huy quận vào rờ Chính cung.

Bài ca đó cứ không cánh mà bay xa, Trịnh Tông bèn chớp lấy cơ hội kéo quân về phủ nổi loạn. Giết quận Huy và Tuyên Phi. Sau đó, sai quan Tham tụng Tứ Xuyên Hầu thay Trịnh Cán làm tờ khai, xin tự xuống làm Vương đệ. Trịnh Tông lên ngôi.

Sau lễ đăng quang của Trịnh Tông, các quan kéo nhau tới chúc mừng Thái phi. Khi họ đã lui, Thái phi vẫy mấy thị nữ rồi cùng bước ra vườn thượng uyển. Lần đầu tiên, kể từ khi nhập cung đến nay, bây giờ Thái phi mới cảm thấy hương sắc của hoa, nàng ngắm và thưởng thức chồi non, biếc nhú, muôn màu rực rỡ, và ngát hương thơm của vườn hoa, báo hiệu mùa xuân mới đang tới.

CUNG HOÀNG NGUYỄN QUÝ PHI

Quý phi họ Nguyễn, người xã Da Ngưu, huyện Văn Giang, là con gái của Thông quốc công Nguyễn Thời Trung khi vua lên ngôi, người đã đưa nàng vào cung cùng với con gái Lý quốc công Đào Đại La làm quý phi, hai người đều chưa có con. Trong triều có biến, đại thần Mạc Đăng Dung chuyên quyền, đã tiếm ngôi vua. Không chỉ thánh thượng, mà cả Minh Tông Hoàng Thái hậu đều bị bắt giam ở cung Tây Nội. Hai Quý phi cũng bị phế truất ở Tây Cung. Nguyễn Quý phi và Đào quý phi theo vua cực kỳ gian khổ. Khi Đăng Dung sắp sửa cắt đứt không cho ăn uống, Lý quốc công biết được, giả vờ cáo bệnh, sai người đón con gái mình về. Thông quốc công Nguyễn Thời Trung cũng bàn gia nhân, cáo bệnh, sai người nhà đón bà về.

Giữa lúc ấy, ở Tây Cung, Quý phi họ Nguyễn đang tựa song cửa, nét mặt buồn rầu, đau khổ. Nhà vua đã bị Mạc Đăng Dung bắt giam. Thậm chí, cả Hoàng

Thái hậu cũng không tránh khỏi số phận bi thảm ấy, họ Mạc còn phế truất tất cả các phi tần của Cung hoàng. Nhiều người đã tìm cách để thoát ra khỏi nội cung. Riêng nàng, nàng chẳng may may có ý định đó. Nỗi đau về Hoàng thượng bị bắt giam đã lấn át tất cả. Nàng đứng vững với mọi chuyện, sẵn sàng đón cái chết. Bỗng một giọng thì thào gọi:

- Thừa tiểu thư ...

Nàng quay ngoắt lại, lão bộc đang nhìn nàng với vẻ đầy thương cảm. Nàng mừng rỡ, vội hỏi:

- Lão bộc, cha ta thế nào? Có khỏe không? Ôi, làm sao ông lại vào được đây cơ chứ?

Lão bộc không trả lời, chăm chú nhìn nàng đầy thương xót. Tiểu thư vẫn trẻ, đẹp, xinh xắn như hồi ở nhà chưa nhập cung. Lão cứ tưởng rằng được phong làm Quý phi, cuộc đời nàng sẽ hạnh phúc sung sướng lắm, ai ngờ đâu, tiểu thư lại có ngày hôm nay, lão thương cô chủ nhỏ bé đến xót xa, không nói được nên lời.

- Sao thế? Sao lão không trả lời cho ta biết, sức khỏe cha ta thế nào, có chuyện gì không?

- Thừa tiểu thư... Thông quốc công đang bệnh nặng, muốn gặp mặt tiểu thư.

Quý phi im lặng một lát, nàng đã hiểu cuộc viếng thăm của người lão bộc trung thành này. Cha nàng lại muốn lấy cớ cứu nàng, thác bệnh như Lý quốc công chăng? Nàng quay sang dịu dàng hỏi:

- Lão bộc ơi! đừng giấu ta nhé, có phải cha ta vẫn khỏe, phải không?

Lão bộc cũng người, nhưng lặng lẽ gật đầu. Lão không thể nói dối nàng, tiểu thư bé nhỏ mà lão vừa yêu thương, vừa quý trọng từ xưa tới nay.

- Lão về nói giúp với cha ta: “Ta chẳng thể rời khỏi nơi đây mà đi trong khi thánh thượng đang vận hạn, bị bỏ đói thế này. Ta đã hầu vua thì sống chết cùng với vua, chứ không có lý gì mà bỏ về được. Mai kia, nếu chẳng may, cha ta có trăm tuổi, đã có anh và em ta, và lại cũng còn có lão ở bên cạnh cha ta nữa. Xin cha ta hãy tha tội bất hiếu cho ta”.

Biết không lay chuyển được Quý phi, lão bộc đành trở về nói lại với Thông quốc công những lời của nàng.

Thông quốc công liền sai người hầu đến đón lần nữa, vẫn không được. Cuối cùng, cho đem vồng đến, một người hầu bế thốc bà lên, đặt vào vồng, cáng về, bất chấp quý phi không đồng ý.

Quý phi giãy giụa, gào khóc thực thảm thiết, trời đất bỗng tối sầm lại, cơn giông tố kéo đến âm âm. Về tới nhà, Quý phi vẫn vật vã khóc than, không chịu ăn uống gì, gầy mòn héo hắt mà chết. Ai cũng thương cảm, xót xa.

TUYÊN PHI ĐẶNG THỊ HUỆ

Tiếp Dư Trần Thị Vịnh sai nữ tỳ Đặng Thị Huệ bưng một bình hoa huệ mà nàng đã cùng nữ tỳ này ra tay chăm bón, săn sóc gây nhuộm mãi mới có, đó là bình hoa huệ năm màu, đến nơi chúa đang ngồi. Đặng Thị Huệ uyển chuyển tiến vào, quỳ xuống dâng bình hoa. Trịnh Sâm nhìn thấy bình hoa lạ, đủ năm màu sắc trắng, đỏ, hồng, vàng và tím vừa rực rỡ vừa ngào ngạt đưa hương, mà lại do một mỹ nhân duyên dáng, mắt phượng mày ngài đang quì trước mặt chúa, dâng lên. Trịnh Sâm ngây ngất trước sắc đẹp của nàng Huệ và cả hoa huệ nữa. Từ đấy, chúa luôn cho gọi Huệ vào châu. Đặng Thị khéo léo, biết cách uốn éo, làm vừa lòng chúa, nên chẳng bao lâu chúa cho Huệ vào ở liền trong cung với chúa như vợ chồng, không phải ở nơi khác như các cung tần, các phi khác, chỉ ráp mặt rồng khi được chúa vời tới.

Chúa yêu Huệ lắm, chả thế mà việc gì cũng bàn với Huệ. Tình cảm của chúa đối với nàng không hề nhạt phai theo ngày tháng, mà trái lại ngày càng tha thiết, sâu đậm, đắm say. Chúa phong nàng là Tuyên phi, ban cho nàng bao nhiêu là thứ quý giá và sẵn sàng chiều theo mọi ý thích của nàng, dù nhỏ nhất nhất, Đặng Thị Huệ rất hay vật vã giận hờn, kêu khóc khi gặp chuyện trái ý. Trịnh Sâm, con người đầy quyền uy ấy, ngày càng chịu lép trước người con gái xinh đẹp mà quá sắc sảo này.

Một hôm, thấy Trịnh Sâm dặt một viên ngọc dạ quang to, rất đẹp của sứ giả nước Chân Lạp mới cống, Thị Huệ liền cầm lấy xem. Trịnh Sâm dặn:

- Nàng nhẹ tay, đừng làm cho ngọc bị xây sát!

Huệ tức giận, cầm viên ngọc ném mạnh xuống đất, rồi tức tưởi khóc lóc:

- Làm gì cái viên ngọc này, chẳng qua vào Quảng Nam, kiếm giả chúa một hạt là cùng, sao chúa nỡ trọng của, khinh người thế!

Nàng giận dỗi khóc lóc rồi bỏ đi ở cung khác. Chúa chạy theo van xin không nổi. Giận lắm, định trừng phạt con người kiêu rông ấy, nhưng nhớ lại ánh mắt, nụ cười của nàng, bao nhiêu ý định của chúa đều tiêu tan hết. “Không thể sống thiếu nàng đành phải chiều, lụy nàng thôi”- Trịnh Sâm nghĩ vậy và sai người đi mời nàng nhưng không được,

nàng thoái thác không chịu đến. Chúa đành phải thân hành tới dỗ dành, và hứa sẽ chiều mọi sở thích của nàng. Đặng Thị Huệ mới bỏ qua cho chúa. Nàng khẽ mỉm cười chúa dìu nàng cùng về cung, ngài cảm thấy mình hoàn toàn hạnh phúc.

Trịnh Sâm sốt ruột, đi đi, lại lại, chờ tin tức bên hậu cung, bởi Tuyên phi đang trở dạ, khi được tin nàng sinh con trai, chúa mừng lắm, vội vàng, hấp tấp cùng quan hầu sang nội cung thăm hoàng tử. Chúa nói:

- Ta đặt tên cho con nàng là Cán. Đó là tên gọi của ta ngày xưa.

Đặng Thị Huệ vô cùng mãn nguyện, được chúa yêu chiều hết mức, nay lại sinh hoàng tử. Huệ bắt đầu có ý muốn giành ngôi kế vị cho con mình.

Bấy giờ, Thái phi Ngọc Hoan có con trai là Thái Tử Tông. Tông càng lớn càng khôi ngô, sáng sủa. Khi Tông đến tuổi lập phủ, các quan nhắc thì Trịnh Sâm im lặng. Thâm tâm ngài rất yêu Đặng Thị Huệ và Trịnh Cán nên đã có ý khác. Bởi vậy nên nói:

- Thái phi nằm mơ thấy thần cho tám đoạn vẽ đầu rồng. Đầu rồng đâu có phải là rồng thật. Chuyện lập phủ Thái tử, các khanh hãy khoan nghĩ tới, để ta tính đã.

Từ đó, Huệ càng ra sức chiều chuộng, quán quít Trịnh Sâm hơn. Trịnh Tông lo lắng, có ý phản đối, tạo

loạn. Một tay chân thân tín của Huệ mách với nhà chúa. Trịnh Sâm giận lắm, bèn quyết định, xuống chiếu phong Trịnh Cán là Thế tử, sẽ là người kế vị.

Từ hôm chúa Trịnh Sâm mệt nặng, xem chừng khó qua, Đặng Thị Huệ ngày đêm túc trực, săn sóc, không rời nửa bước. Huệ có ý không cho chúa gặp bất cứ một cung phi nào. Tuy đã sắc phong cho Trịnh Cán làm Thế tử, nhưng Huệ vẫn lo vào lúc này, chúa có thể thay đổi quyết định. Cả khi Thái hậu vào thăm chúa, Huệ cũng quanh quẩn gần đấy, chứ không chịu lui ra ngoài. Khiến mấy lần Thái hậu ngập ngừng muốn hỏi lại con, rồi cũng đành thôi.

Bệnh của Trịnh Sâm ngày càng trầm trọng, trước phút lâm chung của chúa, Huệ quì xuống bên chúa khóc mà rằng:

- Thiếp nhờ chúa thương quá thương, nên có nhiều kẻ thù ghét, rồi mai đây, không biết mẹ con thiếp sẽ gửi thân vào đâu! Chúa nói:

- Thế tử chính thức lên ngôi Đông Cung, khanh là mẹ của thiên hạ rồi, chớ có lo lắng quá làm gì - Rồi chúa gọi Huy quận vào dặn dò hãy giúp đỡ Tuyên phi và Thái tử.

Sau khi Trịnh Sâm mất, Tuyên phi Đặng Thị Huệ biết rất rõ ràng: Dân chúng khắp kinh thành đang đồn đại về mối tình của bà với quận Huy. Có sáu cố mệnh đại thần được ủy thác của chúa thì chỉ

có một mình quận Huy có thực quyền, được phép ra vào trong cung cấm, chuyện trò to nhỏ với Tuyên phi, nói là bàn chuyện quân quốc trọng sự, người hầu phải ra ngoài hết. Trong phòng riêng kín đáo, chỉ có bà và quận Huy kê vai sát cánh. Không phải thiên hạ độc môn, độc miệng.

Chính quận Huy đã kể với nàng rằng ông đã phải đe dọa dùng hình phạt cực kỳ độc ác để trấn áp dư luận, mà không kết quả, không dập tắt được những câu ca như:

*Trăm quan có mắt như mờ
Để cho Huy quận vào rờ Chánh cung
Dục cùn thì giữ lấy Tông
Dục long cán gãy, còn mong nổi gì!*

Do đó, Tuyên phi Đặng Thị Huệ ngày đêm lo lắng, lo sao giữ chắc ngôi báu cho con, lo cho phe cánh của mình được vững vàng, lo đề phòng Trịnh Tông lật đổ Trịnh Cán vì y vẫn còn được nhiều người ủng hộ. Và rồi Thị Huệ cũng không nén được những xao xuyến, dần vật khi nghĩ tới quận Huy. Nàng cũng nhớ lại, quả là Trịnh Sâm đối với nàng quá hậu. Từ ngày có Huệ, Trịnh Sâm đã quên hết các cung tần mỹ nữ khác. Ông bỏ rơi cả ba bà phi đã có một thời được sủng ái là Dương Ngọc Hoan, Trần Thị Lộc và Trương Ngọc Khoan. Chúa cho Huệ được nghe chuyện triều đình, theo ý Huệ cất nhắc, bổ dụng một số người, để chiêu lòng người đẹp, Trịnh Sâm buộc phải gả con gái yêu

của mình cho Đặng Mậu Lân, em trai nàng, một tên côn đồ, hung bạo. Hắn làm biết bao chuyện tàn nhẫn, hãm hiếp gái nhà lành, giết cả quan đại thần, mà vì nàng, Trịnh Sâm không dám bắt tội. Đưa hắn đi giam thì phải dùng kiểu rước, cờ quạt tống tiễn như một cuộc vinh quy. Vì yêu nàng, chúa hạ Trịnh Tông xuống làm con út và cũng vì nàng, Trịnh Sâm đã lập Trịnh Cán làm chúa, lấy hiệu là Điện Đô Vương.

Thị Huệ xuất thân từ một gia đình nghèo, ở làng Phù Đồng, xứ Kinh Bắc, mẹ mất sớm, cha là một ông đồ xác ở nông thôn. Huệ lúc bé chỉ là một cô gái hái chè ra chợ bán, kiếm tiền sinh sống. Tự biết mình có chút nhan sắc, Huệ tự nguyện vào cung, tìm mọi cách để được chúa để ý tới mình, để trở thành cung phi. Nhân dân thường gọi nàng là “Bà chúa chè”. Nhưng Thị Huệ chưa thỏa mãn, nàng muốn thành Vương hậu, một Vương hậu chấp chính, quyền hành.

Nhưng dự định sâu sắc, lâu dài của Đặng Thị Huệ đã không thành công vì Huệ và quận Huy đã gây nhiều sự công phẫn cho mọi người, từ trong triều chính đến nhân dân. Nên tháng 10 năm Tân Dậu (1781) binh lính tam phủ đã nổi loạn, truất ngôi của Trịnh Cán, giáng xuống làm Cung quốc công, đập phá nhà cửa, giết chết Hoàng Đình Bảo, đưa Trịnh Tông lên ngôi chúa, lập thành Đoan Nam Vương (1782). Phe cánh của Đặng Thị Huệ bị truy lùng, trả thù khốc liệt. Bà Dương Ngọc Hoan, mẹ đẻ của Trịnh Tông, đã bị

Trịnh Sâm ruồng bỏ, trở lại nắm ngôi mẫu hậu, đã bắt Đặng Thị Huệ đánh đập rất tàn tệ rồi giam vào ngục. Cho đến ngày giỗ Đại tường chúa Trịnh Sâm mới được đưa ra, cho dự lễ. Tuyên phi đã gào khóc và tự tử trước bàn thờ chồng (1784).

VƯƠNG PHI PHÙNG NGỌC ĐÀI

Vương Phi Phùng Ngọc Đài quê ở Thông Khê, làng Bảo Ngũ (Vụ Bản, Nam Hà). Hai lần lập gia đình, bà đều bị goá chồng sớm. Nhưng bà nổi tiếng là một danh ca tài nghệ và có nhan sắc tuyệt vời. Chúa Trịnh Trang rất say mê bà, đã đưa bà vào phủ Chúa, cho bà làm cung nhân, dần dần bà được phong đến bậc Vương Phi.

Tuy ở ngôi cao, được sống vinh hiển trong phủ Chúa giữa kinh thành Thăng Long tráng lệ, được chúa Trịnh Trang rất yêu quý, nhưng bà vẫn luôn nghĩ đến dân làng, bà thấu hiểu cuộc sống của họ rất nghèo khó, vất vả. Bà thấy Chúa thường bắt dân xây dựng cung đình, cuộc sống rất xa hoa lãng phí, bà đã xin Chúa miễn cho dân làng mình cũng như một số nơi về gánh nặng phu dịch, thuế khoá. Bà lại tìm cách cho nhà Chúa chứng kiến cảnh sống cực khổ, đói rách toi tả của nhân dân một số nơi, bằng cách: Bà báo cho những dân công đang

phục vụ xây dựng những công trình dinh thự cho Chúa, khuyên họ phải phô bày cuộc sống thực, đang cơ cực của mình cho nhà Chúa biết, thể hiện trong cách ăn, mặc khi gặp Chúa. Rồi bà đòi chúa Trịnh Trang cho đi thăm quan những nơi cung đình, dinh thự đang được xây dựng của nhà chúa. Do đó, sau khi chứng kiến cảnh lao động vô cùng vất vả và khổ cực, cộng với những bữa ăn quá khổ, thiếu đói và rách rưới của người dân lao động, nhà Chúa đã nghe lời khuyên của bà, hạ lệnh bớt các công trình xây dựng xa hoa, không cần thiết và cũng đã đặc cách chu thêm cấp lương tiền, quần áo cho dân những vùng quá nghèo khó. Do vậy đời sống của dân nghèo ở một số nơi, như Nam Hà rất biết ơn bà.

Bà cũng là người sùng đạo Phật, đạo Mẫu và có tâm đạo. Ở huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Hà, quê bà, có một hệ thống kiến trúc thờ Phật, thờ chúa Liễu và Tứ Phủ Thánh Mẫu, kiến trúc công phu và rất đẹp. Đây là một vùng đồng bằng, với những cánh đồng lúa bát ngát xanh tươi, có dòng sông hiền hoà, uốn khúc quanh co, tạo nên cảnh sắc thiên nhiên rất nên thơ, có Phủ thờ Mẫu Liễu Hạnh, nổi tiếng linh thiêng. Hàng năm, vào đầu xuân, người dân muôn nơi đổ về Phủ Giầy nơi có phong cảnh tươi đẹp, có công trình đền phủ nguy nga để cầu Mẫu, mong được những điều tốt lành, may mắn, mong được Mẫu tế độ cho mình.

Vương Phi Phùng Ngọc Đài cũng thường về dự lễ Hội Mẫu. Bà đã gợi ý cho dân vùng Thiên Bản: nên tổ chức các cuộc vui vào những kỳ thi khóa Hội ở đền Mẫu Phủ Giầy, cho Hội thêm tưng bừng và long trọng. Rồi bà dạy dân múa, hát thờ để dâng cúng Mẫu. Bà có sáng kiến dạy dân, đặt ra trò kéo chữ (sắp chữ và các hình bằng người), có cờ, có trống điều khiển, đội cờ lượn múa, rồi xếp thành hình các chữ như:

Quốc thái, dân an – Thiên hạ thái bình..v..v...

Từ đó thành lệ của Hội Phủ Giầy. Hàng năm, cứ đến ngày 7 tháng 3 là ngày có cuộc vui kéo chữ. Đó là nét độc đáo nhất của lễ Hội Phủ Giầy. Ngoài ra bà cũng luyện cho họ nhiều hình thức vui chơi khác nữa trong ngày Hội như hát chèo, ca trù, hát chầu văn.v..v... Các hình thức thi đấu, mang tính chất thượng võ, như đấu vật, kéo co, đánh cờ.v..v...

Khi bà mất, dân lập đền thờ là đền Phủ Thông, hoành phi trong đền có chữ:

- Quốc sắc thiên hương và Lục kỳ chi nhất:

Có nghĩa là: Vương phi là một trong sáu người nổi tiếng ở huyện Thiên Bản và được tôn làm Thành Hoàng làng Bảo Ngũ.

Ở Thiên Bản cũng có thành ngữ: “Thiên Bản lục kỳ”, nói về sự lạ ở Thiên Bản: có 6 người tài ba, kỳ lạ ở huyện này là: Công chúa Liễu Hạnh, Trạng nguyên Lương Thế Vinh (Thành Hoàng làng Tào Vương), Đề

Sát (Thành Hoàng làng Vân Cát và ba vị Thành Hoàng làng Bảo Ngũ: Bà chúa Giáp, Bà Vương Phi Phùng Ngọc Đài và Cường bạo Đại Vương).

Cách múa cờ sắp chữ ở Phủ Giầy

Trước kia, hàng năm, cứ tới ngày mở hội Phủ Giầy thì mỗi Tổng trong huyện Vụ Bản phải góp 10 phu cờ, tuổi từ 20 đến 35 tới góp tổ chức Hội. Cả huyện có 10 tổng, gộp thành 100 phu cờ. Ngoài ra còn có một số tổng khác như Mỹ Lộc, Bình Lục nhờ tục cũ, cũng góp thêm người vào cuộc vui của Hội này.

Phu cờ ăn mặc đồng phục, áo cánh vàng, quần trắng, đầu đội khăn đen, có phủ dải lụa vàng ra ngoài, chân đi tất. Mỗi người còn vác một cây gậy dài bốn, năm thước, trên đầu gậy buộc một cái ngù bằng lông gà nhuộm màu, các đốt gậy đều dán vòng xanh đỏ có tua. Chỉ huy toàn bộ những phu cờ có Tổng cờ.

Đoàn phu cờ tập trung tại một địa điểm nào đó, rồi lần lượt theo chỉ huy của Tổng cờ, đi hàng đôi, tới khoảng đất rộng trước phủ chính. Khoảng giữa trưa, có lệnh của Tổng cờ, cho chuẩn bị đến giờ sắp chữ (còn gọi: ngả chữ). Giữa tiếng trống cái, trống con gõ liên hồi rộn rã, theo cờ lệnh trong tay Tổng cờ. Các phu cờ tiến lên, lui xuống, đứng lên, ngồi xuống, sắp cho thành hình chữ. Khi ngồi xuống các phu cờ vất gậy xuống đất, như mô phỏng lại tục vút cuốc xẻng khi xưa của dân phu, trước đền Thánh Mẫu.

Việc sẽ xếp chữ gì, tùy theo yêu cầu, ý nghĩa của tổ chức lễ Hội từng năm, và đều do trong ban tổ chức bàn và quy định. Nhưng thường là những câu có ý nghĩa như:

“Mẫu nghi thiên hạ” _ (Đức mẹ của muôn dân)

“Thiên hạ thái bình” _ “Thạch tập sinh dân”

hay “Vân hành, vũ thí” ...v..v...

Những lễ hội mùa xuân ấy, mãi còn gợi nhớ về Vương phi Phùng Ngọc Đài.

Mục lục

	Trang
<i>Lời giới thiệu</i>	5
• Trưng Nữ Vương.....	19
• Ý Lan nguyên phi.....	25
• Lê hoàng hậu	30
• Hoàng hậu Đàm Thị	35
• Huệ Tông hoàng hậu	42
• Hiến Từ tuyên thánh.....	49
• Chiêu Thánh hoàng hậu.....	52
• Khâm Từ Bảo Thánh hoàng hậu	60
• Lê Thị hoàng hậu.....	64
• Thái tổ Phạm hoàng hậu	67
• Hoàng hậu Nguyễn Thị Anh.....	71
• Hoàng hậu Ngô Thị Ngọc Giao	75
• Hoàng hậu Nguyễn Thị Hằng.....	79
• Phùng hoàng hậu	86
• Đức Tông Trịnh hoàng hậu.....	88
• Tương Dực Đế Nguyễn hoàng hậu.....	90
• Minh Tông Hoàng Thái hậu	94

- Hoàng hậu Trịnh thị..... 98
- Hoàng hậu Trịnh Ngọc Trúc..... 104
- Hoàng hậu Nguyễn Thị Kim 106
- Bắc Cung hoàng hậu Lê Ngọc Hân..... 111
- Cung phi Vũ Thị Ngọc Xuyên..... 121
- Nguyễn cung phi..... 124
- Cung phi Ngọc Nương 129
- Cung phi Nguyễn Thị Bích Châu..... 136
- Phạm Huệ phi 140
- Nguyễn Kính phi..... 144
- Phi Dương Thị Bí 146
- Cung phi Ngọc Liệu..... 149
- Phạm Minh phi 153
- Vũ Thái phi..... 155
- Kính phi Nguyễn Thị..... 160
- Thái phi Ngọc Hoan..... 163
- Cung hoàng Nguyễn Quý phi..... 166
- Tuyên phi Đặng Thị Huệ..... 169
- Vương phi Phùng Ngọc Đài..... 176

THĂNG LONG - HÀ NỘI NGÀN NĂM VĂN HIẾN

BÍCH NGỌC (Biên soạn)

36

HOÀNG HẬU
HOÀNG PHÌ
THĂNG LONG
HÀ NỘI



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

phuongnam